

Bản tin

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

SỐ RA NGÀY 10/6/2025



BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
Phuongpn@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
43/GP-XBBT ngày 14/8/2024

MỤC LỤC

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	4
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	12
THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU	17
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	23
THỊ TRƯỜNG CHÈ	29
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	36
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	42

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Cao su:** Giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan có xu hướng giảm, trong khi giá tại sàn giao dịch Thượng Hải - Trung Quốc tăng nhẹ. Trong 4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của Thái Lan tăng mạnh.
- ▶ **Hạt điều:** Xuất khẩu hạt điều của Buốc-ki-na Pha-xô quý I/2025 tăng; Xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a giảm về lượng, nhưng tăng mạnh về trị giá.
- ▶ **Hạt tiêu:** Giá hạt tiêu đầu tháng 6/2025 tại hầu hết các quốc gia trồng chính giảm, trong khi giá tại In-đô-nê-xi-a tăng.
- ▶ **Rau quả:** Research and Markets dự báo thị trường vải thiều toàn cầu sẽ tăng lên mức 8,79 tỷ USD vào năm 2028. Theo báo cáo của AgNet, năm 2024, nhập khẩu rau của Hoa Kỳ tăng 10%, lên 8,03 tỷ USD, mức cao kỷ lục từ trước đến nay, với rau đông lạnh chiếm 51% tổng trị giá nhập khẩu.
- ▶ **Chè:** Quý 1/2025, tổng sản lượng chè của Kê-ni-a đạt 157,51 nghìn tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2024. Xuất khẩu chè của Trung Quốc trong quý 1/2025 tăng 17,1% về lượng và tăng 7,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ **Thủy sản:** Ê-cu-a-đo giảm giá tôm để giữ thị trường khi Trung Quốc vào mùa thu hoạch tôm nuôi. Các hộ nuôi tôm tại huyện Bapatla, Ấn Độ đang đối mặt với một vụ nuôi đầy khó khăn do tình trạng thiếu hụt lao động và mất điện thường xuyên trong mùa Hè.



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

► Cao su: 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam giảm 4,1% về lượng, nhưng tăng 21,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; Giá xuất khẩu bình quân tăng 26,9%. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản 4 tháng đầu năm 2025 giảm.

► Hạt điều: Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tiếp đà tăng trưởng trong tháng 5/2025. Việt Nam tiếp tục là nguồn cung cấp hạt điều lớn nhất cho EU trong quý 1/2025.

► Hạt tiêu: Giá hạt tiêu trong nước đầu tháng 6/2025 giảm đáng kể so với đầu tháng 5/2025. Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm 12,5% về lượng, nhưng tăng 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ trong tháng 3 tháng đầu năm 2025 tăng 35,5% về lượng và tăng 105,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ trong quý 1/2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.

► Rau quả: Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 5/2025 đạt 616,5 triệu USD, tăng 17,8% so với tháng 4/2025, nhưng giảm 20,7% so với tháng 5/2024. Thị phần rau, hoa, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 4 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.

► Chè: 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam giảm 3,2% về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Đài Loan, nhập khẩu chè từ Việt Nam chiếm 48,3% trong tổng lượng chè nhập khẩu vào thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm 2025.

► Thủy sản: Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang nhiều thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Bra-xin, Đài Loan... tăng mạnh. Trong quý 1/2025, Anh tăng nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam, nhưng thị phần thủy sản của Việt Nam vẫn giảm nhẹ trong tổng nhập khẩu thủy sản vào thị trường này.



THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan có xu hướng giảm, trong khi giá tại sàn giao dịch Thượng Hải - Trung Quốc tăng nhẹ.
- ▶ Trong 4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của Thái Lan tăng mạnh. Cao su của Thái Lan tiếp tục được xuất khẩu nhiều nhất tới thị trường Trung Quốc.
- ▶ 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam giảm 4,1% về lượng, nhưng tăng 21,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; Giá xuất khẩu bình quân tăng 26,9%.
- ▶ Thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Nhật Bản 4 tháng đầu năm 2025 giảm.



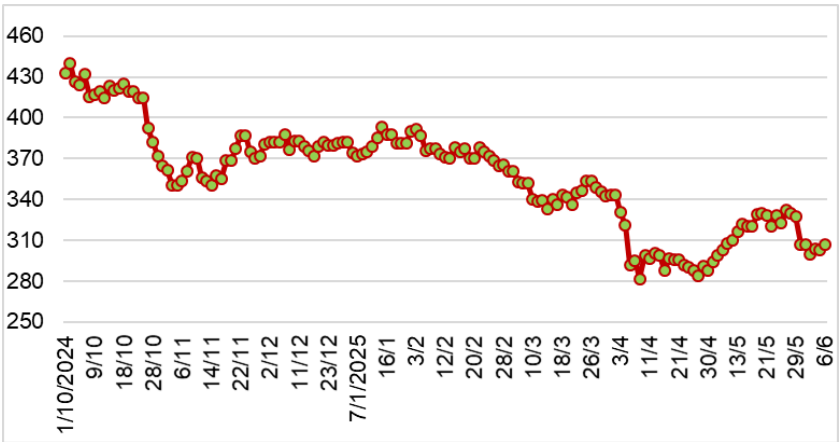
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Từ đầu tháng 6/2025 đến nay, giá cao su tại các sàn giao dịch châu Á có diễn biến trái chiều, phản ánh tâm lý giao dịch dè dặt của các nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường còn nhiều yếu tố bất định. Trong đó, giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan có xu hướng giảm, trong khi giá tại sàn Thượng Hải - Trung Quốc tăng nhẹ.

Nguồn cung từ các quốc gia sản xuất chủ lực như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Việt Nam tăng đang là yếu tố chính gây áp lực lên giá cao su. Đây là thời điểm chính vụ thu hoạch mủ cao su, khiến lượng hàng đưa ra thị trường tăng đáng kể, tạo áp lực lên giá. Bên cạnh đó, thị trường cao su còn chịu ảnh hưởng bởi triển vọng kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng.

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần sau khi giảm xuống 299,7 Yên/kg (ngày 03/6/2025) đã tăng trở lại, nhưng vẫn giảm nhẹ so với cuối tháng trước. Ngày 06/6/2025, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 306,8 Yên/kg (tương đương 2,13 USD/kg), giảm 0,1% so với cuối tháng 5/2025 và giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2024.

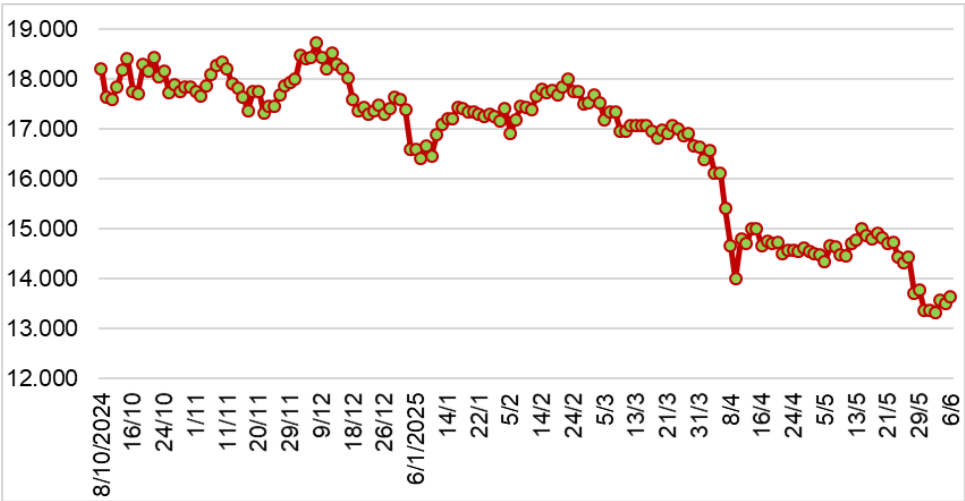
Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn OSE từ tháng 10/2024 đến nay
(ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 tăng nhẹ so với cuối tháng trước. Ngày 06/6/2025, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 13.635 NDT/tấn (tương đương 1,9 USD/kg), tăng 2,1% so với cuối tháng 5/2025, nhưng vẫn giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2024.

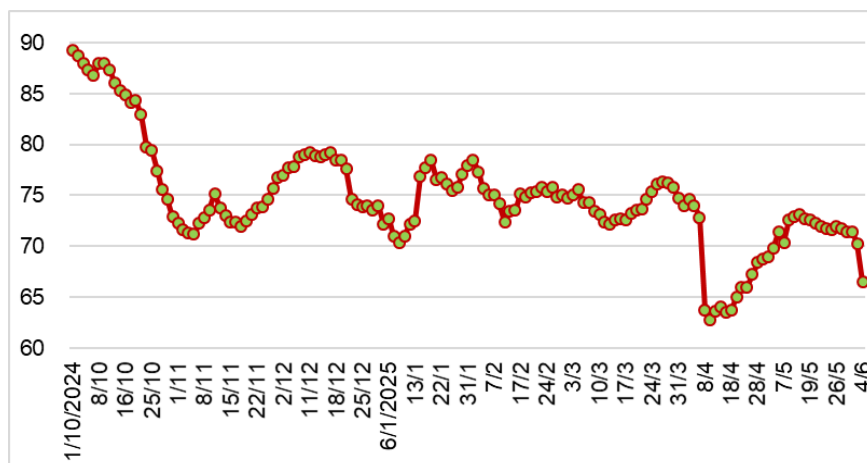
Diễn biến giá cao su tại sàn SHFE từ tháng 10/2024 đến nay
(ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, giá cao su RSS3 giảm mạnh so với cuối tháng trước. Ngày 04/6/2025, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 66,5 Baht/kg (tương đương 2,04 USD/kg), giảm 5,3% so với cuối tháng 5/2025 và giảm 22% so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ tháng 10/2024 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



Nguồn: *thainr.com*

Thái Lan: Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Thái Lan, 4 tháng đầu năm 2025, Thái Lan xuất khẩu được 1,75 triệu tấn cao su (HS 4001; 4002; 4003; 4005), với trị giá 116,33 tỷ Baht (tương đương 3,56 tỷ USD), tăng 13,5% về lượng và tăng 36,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh giá cao su thế giới phục hồi mạnh, đồng thời phản ánh rõ sự gia tăng về nhu cầu tiêu dùng và sản xuất công nghiệp tại các thị trường lớn.

Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ma-lai-xi-a và Ấn Độ là 5 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Thái Lan trong 4 tháng đầu năm 2025. Trong đó, Trung Quốc vẫn là thị trường lớn nhất tiêu thụ cao su của Thái Lan, chiếm 60,64% tổng lượng cao su xuất khẩu của nước này, với 1,06 triệu tấn, trị giá 68,57 tỷ Baht (tương đương 2,1 tỷ USD), tăng 34,7% về lượng và tăng 67,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Mức tăng trưởng ấn tượng này chủ yếu đến từ sự phục hồi sản xuất công nghiệp tại Trung Quốc, đặc biệt trong các ngành ô tô, lốp xe và vật tư y tế, cùng với kỳ vọng vào các gói kích thích kinh tế nội địa trong năm 2025.

Triển vọng xuất khẩu cao su của Thái Lan trong các tháng tới được đánh giá lạc quan, trong bối cảnh nhu cầu từ các nền kinh tế lớn

phục hồi mạnh.

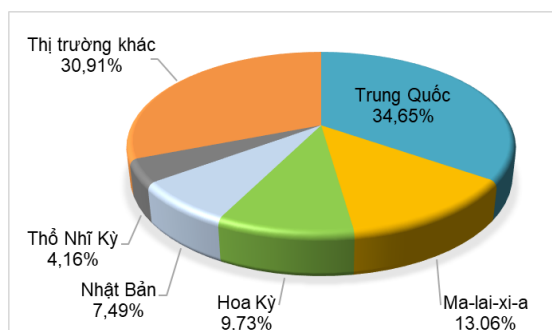
Về cơ cấu chủng loại xuất khẩu: Trong 4 tháng đầu năm 2025, các chủng loại cao su xuất khẩu của Thái Lan gồm: Cao su tự nhiên, cao su tổng hợp, cao su hỗn hợp và cao su tái sinh. Trong đó, cao su tự nhiên chiếm 57,76% tổng lượng cao su xuất khẩu của nước này.

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Thái Lan xuất khẩu được 1,01 triệu tấn cao su tự nhiên (HS 4001), trị giá 67,78 tỷ Baht (tương đương 2,08 tỷ USD), tăng 2,2% về lượng và tăng 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ma-lai-xi-a và Hàn Quốc. Xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 44,37% tổng lượng cao su tự nhiên xuất khẩu của Thái Lan trong 4 tháng đầu năm 2025 với 450,14 nghìn tấn, trị giá 29,27 tỷ Baht (tương đương 897,38 triệu USD), tăng 30,9% về lượng và tăng 60,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

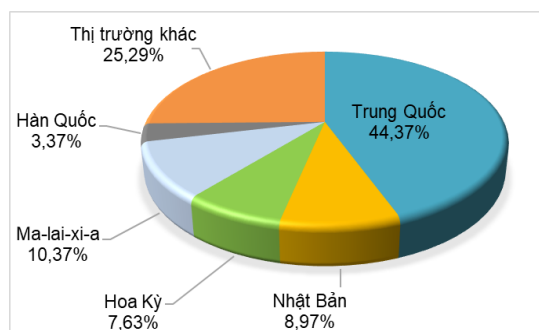
Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su tự nhiên của Thái Lan trong 4 tháng đầu năm 2025 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường lớn là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc tăng; Trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, Ma-lai-xi-a và Thổ Nhĩ Kỳ giảm.

Cơ cấu thị trường tiêu thụ cao su tự nhiên của Thái Lan (Tỷ trọng % tính theo lượng)

4 tháng đầu năm 2024



4 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Cơ quan Hải quan Thái Lan

Trong 4 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su tổng hợp (HS 4002) của Thái Lan đạt 655,08 nghìn tấn, trị giá 43,7 tỷ Baht (tương đương 1,34 tỷ USD), tăng 37,3% về lượng và tăng 64,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Nhật Bản. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 87,81% tổng lượng cao su tổng hợp xuất khẩu của Thái Lan trong 4 tháng đầu năm 2025, với 575,24 nghìn tấn, trị giá 38,69 tỷ Baht (tương đương 1,18 tỷ USD), tăng 43,2% về lượng và tăng 76,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cao su tổng hợp của Thái Lan trong 4 tháng đầu năm 2025 có sự thay đổi khi tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng; trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a và Nhật Bản giảm.

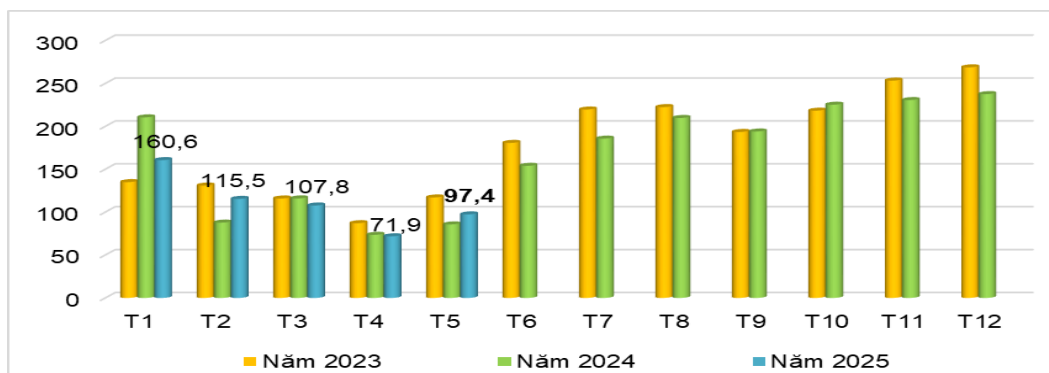
In-đô-nê-xi-a: Ngành cao su In-đô-nê-xi-a ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng trong những tháng đầu năm nay. Ngành cao su nước này đang nỗ lực tận dụng cơ hội để mở rộng thị trường và gia tăng giá trị xuất khẩu trong bối cảnh thương mại toàn cầu có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Trong 4 tháng đầu năm 2025, In-đô-nê-xi-a đã xuất khẩu được 586 nghìn tấn cao su tự nhiên và cao su hỗn hợp, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, xuất khẩu cao su tự nhiên đạt 571 nghìn tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, xuất khẩu cao su tiêu chuẩn đạt 559 nghìn tấn, tăng 12%; Xuất khẩu cao su tẩm hun khói đạt 11 nghìn tấn, tăng 10%; Xuất khẩu mủ cao su đạt 3 nghìn tấn, tương đương so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của In-đô-nê-xi-a trong giai đoạn này. Tổng lượng cao su tự nhiên và cao su hỗn hợp xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 130 nghìn tấn, tăng mạnh 282% so với cùng kỳ năm 2024.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 5/2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam đạt 97,38 nghìn tấn, với trị giá 174,92 triệu USD, tăng 35,5% về lượng và tăng 25,4% về trị giá so với tháng 4/2025; So với tháng 5/2024 tăng 13,6% về lượng

và tăng 28% về trị giá. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su đạt 550,14 nghìn tấn, trị giá 1,04 tỷ USD, giảm 4,1% về lượng, nhưng tăng 21,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023 - 2025 (ĐVT: nghìn tấn)

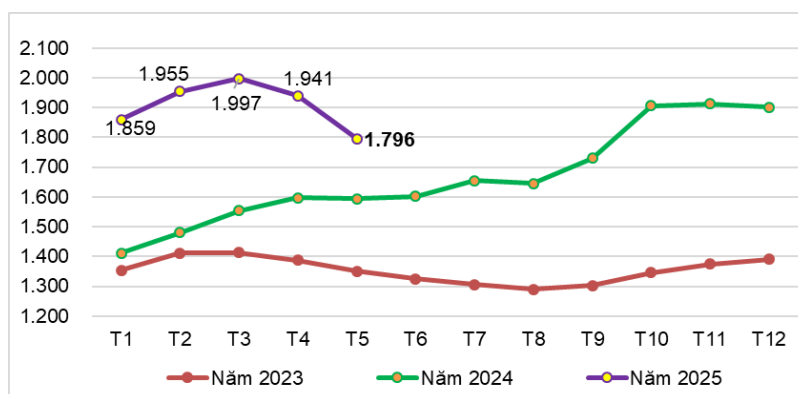


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Về giá xuất khẩu: Tháng 5/2025, giá bình quân cao su xuất khẩu đạt 1.796 USD/tấn, giảm 7,4% so với tháng 4/2025, nhưng tăng 12,6% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, giá bình quân cao su

xuất khẩu đạt 1.905 USD/tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao su thế giới phục hồi và duy trì ở mức tốt, giúp Việt Nam tăng kim ngạch xuất khẩu.

Giá bình quân xuất khẩu cao su của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2023 - 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán theo số liệu của Cục Hải quan

Tháng 5/2025, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 67,89% tổng lượng cao su xuất khẩu, đạt 66,11 nghìn tấn, trị giá 117,78 triệu USD, tăng 39% về lượng và tăng 30,7% về trị giá so với tháng 4/2025; So với tháng 5/2024 tăng 30% về lượng và tăng 53,9% về trị giá. Giá bình quân cao su xuất khẩu sang Trung Quốc ở mức 1.781 USD/tấn, giảm 6% so với tháng 4/2025, nhưng tăng 18,4% so với tháng 5/2024. Lũy kế 5 tháng

đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc 389,65 nghìn tấn cao su, trị giá 734,3 triệu USD, tăng 2,3% về lượng và tăng 34% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong khi đó, xuất khẩu sang Ấn Độ, Hàn Quốc và Nga đều ghi nhận mức giảm mạnh so với tháng 5/2024: Xuất khẩu tới Ấn Độ giảm 36,2% về lượng và giảm 32% về trị giá; tới Hàn Quốc giảm 38,7% về lượng và giảm 28,6% về trị giá; tới Nga

giảm 36,9% về lượng và giảm 24,5% về trị giá. Tuy nhiên, xuất khẩu cao su sang một số thị trường vẫn tăng trưởng tốt so với tháng 5/2024 như: Ma-lai-xi-a tăng 275,7% về lượng và tăng 250,7% về trị giá; Đức tăng 154,6% về lượng và tăng 168,2% về trị giá; Ca-na-da tăng 217% về lượng và tăng 226,7% về trị giá...

Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng trưởng tốt tới nhiều thị trường lớn như: Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ, In-đô-nê-xi-a... Tuy nhiên xuất khẩu sang

một thị trường giảm mạnh như: Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Đức, Nga, Xri-Lan-ca, Pháp, Anh...

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, việc duy trì tăng trưởng xuất khẩu cao su, đặc biệt tới thị trường chủ lực Trung Quốc là một điểm sáng tích cực. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng xuất khẩu tới các thị trường như Ma-lai-xi-a, Ca-na-đa, Đức... cũng cho thấy ngành cao su Việt Nam đang nỗ lực tái cơ cấu thị trường, nâng cao khả năng thích ứng và phát triển bền vững trong thời gian tới.

10 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam trong tháng 5/2025

Thị trường	Tháng 5/2025		So với tháng 5/2024 (%)		5 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng 2024	5 tháng 2025
Tổng	97.380	174.921	13,6	28	550.147	1.048.292	-4,1	21,7	100	100
Trung Quốc	66.116	117.780	30	53,9	389.653	734.301	2,3	34	66,39	70,83
Ấn Độ	6.171	11.009	-36,2	-32	25.991	51.562	-45,2	-32,3	8,27	4,72
Hàn Quốc	3.037	5.952	-38,7	-28,6	16.007	33.103	-20,6	0,1	3,51	2,91
Ma-lai-xi-a	2.115	2.900	275,7	250,7	14.161	21.450	329,8	359,9	0,57	2,57
Đài Loan	2.060	4.062	11	19,8	8.583	17.939	-13,5	8,8	1,73	1,56
Hoa Kỳ	1.960	3.511	198,3	214,3	9.868	19.570	21,5	52,7	1,42	1,79
Thổ Nhĩ Kỳ	1.930	3.388	47,6	34,6	10.255	19.772	2,8	14,7	1,74	1,86
In-đô-nê-xi-a	1.909	3.485	-5,8	-8	14.113	28.478	73,3	93,5	1,42	2,57
Đức	1.647	3.202	154,6	168,2	5.827	12.374	-28,7	-11	1,42	1,06
Nga	1.513	2.994	-36,9	-24,5	7.448	14.972	-23,1	-4,2	1,69	1,35
Thị trường khác	8.922	16.637	-16,9	-11,4	48.241	94.772	-28,9	-13	11,83	8,77

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU CỦA NHẬT BẢN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu cao su của Nhật Bản tăng mạnh cả về lượng và trị giá. Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Nhật Bản, 4 tháng đầu năm 2025, Nhật Bản nhập khẩu 299,62 nghìn tấn cao su (HS: 4001, 4002, 4003, 4005), trị

giá 109,65 tỷ Yên (tương đương 766,1 triệu USD), tăng 15,8% về lượng và tăng 50% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

In-đô-nê-xi-a và Thái Lan là hai đối tác cung cấp cao su chủ lực cho Nhật Bản trong 4 tháng đầu năm 2025. Nhập khẩu cao su

của Nhật Bản từ In-đô-nê-xi-a đạt 132,36 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 44,18% thị phần; trong khi Thái Lan đạt 100,6 nghìn tấn, tăng 19,4% và chiếm 33,58% thị phần. Đáng chú ý, Bờ Biển Ngà đã vươn lên thành thị trường cung cấp cao su lớn thứ ba cho Nhật Bản với 15,76 nghìn tấn, tăng tới 14.232% so với 4 tháng đầu năm 2024 và chiếm 5,26% thị phần, tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, cho thấy Nhật Bản đang mở rộng nguồn cung sang các thị trường ngoài châu Á như châu Phi.

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 9 cho Nhật Bản với 3,02 nghìn tấn, trị giá 1,08 tỷ Yên (tương đương 7,55 triệu USD), giảm 7% về lượng, nhưng tăng 29,5% về trị giá

so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 1,01% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Nhật Bản, giảm nhẹ so với mức 1,26% của 4 tháng đầu năm 2024.

Số liệu thống kê cho thấy, trong 4 tháng đầu năm 2025, cao su của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản chịu cạnh tranh với cao su đến từ nhiều thị trường, đặc biệt là từ In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và Bờ Biển Ngà. Để cải thiện vị thế tại thị trường Nhật Bản, Việt Nam cần chú trọng hơn nữa đến chất lượng sản phẩm, ổn định nguồn cung, tăng cường tiêu chuẩn hóa và mở rộng hợp tác thương mại song phương với các doanh nghiệp Nhật Bản; Đồng thời, đẩy mạnh thương hiệu cao su Việt Nam thông qua các kênh xúc tiến thương mại quốc tế cũng là hướng đi cần thiết.

Thị trường cung cấp cao su cho Nhật Bản 4 tháng đầu năm 2025

(Tỷ giá: 1 USD = 143,13 Yên)

Thị trường	4 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn Yên)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2025
Tổng	299.619	109.652.944	766.107	15,8	50,0	100	100
In-đô-nê-xi-a	132.364	44.706.705	312.350	6,0	47,5	48,26	44,18
Thái Lan	100.608	38.840.062	271.362	19,4	62,1	32,56	33,58
Bờ Biển Ngà	15.765	5.403.684	37.754	14.232	15.908	0,04	5,26
Hàn Quốc	13.899	4.832.919	33.766	11,3	18,5	4,83	4,64
Xin-ga-po	9.393	3.836.768	26.806	4,8	14,2	3,46	3,14
Hoa Kỳ	5.746	3.376.742	23.592	-6,2	-5,5	2,37	1,92
Đài Loan	7.791	2.576.892	18.004	11,1	23,0	2,71	2,60
Trung Quốc	3.693	1.516.428	10.595	28,9	26,7	1,11	1,23
Việt Nam	3.024	1.081.045	7.553	-7,0	29,5	1,26	1,01
Ma-lai-xi-a	1.733	968.719	6.768	13,3	3,8	0,59	0,58
Thị trường khác	5.601	2.512.980	17.557	-23,2	-7,6	2,82	1,87

Nguồn: Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Về chủng loại: Trong 4 tháng đầu năm 2025, Nhật Bản chủ yếu nhập khẩu cao su tự nhiên và cao su tổng hợp. Trong đó, nhập khẩu cao su tự nhiên chiếm 82,66% tổng lượng cao su nhập khẩu của Nhật Bản.

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Nhật Bản nhập khẩu 247,66 nghìn tấn cao su tự nhiên (HS 4001), trị giá 88,24 tỷ Yên (tương đương 616,49 triệu USD), tăng 19% về lượng và tăng 65,6% về trị giá so

với cùng kỳ năm 2024. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Bờ Biển Ngà, Việt Nam và Ma-lai-xi-a là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tự nhiên cho Nhật Bản 4 tháng đầu năm 2025.

In-đô-nê-xi-a tiếp tục là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn nhất cho Nhật Bản với 132,21 nghìn tấn, tăng 6,0% so với cùng kỳ năm 2024 và chiếm 53,38% tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản; Thái Lan đứng thứ hai với 94,84 nghìn tấn, tăng 22,2% và chiếm 38,29% thị phần. Hai thị trường này chiếm tới 91,68% tổng lượng cao su tự nhiên nhập khẩu vào Nhật Bản, cho thấy vị thế khó thay thế trong chuỗi cung ứng nguyên liệu cao su của quốc gia này.

Đáng chú ý, nhập khẩu cao su tự nhiên từ Bờ Biển Ngà cũng ghi nhận mức tăng trưởng vượt trội, đạt 15,76 nghìn tấn, tăng 14.232% so với cùng kỳ năm 2024 và

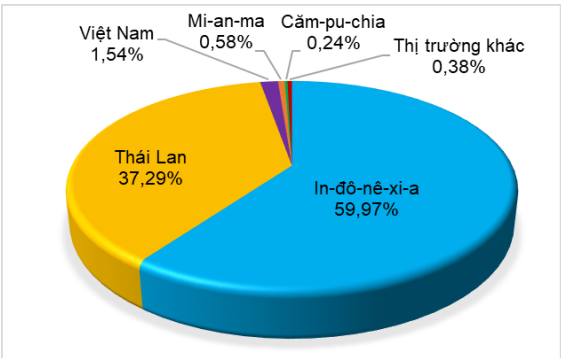
chiếm 6,37% tổng lượng nhập khẩu cao su tự nhiên của Nhật Bản.

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ tư cho Nhật Bản, với 3,02 nghìn tấn, trị giá 1,07 tỷ Yên (tương đương 7,53 triệu USD), giảm 5,7% về lượng, nhưng tăng 31,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Nhật Bản chiếm 1,22%, thấp hơn so với mức 1,54% của 4 tháng đầu năm 2024.

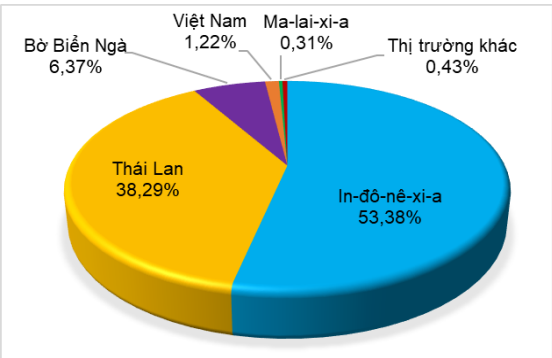
Trong 4 tháng đầu năm 2025, ngoài những nguồn cung chính, Nhật Bản cũng nhập khẩu cao su tự nhiên từ một số thị trường như: Ma-lai-xi-a, Căm-pu-chia, Xri Lan-ca, Trung Quốc, Bỉ..., tuy nhiên, tỷ trọng của các thị trường này còn thấp.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tự nhiên cho Nhật Bản
(Tỷ trọng % tính theo lượng)

4 tháng đầu năm 2024



4 tháng đầu năm 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cơ quan Hải quan Nhật Bản

Trong 4 tháng đầu năm 2025, Nhật Bản cũng nhập khẩu 47,11 nghìn tấn cao su tổng hợp (HS 4002), với trị giá 19,2 tỷ Yên (tương đương 134,18 triệu USD), tăng 3,7% về lượng và tăng 10,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan, Hoa Kỳ và Thái Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su tổng hợp cho Nhật Bản trong 4 tháng đầu năm 2025. Trừ thị trường Đài Loan và Hoa Kỳ, nhập khẩu cao su tổng hợp của Nhật Bản từ 3

thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu thị trường cung cấp cao su tổng hợp cho Nhật Bản trong 4 tháng đầu năm 2025 có sự thay đổi khi thị phần cao su tổng hợp của Hàn Quốc, Xin-ga-po, Đài Loan tăng so với cùng kỳ năm 2024. Sự thay đổi này phần nào cho thấy Nhật Bản đang ưu tiên các nguồn cung ổn định, gần về địa lý và có chất lượng kỹ thuật cao.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ *Xuất khẩu hạt điều của Buốc-ki-na Pha-xô quý I/2025 tăng.*
- ▶ *Xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a quý I/2025 giảm về lượng, nhưng tăng mạnh về trị giá nhờ giá xuất khẩu cao.*
- ▶ *Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng trong tháng 5/2025*
- ▶ *EU đẩy mạnh nhập khẩu hạt điều từ các thị trường ngoài khối trong quý I/2025, Việt Nam tiếp tục là nhà cung cấp lớn nhất.*



THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

Buốc-ki-na Pha-xô: Hoạt động xuất khẩu hạt điều của Buốc-ki-na Pha-xô đã ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trong quý I/2025. Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), quý I/2025, xuất khẩu hạt điều của Buốc-ki-na Pha-xô đạt 34,84 nghìn tấn, trị giá 41,02 triệu USD, tăng 15,2% về lượng và tăng 63,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Tô-gô, Ga-na, Ấn Độ, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và Việt Nam là 5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Buốc-ki-na Pha-xô. Trong đó, Tô-gô là thị trường xuất khẩu

hạt điều lớn nhất của Buốc-ki-na Pha-xô trong quý I/2025, chiếm 41,39% về lượng và chiếm 37% về trị giá trong tổng xuất khẩu hạt điều của Buốc-ki-na Pha-xô, đạt 14,42 nghìn tấn, trị giá 15,18 triệu USD, tăng 2,1% về lượng và tăng 55,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ hai là xuất khẩu tới Ga-na đạt 8,35 nghìn tấn, trị giá 8,99 triệu USD, tăng tới 371,8% về lượng và tăng 832,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Sự tăng trưởng mạnh mẽ xuất khẩu tới thị trường Ga-na không chỉ phản ánh nhu cầu tiêu thụ nội địa của

Ga-na tăng cao, mà còn cho thấy đây có thể trở thành trung tâm chế biến và tái xuất khẩu điều lớn trong khu vực. Đứng thứ ba là xuất khẩu tới Ấn Độ đạt 4,7 nghìn tấn, trị giá 6,24 triệu USD, tăng 54,6% về lượng và tăng 176,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong quý I/2025, lượng hạt điều xuất khẩu của Buốc-ki-na Pha-xô sang một số thị trường tăng so với cùng kỳ năm 2024 như: Tô-gô, Ga-na, Ấn Độ, Việt Nam, Xin-ga-po..., trong khi xuất khẩu sang một số thị trường lại giảm như: Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Bỉ, Đức...

In-đô-nê-xi-a: Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), quý I/2025, xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a đạt 11,57 nghìn tấn, trị giá 21,36 triệu USD, giảm 7,8% về lượng, nhưng tăng 14,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Việt Nam,

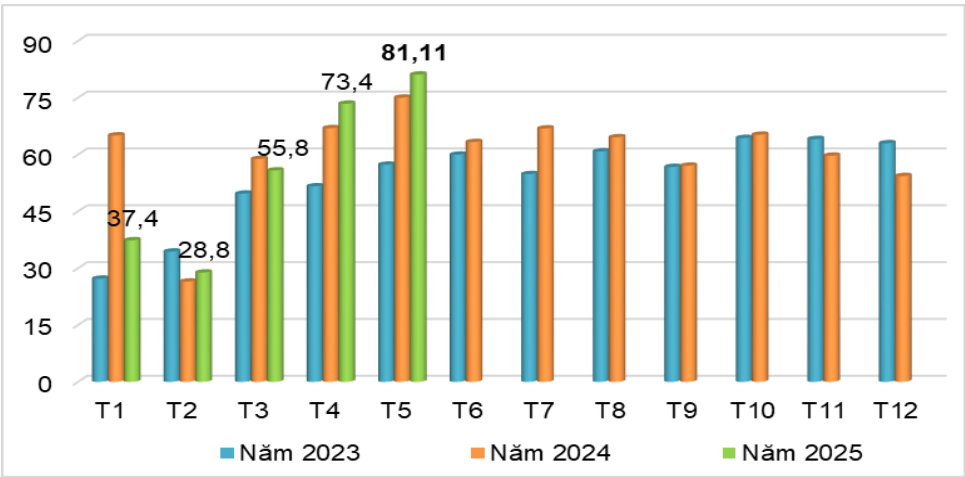
Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Hoa Kỳ và Thái Lan là 5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của In-đô-nê-xi-a trong quý I/2025. Việt Nam là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của In-đô-nê-xi-a trong quý I/2025, chiếm 82,33% về lượng và chiếm 67,95% về trị giá trong tổng xuất khẩu hạt điều của In-đô-nê-xi-a, đạt 9,53 nghìn tấn, trị giá 14,51 triệu USD, giảm 14% về lượng, nhưng tăng 17,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Đứng thứ hai là Ấn Độ đạt 1,36 nghìn tấn, trị giá 1,99 triệu USD, tăng 433,4% về lượng và tăng 622,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong quý I/2025, lượng hạt điều xuất khẩu của In-đô-nê-xi-a sang một số thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2024 như: Việt Nam, Hoa Kỳ, Thái Lan, Đức, Băng-la-đét..., trong khi xuất khẩu sang một số thị trường lại tăng như: Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc...

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cục Hải quan, tháng 5/2025, Việt Nam xuất khẩu được 81,11 nghìn tấn hạt điều, trị giá 550,83 triệu USD, tăng 10,5% về lượng và tăng 11,5% về trị giá so với tháng 4/2025, tăng 8,1% về lượng và tăng 33,3% về trị giá so với tháng 5/2024, là tháng thứ hai liên tiếp xuất khẩu

hạt điều tăng so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu được 276,76 nghìn tấn hạt điều với trị giá 1,88 tỷ USD, giảm 5,3% về lượng, nhưng tăng 19,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng hạt điều của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng năm 2022 – 2025
(ĐVT: Nghìn tấn)

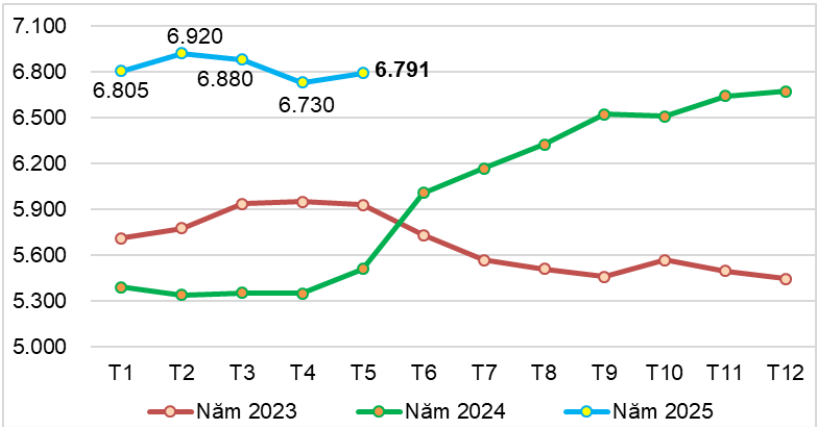


Nguồn: Cục Hải quan

+ *Về giá xuất khẩu:* Giá bình quân xuất khẩu hạt điều tiếp tục tăng. Tháng 5/2025, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.791 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng 4/2025 và tăng 23,3% so với

tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.809 USD/tấn, tăng 26,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các tháng năm 2023 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

+ *Cơ cấu thị trường:* Tháng 5/2025, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hà Lan, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất và Đức là 5 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam. Trừ Hoa Kỳ và Hà Lan, lượng hạt điều xuất khẩu sang các thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2024.

9,6% về lượng, nhưng tăng 14,7% về trị giá so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ 59,75 nghìn tấn hạt điều, đạt trị giá 406,88 triệu USD, giảm 21,7% về lượng, nhưng tăng 0,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trung Quốc tiếp tục tăng nhập khẩu hạt điều Việt Nam trong tháng 5/2025, với 24,62 nghìn tấn, trị giá 156,38 triệu USD, tăng 3,7% về lượng và tăng 4,9% về trị giá so với tháng 4/2025; so với tháng 5/2024 tăng 44,4% về lượng và tăng 67% về trị giá. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc đạt 65,79 nghìn tấn, trị giá 414,94 triệu USD, tăng 21,7% về lượng và tăng 41,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2024.

Trong tháng 5/2025, hoạt động xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tiếp tục ghi nhận kết quả khả quan, với sự bứt phá mạnh mẽ xuất khẩu tới các thị trường châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất. Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường như Hoa Kỳ, Hà Lan, Úc vẫn đối mặt với nhiều thách thức.

Trong khi đó, xuất khẩu hạt điều sang Hoa Kỳ tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 5/2025, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 17,36 nghìn tấn, với trị giá 117,6 triệu USD, giảm

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tới một số thị trường tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2024 như: Trung Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Nhật Bản... Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường như: Hoa Kỳ, Hà Lan, Anh, Ả Rập Xê-út, Úc, Ca-na-đa, Tây Ban Nha, Nga... giảm mạnh.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong tháng 5/2025 và 5 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 5/2025		So với tháng 5/2024 (%)		5 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2024	5 tháng năm 2025
Tổng	81.116	550.837	8,1	33,3	276.761	1.884.451	-5,3	19,4	100	100
Trung Quốc	24.628	156.390	44,4	67	65.795	414.946	21,7	41,2	18,5	23,77
Hoa Kỳ	17.361	117.606	-9,6	14,7	59.752	406.890	-21,7	0,1	26,1	21,59
Hà Lan	5.402	39.768	-24,1	-0,7	22.031	158.967	-5,2	22,4	7,95	7,96
UAE	2.592	18.427	27,3	62,7	10.029	72.564	15,8	50,4	2,96	3,62
Đức	2.287	15.562	8,4	43,9	9.130	62.575	-2	27,4	3,19	3,3
Anh	1.925	12.654	12,6	54,8	7.561	49.014	-9,7	19,3	2,86	2,73
Ả Rập Xê-út	1.646	11.666	23,3	43,7	5.155	37.354	-10,4	15	1,97	1,86
Litva	1.605	11.878	65,5	124,4	4.960	36.457	0	33,7	1,7	1,79
Ca-na-đa	1.251	9.148	2,7	33,5	4.852	34.516	-29,1	-11,5	2,34	1,75
Úc	1.249	8.198	-14,3	2,1	4.910	31.637	-31,7	-16,1	2,46	1,77
Thị trường khác	21.170	149.539	1,8	26,2	82.586	579.533	-5,7	22,4	29,97	29,84

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA EU TỪ CÁC THỊ TRƯỜNG NGOÀI KHỎI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong quý I/2025, EU nhập khẩu 44,58 nghìn tấn hạt điều (HS 080131, 080132) từ các thị trường ngoài khối, với trị giá 283,94 triệu Eur (tương đương 324,04 triệu USD), tăng 17,5% về lượng và tăng 44,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, cho thấy nhu cầu tiêu thụ hạt điều tại EU đang phục hồi và giá hạt điều cũng có xu hướng tăng cao.

Việt Nam giữ vững vị trí đối tác cung cấp hạt điều lớn nhất cho thị trường EU, với 31,99 nghìn tấn, trị giá 202,21 triệu Eur (tương đương 230,77 triệu USD), tăng 16,5% về lượng và tăng 42,6% về trị giá so

với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 71,77% tổng lượng hạt điều EU nhập khẩu từ các thị trường ngoài khối, giảm nhẹ so với mức 72,4% của cùng kỳ năm 2024.

Bờ Biển Ngà tiếp tục là nguồn cung cạnh tranh lớn nhất của Việt Nam tại thị trường EU. Trong quý I/2025, nước này xuất khẩu sang EU 7,58 nghìn tấn hạt điều, tăng 47,8% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hạt điều của Bờ Biển Ngà tăng từ 13,52% trong quý I/2024 lên 17,00% trong quý I/2025.

Ngoài Việt Nam và Bờ Biển Ngà, trong

quý I/2025, nhập khẩu hạt điều của EU từ một số thị trường khác cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm 2024 như: Ấn Độ đạt 2.010 tấn, tăng 10,1% và chiếm 4,51% thị phần; Bra-xin tăng 61,9% về lượng và tăng 92,3% về trị giá, chiếm 1,42% thị phần; Tan-za-ni-a và In-đô-nê-xia cũng có mức tăng đáng kể, trong đó In-đô-nê-xia tăng tới 550,3%.

Tuy nhiên, lượng hạt điều EU nhập khẩu từ một số thị trường khu vực châu Phi như Bước-ki-na Pha-xô, Ni-giê-ri-a, Bê-Nin, Gha-na

có xu hướng giảm mạnh, phản ánh khó khăn về nguồn cung hoặc năng lực cạnh tranh yếu dần.

Dù Việt Nam vẫn giữ vai trò chi phối, nhưng EU cũng đang đa dạng hóa nguồn cung điều, với sự gia tăng nhập khẩu từ các nước Tây Phi như Bờ Biển Ngà, Ni-giê-ri-a, Bê-Nin, Bước-ki-na Pha-xô, cũng như một số quốc gia châu Á khác như Ấn Độ, In-đô-nê-xia. Điều này cho thấy EU đang có xu hướng tìm kiếm các nguồn cung hạt điều mới để thúc đẩy chuỗi cung ứng bền vững hơn.

Thị trường ngoài khối cung cấp hạt điều cho EU trong quý I/2025

(Tỷ giá: 1 Eur = 1,1412 USD)

Thị trường	Quý I/2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Thị phần tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn Eur)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Quý I/2024	Quý I/2025
Tổng	44.582	283.948	324.041	17,5	44,1	100	100
Việt Nam	31.995	202.217	230.770	16,5	42,6	72,40	71,77
Bờ Biển Ngà	7.580	46.616	53.199	47,8	83,7	13,52	17,00
Ấn Độ	2.010	17.211	19.641	10,1	36,1	4,81	4,51
Bra-xin	632	3.589	4.096	61,9	92,3	1,03	1,42
Ni-giê-ri-a	481	2.400	2.739	-13,1	-4,2	1,46	1,08
Bê-Nin	393	2.370	2.705	-26,0	1,9	1,40	0,88
Bước-ki-na Pha-xô	313	2.177	2.484	-52,8	-41,0	1,75	0,70
Tan-za-ni-a	308	1.838	2.097	25,8	32,8	0,64	0,69
Gha-na	222	1.424	1.626	-22,5	-3,0	0,75	0,50
In-đô-nê-xia	220	1.329	1.516	550,3	640,3	0,09	0,49
Thị trường khác	429	2.777	3.166	-47,3	-27,8	2,15	0,96

Nguồn: Eurostat

Trong quý I/2025, hơn 99,99% lượng hạt điều nhập khẩu vào EU là hạt điều đã bóc vỏ (HS 080132), cho thấy nhu cầu tập trung vào sản phẩm đã qua chế biến, thuận tiện cho tiêu dùng và chế biến thực phẩm.

Như vậy, trong quý I/2025, nhập khẩu hạt điều từ các thị trường ngoại khối vào EU tiếp tục tăng trưởng mạnh, Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế là nhà cung cấp chủ lực, trong khi các quốc gia châu Phi như Bờ

Biển Ngà, Ni-giê-ri-a, Bê-Nin... đang có vai trò quan trọng hơn trong chuỗi cung ứng hạt điều cho thị trường EU. Việc gia tăng nhập khẩu từ nhiều thị trường cho thấy EU đang ưu tiên nguồn cung ổn định, đa dạng và đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng khắt khe, đồng thời phản ánh sự hồi phục nhu cầu tiêu dùng điều tại khu vực này sau các giai đoạn biến động kinh tế.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- ▶ Giá hạt tiêu đầu tháng 6/2025 tại hầu hết các quốc gia trồng chính giảm, trong khi giá tại In-đô-nê-xi-a tăng.
- ▶ Cùng với xu hướng giá hạt tiêu thế giới, giá hạt tiêu trong nước đầu tháng 6/2025 đã giảm đáng kể so với đầu tháng 5/2025.
- ▶ Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam giảm 12,5% về lượng, nhưng tăng 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ trong tháng 3 tháng đầu năm 2025 tăng 35,5% về lượng và tăng 105,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần hạt tiêu Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ấn Độ giảm.



THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU THẾ GIỚI

Giá hạt tiêu thế giới đầu tháng 6/2025 tại hầu hết các quốc gia trồng chính giảm, trừ giá tại In-đô-nê-xi-a tăng. Trong đó:

+ Tại cảng Kuching của Ma-lai-xi-a, ngày 6/6/2025, giá hạt tiêu đen giảm 200 USD/tấn so với ngày 6/5/2025, xuống 9.100 USD/tấn; giá hạt tiêu trắng giảm 50 USD/tấn, xuống 11.850 USD/tấn.

+ Tại Bra-xin, ngày 6/6/2025, giá hạt tiêu đen xuất khẩu đạt mức 6.150 USD/tấn,

giảm 650 USD/tấn so với ngày 6/5/2025. Đây là thị trường có giá hạt tiêu xuất khẩu giảm mạnh nhất.

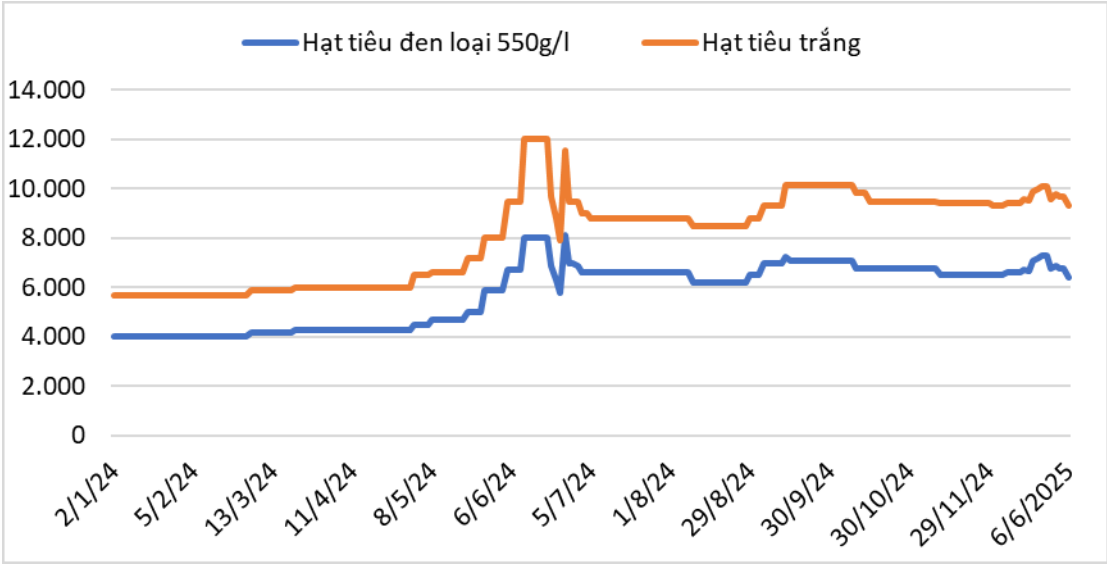
+ Tại cảng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh của Việt Nam, ngày 6/6/2025, giá các loại hạt tiêu đồng loạt giảm 400 USD/tấn so với ngày 6/5/2025; Trong đó, giá hạt tiêu đen 500g/l đạt 6.300 USD/tấn; giá hạt tiêu đen 550g/l đạt 6.400 USD/tấn và giá hạt tiêu trắng đạt 9.300 USD/tấn.

+ Tại cảng Lampung ASTA của In-đô-nê-xi-a, ngày 6/6/2025, giá hạt tiêu đen và trắng xuất khẩu đều tăng so với mức giá đầu tháng 5/2025, trong đó, giá hạt tiêu đen tăng 65 USD/tấn, lên mức 7.437 USD/tấn; giá hạt tiêu trắng tăng 157 USD/tấn, lên mức 10.142 USD/tấn.

Thông thường từ tháng 4 là giai đoạn

thị trường gia vị nói chung và hạt tiêu nói riêng diễn ra sôi động nhất trong năm. Tuy nhiên, trong năm nay, thị trường hạt tiêu thế giới lại ảm đạm khi căng thẳng thương mại gia tăng. Nhu cầu nhập khẩu từ nhiều quốc gia ở mức thấp, mức thuế quan chưa rõ ràng khiến các doanh nghiệp cẩn trọng trong việc ký kết hợp đồng.

Diễn biến giá hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)

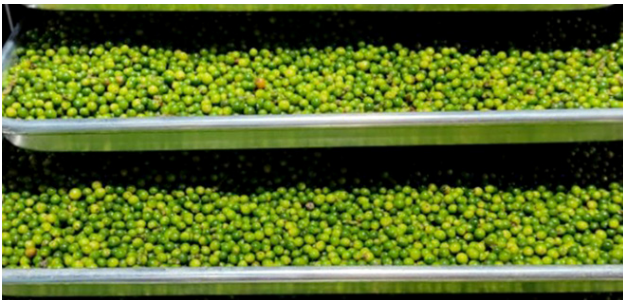


Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Quốc tế (IPC)

TRONG NƯỚC: GIÁ HẠT TIÊU GIẢM 10.000-11.000 ĐỒNG/KG

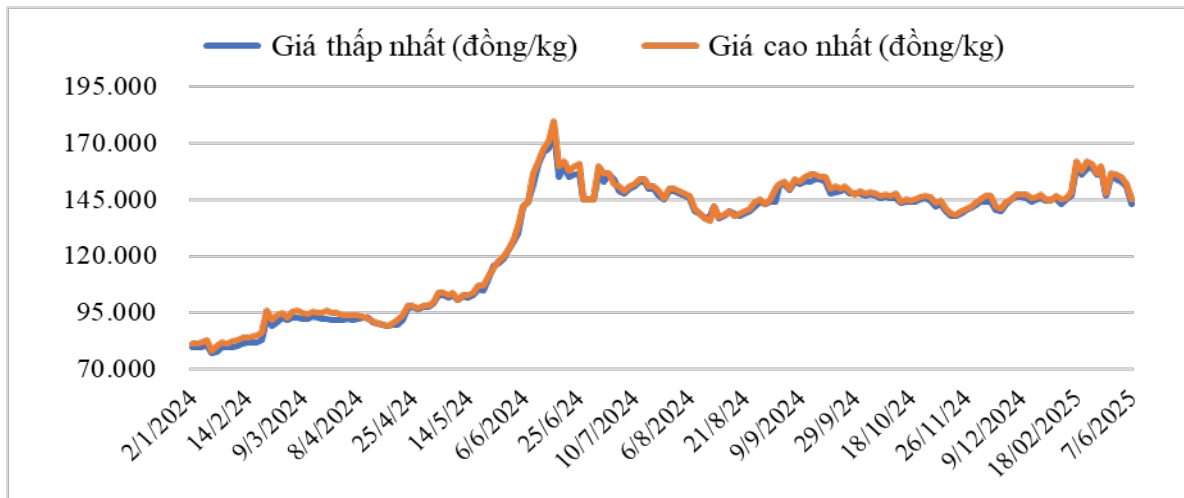
Cùng với xu hướng thế giới, giá hạt tiêu trong nước đầu tháng 6/2025 đã giảm đáng kể so với đầu tháng 5/2025. Giá hạt tiêu tại một số vùng trồng chính như sau:

Ngày 7/6/2025, giá hạt tiêu tại Bình Phước và Đồng Nai đồng loạt giảm 11.000 đồng/kg so với ngày 7/5/2025, xuống 143.000 đồng/kg; Giá hạt tiêu tại Đắk Lắk, Gia Lai, Đắk Nông và Bà Rịa – Vũng Tàu giảm thấp hơn, giảm 10.000 đồng/kg. Trong đó, giá hạt tiêu tại Đắk Lắk và Đắk Nông ở mức 145.000 đồng/kg, tại Bà Rịa – Vũng Tàu là 144.000 đồng/kg và tại Gia Lai là 143.000 đồng/kg.



Trong ngắn hạn, giá hạt tiêu trong nước được dự báo sẽ ổn định hoặc giảm nhẹ do nhu cầu xuất khẩu không ổn định và nguồn cung thắt chặt. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, tình trạng thiếu hụt nguồn cung toàn cầu có thể hỗ trợ giá tiêu tăng trở lại.

Diễn biến giá hạt tiêu đen tại thị trường nội địa năm 2024 – 2025



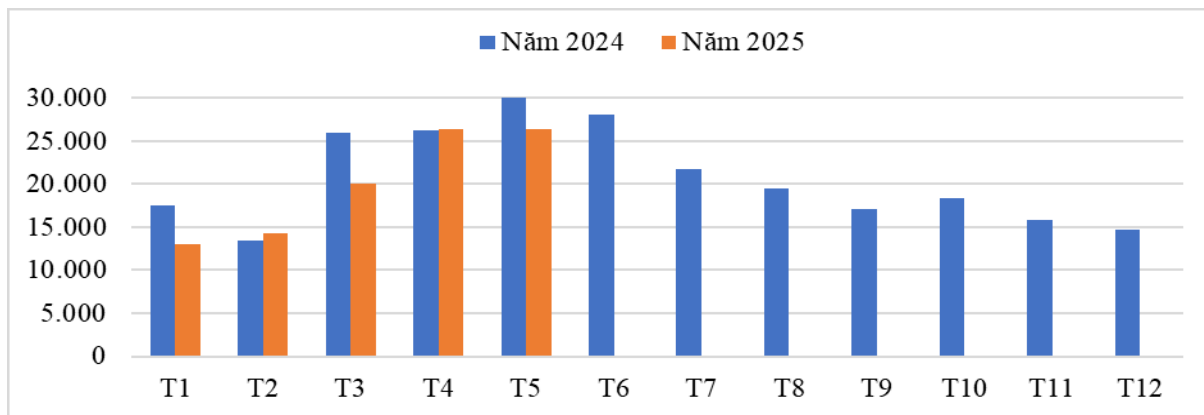
Nguồn: Hiệp hội Hạt tiêu Việt Nam

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT TIÊU CỦA VIỆT NAM THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Theo số liệu từ Cục Hải quan, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam trong tháng 5/2025 đạt 26,3 nghìn tấn, trị giá 182,2 triệu USD, giảm 0,4% về lượng và giảm 1,0% về trị giá so với tháng 4/2025; giảm 15,3% về lượng nhưng tăng 30,6% về trị giá so với tháng 5/2024.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 99,9 nghìn tấn, trị giá 690,4 triệu USD, giảm 12,5% về lượng nhưng tăng 40,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng hạt tiêu xuất khẩu qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: Tấn)



Nguồn: Cục Hải quan

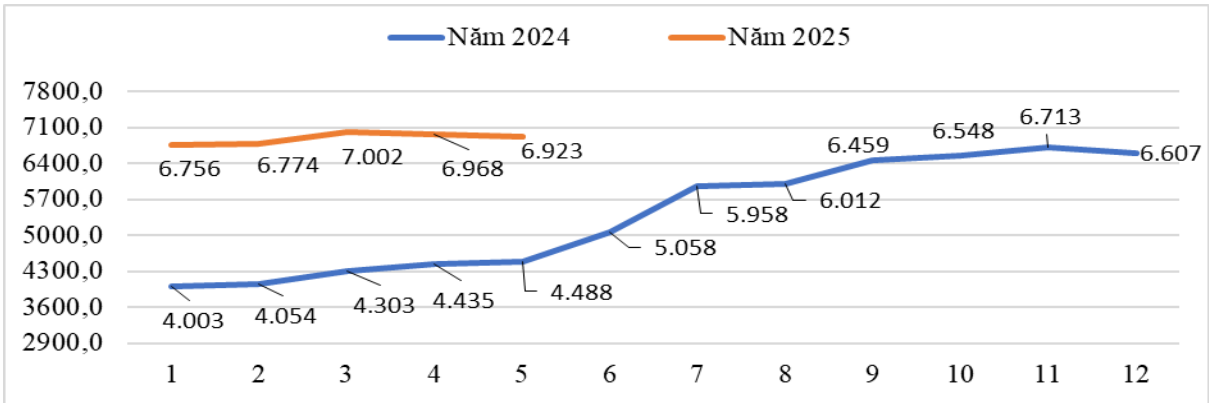
Diễn biến giá trung bình xuất khẩu

Tháng 5/2025, giá trung bình xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam đạt 6.923 USD/tấn,

giảm 0,6% so với tháng 4/2025, nhưng tăng 54,3% so với tháng 5/2024. Tính chung 5

tháng đầu năm 2025, giá trung bình xuất khẩu hạt tiêu đạt 61,1% so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến giá trung bình xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường

Trong tháng 5/2025, xuất khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang nhiều thị trường chủ lực giảm về lượng so với tháng 5/2024, trong khi xuất khẩu tăng tới các thị trường Ấn Độ, Anh, Ai Cập, Nga. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường lớn nhất là Hoa Kỳ giảm 9,3%, tiếp đến là thị trường Đức giảm 13,8%...

khẩu hạt tiêu của Việt Nam sang các thị trường chủ lực có sự tăng trưởng không đồng đều về lượng xuất khẩu, trong đó, xuất khẩu sang một số thị trường giảm như: Hoa Kỳ, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Hà Lan, Thái Lan, Ai Cập, Nga... Ở chiều ngược lại, lượng hạt tiêu xuất khẩu sang một số thị trường tăng như: Đức, Ấn Độ, Anh, Hàn Quốc...

Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất

10 thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 (Đvt: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	Tháng 5/2025		So với tháng 5/2024 (%)		5 tháng đầu năm 2025		So với 5 tháng năm 2024 (%)		Tỷ trọng 5 tháng năm 2025 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	26.328	182.278	-15,3	30,6	99.922	690.434	-12,5	40,5	100,00	100,00
Hoa Kỳ	6.926	52.372	-9,3	41,0	24.687	184.897	-18,9	34,8	24,71	26,78
Đức	1.786	14.334	-13,8	38,1	8.451	63.669	11,5	73,7	8,46	9,22
Ấn Độ	1.731	12.082	26,7	96,2	7.501	53.277	8,3	86,7	7,51	7,72
Các TVQ Ả rập thống nhất	1.035	6.974	-51,6	-31,2	3.960	26.926	-29,8	14,5	3,96	3,90
Anh	762	6.189	58,1	176,1	3.095	23.246	29,0	114,0	3,10	3,37

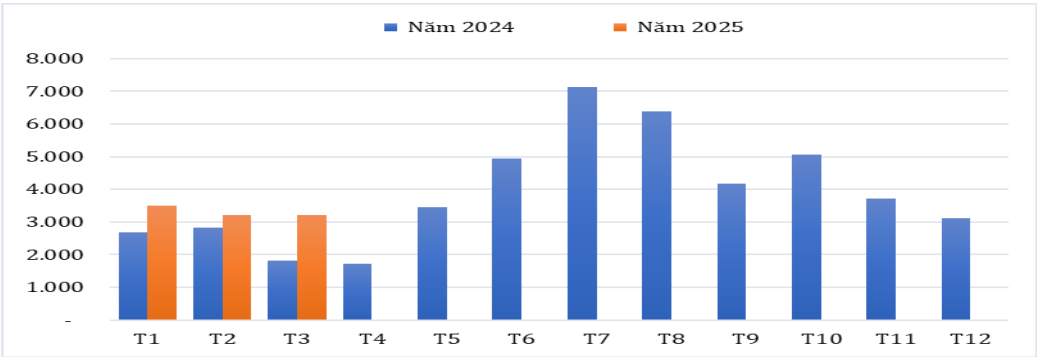
Thị trường	Tháng 5/2025		So với tháng 5/2024 (%)		5 tháng đầu năm 2025		So với 5 tháng năm 2024 (%)		Tỷ trọng 5 tháng năm 2025 (%)	
Hàn Quốc	633	4.738	7,1	56,7	3.350	23.091	2,2	54,8	3,35	3,34
Hà Lan	713	6.058	-49,4	-18,5	2.714	22.276	-47,0	-12,5	2,72	3,23
Thái Lan	498	4.169	-22,8	17,5	2.363	19.220	-4,6	49,7	2,36	2,78
Ai Cập	986	6.053	1,9	44,0	2.607	16.429	-11,4	39,6	2,61	2,38
Nga	640	4.520	7,4	75,0	2.290	16.180	-23,2	28,3	2,29	2,34
Thị trường khác	10.618	64.787	-19,5	22,9	38.904	241.224	-12,4	36,1	38,93	34,94

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT TIÊU CỦA ẤN ĐỘ 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê từ Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, nhập khẩu hạt tiêu 9,9 nghìn tấn, trị giá 68,5 triệu USD, tăng 35,5% về lượng và tăng 105,1% về trị giá của Ấn Độ trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt so với cùng kỳ năm 2024.

Nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ qua các tháng năm 2024 – 2025 (Đvt: Tấn)



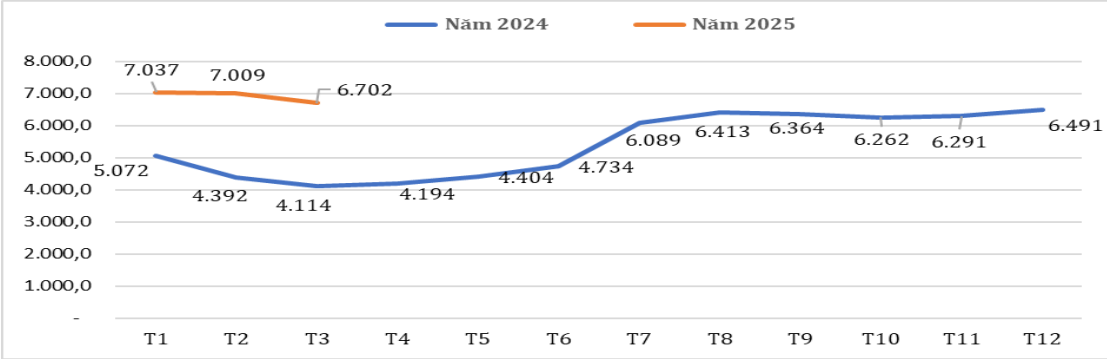
Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

Diễn biến giá

Giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu vào Ấn Độ trong 3 tháng đầu năm 2025 đạt 6.920 USD/tấn, tăng 51,4% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ từ thị trường In-đô-nê-xi-a đạt mức thấp nhất là 5.676 USD/tấn và giá nhập khẩu từ thị trường Xri-Lan-ca đạt mức cao nhất, đạt 7.257 USD/tấn.



Diễn biến giá bình quân nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ qua các tháng năm 2024-2025 (Đvt: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

Cơ cấu nguồn cung

Ấn Độ nhập khẩu hạt tiêu từ khoảng 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, các thị trường cung cấp chính như Xri-Lan-ca, Việt Nam, In-đô-nê-xi-a và Bra-xin chiếm 94,19% tổng lượng nhập khẩu trong 3 tháng đầu năm 2025. Đáng chú ý, nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ từ 2 thị trường Xri-Lan-ca và In-đô-nê-xi-a đã tăng vọt trong 3 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024, điều này khiến thị phần hạt tiêu của 2 thị trường này tại Ấn Độ cũng tăng mạnh, trong đó, thị phần hạt tiêu của Xri-Lan-ca tăng lên 43,15% (tính theo lượng), từ mức 24,1%

của 3 tháng đầu năm 2024; thị phần của In-đô-nê-xi-a tăng lên 15,87%, từ mức 7,89%.

Việt Nam là nguồn cung hạt tiêu lớn thứ hai vào Ấn Độ, tuy vậy, nhập khẩu hạt tiêu của Ấn Độ từ Việt Nam đã giảm đáng kể trong 3 tháng đầu năm 2025, giảm 24,1% về lượng so với cùng kỳ năm 2024, khiến thị phần hạt tiêu của Việt Nam tại Ấn Độ cũng giảm xuống 20,66%, từ mức 36,89%.

Số liệu thống kê cho thấy, tại Ấn Độ, hạt tiêu của Việt Nam đang phải cạnh tranh gay gắt với nguồn cung đến từ các thị trường: Xri-Lan-ca, In-đô-nê-xi-a, Bra-xin.

5 thị trường cung cấp hạt tiêu (mã HS 090411; 090412) vào thị trường Ấn Độ 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	3 tháng đầu năm 2025		So với 3 tháng năm 2024 (%)		Tỷ trọng 3 tháng năm 2025 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	9.900	68.510	35,5	105,1	100,00	100,00
Xri-Lan-ca	4.272	31.000	142,5	176,0	43,15	45,25
Việt Nam	2.046	14.510	-24,1	19,9	20,66	21,18
In-đô-nê-xi-a	1.572	8.920	172,5	395,6	15,87	13,02
Bra-xin	1.436	10.150	-21,4	66,1	14,51	14,82
Các TVQ Ả rập thống nhất	444	2.870	67,7	170,8	4,49	4,19
Thị trường khác	131	1.060	-27,6	-4,5	1,32	1,55

Nguồn: Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ *Research and Markets dự báo thị trường vải thiều toàn cầu sẽ tăng lên quy mô 8,79 tỷ USD vào năm 2028.*
- ▶ *Theo báo cáo của AgNet, năm 2024, nhập khẩu rau của Hoa Kỳ tăng 10%, lên 8,03 tỷ USD, mức cao kỷ lục từ trước đến nay, với rau đông lạnh chiếm 51% tổng trị giá nhập khẩu.*
- ▶ *Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 5/2025 đạt 616,5 triệu USD, tăng 17,8% so với tháng 5/2025, nhưng giảm 20,7% so với tháng 5/2024.*
- ▶ *Thị phần rau, hoa, quả và sản phẩm chế biến của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc 4 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm 2024.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Theo báo cáo của Research and Markets, thị trường vải thiều toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, đạt mức 8,79 tỷ USD vào năm 2028. Động lực chính cho sự tăng trưởng này là nhu cầu ngày càng tăng từ thị trường quốc tế và sự bùng nổ sản xuất tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Các yếu tố khác thúc

đẩy sự tăng trưởng bao gồm việc phát triển các giống vải mới, áp dụng các công nghệ nông nghiệp tiên tiến và sự hỗ trợ về logistics từ chính phủ các nước sản xuất.

Trung Quốc là quốc gia sản xuất và xuất khẩu vải thiều lớn nhất thế giới, với sản lượng hàng năm đạt khoảng 2 triệu

tấn. Các vùng trồng chính bao gồm Quảng Đông (chiếm 65% sản lượng cả nước), Phúc Kiến và Hải Nam. Vải thiều từ Trung Quốc được xuất khẩu sang nhiều thị trường lớn trên thế giới, bao gồm Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Châu Âu, Hồng Kông, Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Ma-lai-xi-a. Sự tăng trưởng của ngành vải thiều Trung Quốc được thúc đẩy bởi việc phát triển các giống mới, áp dụng các công nghệ nông nghiệp tiên tiến và sự hỗ trợ của chính phủ cho logistics.

Việt Nam đang không ngừng củng cố vị thế của mình trên thị trường vải thiều toàn cầu. Dự kiến sản lượng thu hoạch của Việt Nam năm 2025 đạt 303.000 tấn, tăng 30% so với năm 2024. Các vùng sản xuất chính là Bắc Giang và Hải Dương. Vải thiều Việt Nam được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn hữu cơ, đáp ứng yêu cầu của các thị trường tiêu thụ. Thị trường xuất khẩu vải thiều chính của Việt Nam bao gồm Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU. Việt Nam đang đầu tư đáng kể vào việc cải thiện chất lượng và logistics để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Ấn Độ là một trong những nhà sản xuất vải thiều lớn nhất thế giới, với sản lượng ước tính đạt 726.000 tấn trong giai đoạn 2021-2022. Tiểu bang sản xuất chính là Bihar. Tuy nhiên, phần lớn sản lượng vải thiều của Ấn Độ được tiêu thụ trong nước (tới 98-99%). Mặc dù vậy, Ấn Độ có tiềm năng xuất khẩu ngày càng tăng, đặc biệt là sang các thị trường Trung Đông.

Ma-đa-ga-xca là nhà cung cấp chính cho thị trường châu Âu: Ma-đa-ga-xca đã trở thành nước xuất khẩu vải thiều lớn nhất sang EU nhờ kiểm soát chất lượng chặt chẽ và chuỗi hậu cần lạnh hiệu quả. Xuất khẩu vải thiều của nước này sang EU hàng năm đạt trên 20.000 tấn, với các thị trường chính là Pháp và Đức.

Ngoài các quốc gia nêu trên, vải thiều cũng được trồng ở Thái Lan, In-đô-nê-xia và Phi-lip-pin, đóng góp vào nguồn cung cấp trong khu vực và tham gia vào hoạt động thương mại quốc tế.

Sản phẩm vải thiều đang mở rộng ra ngoài phân khúc trái cây tươi, với các sản phẩm chế biến như mứt, nước ép, trái cây đóng hộp và vải thiều sấy khô ngày càng được ưa chuộng trên thị trường toàn cầu. Xu hướng này cho thấy tính linh hoạt và sức hấp dẫn ngày càng tăng của loại trái cây này.

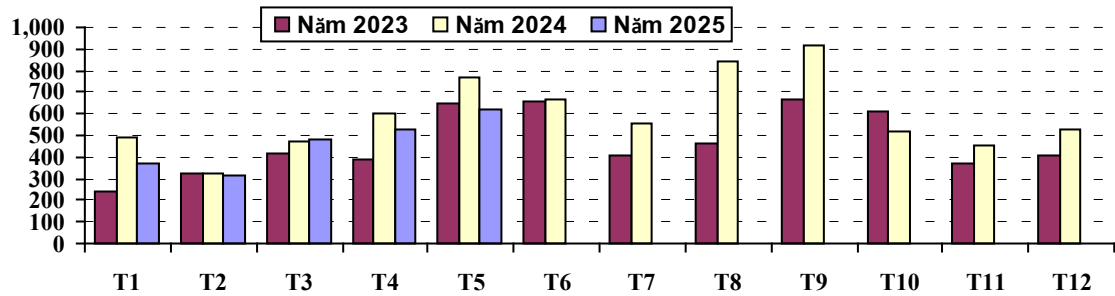
- Hoa Kỳ: Theo báo cáo của AgNet, năm 2024, nhập khẩu rau của Hoa Kỳ tăng 10%, lên 8,03 tỷ USD, mức cao kỷ lục từ trước đến nay, với rau đông lạnh chiếm 51% tổng trị giá nhập khẩu. Khối lượng nhập khẩu rau của Hoa Kỳ năm 2024 tăng 5%, đạt 22,86 tỷ pound, thấp hơn một chút so với mức đỉnh năm 2022. Nhập khẩu các sản phẩm khoai tây đông lạnh, đặc biệt là khoai tây chiên tăng là yếu tố chính góp phần vào xu hướng này, trong khi nhập khẩu bông cải xanh và súp lơ đông lạnh lại giảm. Nhập khẩu rau chế biến của Hoa Kỳ năm 2024 tăng 14%, đạt trên 3 tỷ USD, chủ yếu là các sản phẩm từ cà chua. Xu hướng này cho thấy sự thay đổi sở thích của người tiêu dùng Hoa Kỳ sang rau đông lạnh có giá trị cao và chế phẩm ăn liền.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự tăng trưởng nhập khẩu này gồm: Thay đổi chế độ ăn uống, mua sắm tập trung vào sự tiện lợi; Sự gia tăng nhập khẩu khoai tây đông lạnh, đặc biệt là khoai tây chiên, cho thấy nhu cầu về các giải pháp chế biến, sẵn sàng để nấu ngày càng cao. Ngược lại, sự sụt giảm trong nhập khẩu bông cải xanh và súp lơ đông lạnh có thể phản ánh sự thay đổi sở thích của người tiêu dùng hoặc sự thay đổi do sản lượng sản xuất trong nước tăng.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM TRONG THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Theo số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam trong tháng 5/2025 đạt 616,5 triệu USD, tăng 17,8% so với tháng 4/2025, nhưng giảm 20,7% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt 2,302 tỷ USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2024.

Kim ngạch xuất khẩu rau quả của Việt Nam giai đoạn 2023 – 2025
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

So với tháng 4/2025, trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam tháng 5/2025 sang một số thị trường lớn như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hà Lan, Hồng Kông, Đức, Ma-lai-xi-a... tăng, trong khi xuất khẩu sang Hàn Quốc, Thái Lan, Đài Loan, Úc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất giảm.

So với tháng 5/2024, trị giá xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang các thị trường: Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan trong tháng 5/2025 giảm; ngược lại xuất khẩu sang Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hà Lan, Úc, Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất tăng mạnh.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan tiếp tục là 5 thị trường xuất khẩu hàng rau quả trọng điểm của Việt Nam.

Tháng 5/2025, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tiếp tục xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước, đạt 333,4 triệu USD, giảm 39,7% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025,

trị giá xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc giảm 35,1% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 1,11 tỷ USD, chiếm 48,2% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 5/2025 đạt 53,58 triệu USD, tăng 25,5% so với tháng trước và tăng 63,3% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 207,8 triệu USD, tăng 65,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Các thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn tiếp theo của Việt Nam trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 gồm: Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Hà Lan...

Ngoài ra, trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng rau quả sang một số thị trường lớn vẫn duy trì được đà tăng trưởng hai con số so với cùng kỳ năm 2024, bao gồm: Nhật Bản, Đài Loan, Hà Lan, Australia, Các Tiểu vương Ả rập thống nhất và Đức.

Đặc biệt, kim ngạch xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Italia tăng mạnh tới ba con số so với cùng kỳ năm 2024, với mức tăng 303,6%, đạt 10,8 triệu USD cho thấy tiềm năng lớn và sự quan tâm ngày càng tăng của thị trường này đối với rau quả Việt Nam. Sự tăng trưởng này là động lực quan trọng, giúp bù đắp phần nào sự sụt giảm ở các thị trường khác và khẳng định khả năng thích ứng, đa dạng hóa thị trường của ngành rau quả Việt Nam.

Các thị trường xuất khẩu hàng rau quả lớn nhất của Việt Nam tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 5/2025 (nghìn USD)	So với tháng 4/2025 (%)	So với tháng 5/2024 (%)	5 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
						5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2024
Tổng	616.543	17,8	-20,7	2.301.520	-13,5	100,0	100,0
Trung Quốc	333.439	29,7	-39,7	1.109.831	-35,1	48,2	64,2
Hoa Kỳ	53.582	25,5	63,3	207.780	65,2	9,0	4,7
Hàn Quốc	29.231	-0,2	-5,7	130.690	-5,3	5,7	5,2
Nhật Bản	21.796	4,6	16,5	97.011	21,1	4,2	3,0
Thái Lan	6.829	-34,3	-56,1	64.210	-14,0	2,8	2,8
Đài Loan	16.052	-15,8	-9,8	60.638	20,4	2,6	1,9
Hà Lan	22.321	79,2	89,7	58.941	21,0	2,6	1,8
Úc	10.612	-2,5	66,0	49.631	19,4	2,2	1,6
Các TVQ Ả rập Thống nhất	9.951	-23,5	35,9	49.039	41,2	2,1	1,3
Hồng Kông	11.153	19,6	23,7	35.843	69,2	1,6	0,8
Đức	9.614	25,5	44,1	35.029	32,0	1,5	1,0
Ma-lai-xi-a	7.940	12,7	72,7	35.020	50,8	1,5	0,9
Ca-na-đa	6.554	20,2	13,5	27.775	7,6	1,2	1,0
Nga	5.942	-4,9	-9,3	24.757	-8,3	1,1	1,0
Pháp	4.607	-16,6	15,6	24.081	23,7	1,0	0,7

Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA TRUNG QUỐC TRONG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu rau, hoa, củ quả và sản phẩm chế biến (mã HS 06, 07, 08 – không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132 và HS 20) của Trung Quốc đạt 7,8 tỷ USD, giảm 11,7% so với cùng kỳ năm 2024.

Chi-lê, Thái Lan, Việt Nam, Phi-lip-pin và Niu Di-lan là 5 thị trường cung cấp hàng rau, hoa, quả lớn nhất nhất cho Trung Quốc.

Chi-lê là nguồn cung hàng rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn nhất cho Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2025,

đạt 2,9 tỷ USD, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần mặt hàng này của Chi-lê trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 36,9% trong 4 tháng đầu năm 2025; thấp hơn so với mức 37,1% trong 4 tháng đầu năm 2024.

Việt Nam là nguồn cung hàng rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến lớn thứ ba cho Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2025, đạt 908,2 triệu USD, giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2024. Thị phần mặt hàng này của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc chiếm 11,7% trong 4 tháng đầu năm 2025, tăng so với mức 10,8% trong 4 tháng đầu năm 2024.

Một số nguồn cung hàng rau quả cho thị trường Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2025

Thị trường	4 tháng năm 2025 (nghìn USD)	So với 4 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
			4 tháng năm 2025	4 tháng năm 2024
Tổng	7.751.183	-11,7	100,0	100,0
Chi-lê	2.857.600	-12,2	36,9	37,1
Thái Lan	1.430.970	-14,6	18,5	19,1
Việt Nam	908.247	-3,9	11,7	10,8
Phi-lip-pin	233.328	25,4	3,0	2,1
Niu Di-lan	224.830	19,7	2,9	2,1
Hoa Kỳ	215.295	-65,2	2,8	7,0
Úc	199.726	22,8	2,6	1,9
In-đô-nê-xi-a	178.498	-1,3	2,3	2,1
My-an-ma	168.296	9,4	2,2	1,8
Pê-ru	146.606	-32,3	1,9	2,5
Căm-pu-chia	146.520	16,4	1,9	1,4
I-ran	122.018	63,2	1,6	0,9
Ca-na-đa	106.412	10,3	1,4	1,1
Nga	79.369	-16,4	1,0	1,1
Ma-lai-xi-a	69.440	-1,4	0,9	0,8

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

(*) Ghi chú: Rau, hoa, củ, quả và sản phẩm chế biến có mã HS 06, 07, 08 – không bao gồm hạt điều có mã HS 080131; 080132 và HS 20)

THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ Trong quý 1/2025, tổng sản lượng chè của Kê-ni-a đạt 157,51 nghìn tấn, giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý 1/2025, xuất khẩu chè của Trung Quốc tăng 17,1% về lượng và tăng 7,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 46,46 nghìn tấn, trị giá 76,49 triệu USD, giảm 3,2% về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2024.
- ▶ Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Đài Loan, nhập khẩu chè của thị trường này từ Việt Nam chiếm 48,3% trong tổng lượng nhập khẩu chè trong 4 tháng đầu năm 2025, bỏ xa vị trí thứ hai của Xri-Lanca là 18,3%.



THỊ TRƯỜNG CHÈ THẾ GIỚI

- Theo Maximizemarket Research, thị trường chè toàn cầu được định giá ở mức 80,9 tỷ USD vào năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 134,96 tỷ USD vào năm 2032, với tốc độ tăng trưởng hàng năm là 6,6% trong giai đoạn 2025-2032.

Theo dự đoán, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Âu sẽ chiếm thị phần lớn nhất, lần lượt là 40% và 30% vào năm 2032. Trong đó, thị trường chè Trung Quốc sẽ tăng trưởng cao nhất do sự phổ biến của văn hóa chè. Đây là yếu tố chính thúc

đẩy sự tăng trưởng của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Thị trường chè khu vực Bắc Mỹ dự kiến cũng sẽ tăng trưởng nhanh chóng với mức tăng là 6,0% trong giai đoạn dự báo. Thị trường chè khu vực Trung Đông và Châu Phi (MEA) dự kiến cũng sẽ tăng trưởng nhanh chóng với mức tăng 7,3% trong giai đoạn dự báo. Trong đó, Thổ Nhĩ Kỳ và Iran là hai trong số những quốc gia tiêu thụ chè lớn trên thế giới. Thu nhập bình quân đầu người tăng, nhận thức nhiều hơn về lợi ích của sản phẩm và thói quen thay đổi về thực phẩm và đồ uống được kỳ vọng sẽ góp phần vào sự tăng trưởng của ngành chè khu vực.

Dựa trên sản phẩm, phân khúc chè đen dự kiến sẽ chiếm thị phần lớn nhất là 42,5% vào năm 2032.

- **Kê-ni-a:** Theo Cục Thống kê Quốc gia Kê-ni-a, xuất khẩu chè của Kê-ni-a trong quý 1/2025 đã giảm 20% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 46,07 tỷ Shilling Kê-ni-a (khoảng 356 triệu USD), giảm so với mức 446 triệu USD của cùng kỳ năm ngoái. Khối lượng xuất khẩu chè của nước này cũng giảm xuống còn 157.514 tấn trong quý 1/2025, giảm 7,3% so với mức 169.830 tấn của cùng kỳ năm 2024 do khô hạn kéo dài.

Kê-ni-a đang tìm cách mở rộng thị trường xuất khẩu chè ra ngoài các thị trường truyền thống như Pa-ki-xtan, Anh, Nga. Nước này đã ký các thỏa thuận với

các công ty Trung Quốc, với mục tiêu tăng xuất khẩu sang Trung Quốc từ 12,2 nghìn tấn vào năm 2024 lên 50 nghìn tấn vào năm 2030.

- **Trung Quốc:** Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý 1/2025, xuất khẩu chè của nước này đạt 101 nghìn tấn, trị giá 350 triệu USD, tăng 17,1% về lượng và tăng 7,0% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, giá bình quân đạt 3,5 USD/kg, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu chè xanh đạt 88.000 tấn, chè đen đạt 6.363 tấn và chè nhài đạt 1.807 tấn, đều có xu hướng tăng, trong đó chè đen tăng mạnh nhất là 24,4%. Xuất khẩu chè ô long đạt 3.384 tấn, chè trắng đạt 95 tấn, chè hoa khác đạt 22 tấn và đều có xu hướng giảm.

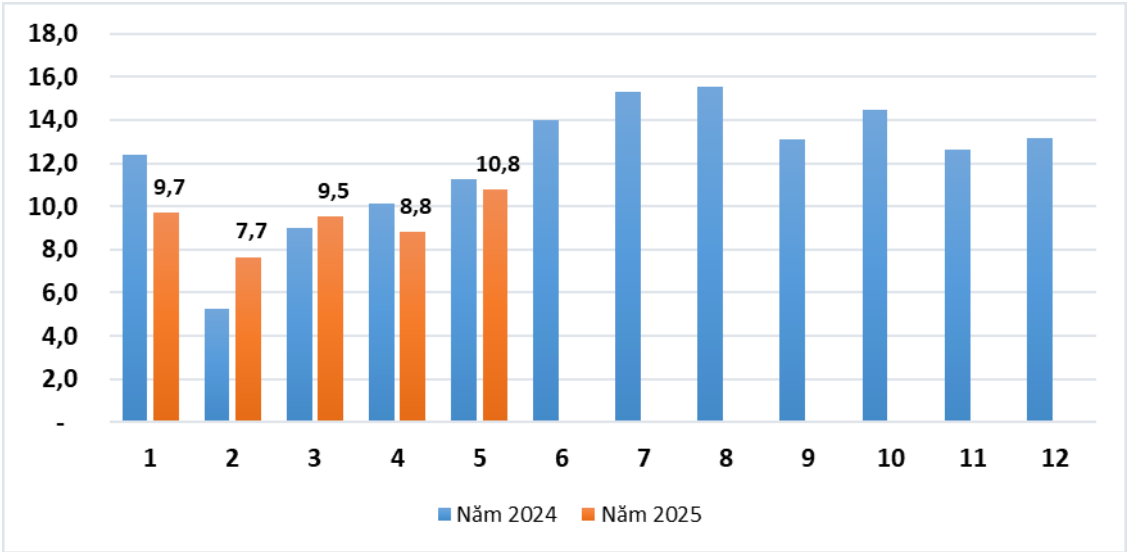
Thị trường xuất khẩu chè hàng đầu của Trung Quốc trong quý 1/2025 là: Ma-rốc, Gha-na, U-dơ-bê-ki-xtan, Xê-nê-gan, Nga, An-giê-ri, Mô-ri-ta-ni, Bờ Biển Ngà, Đức, Libi. Lượng xuất khẩu sang Ma-rốc đạt 23.600 tấn, trị giá 71,34 triệu USD, tăng gần 50% cả về lượng và trị giá so với cùng kỳ năm 2024; Xuất khẩu sang Bờ Biển Ngà đạt 3.064 tấn, trị giá 12,33 triệu USD, tăng mạnh 1.223,6% về lượng và 1.247,9% về trị giá; Xuất khẩu sang Gha-na đạt 75,28 triệu tấn, trị giá 29,53 triệu USD, giảm mạnh 35,3% về lượng và giảm 36,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, tháng 5/2025, Việt Nam xuất khẩu được 10,77 nghìn tấn chè, với trị giá 18,65 triệu USD, tăng 22% về lượng và tăng 26% về trị giá so với tháng 4/2025, nhưng so với tháng 5/2024 giảm 4,4% về lượng và

giảm 0,2% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, Việt Nam xuất khẩu được 46,46 nghìn tấn chè, với trị giá 76,49 triệu USD, giảm 3,2% về lượng và giảm 3,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Lượng chè của Việt Nam xuất khẩu qua các tháng giai đoạn 2024 – 2025
(ĐVT: Nghìn tấn)

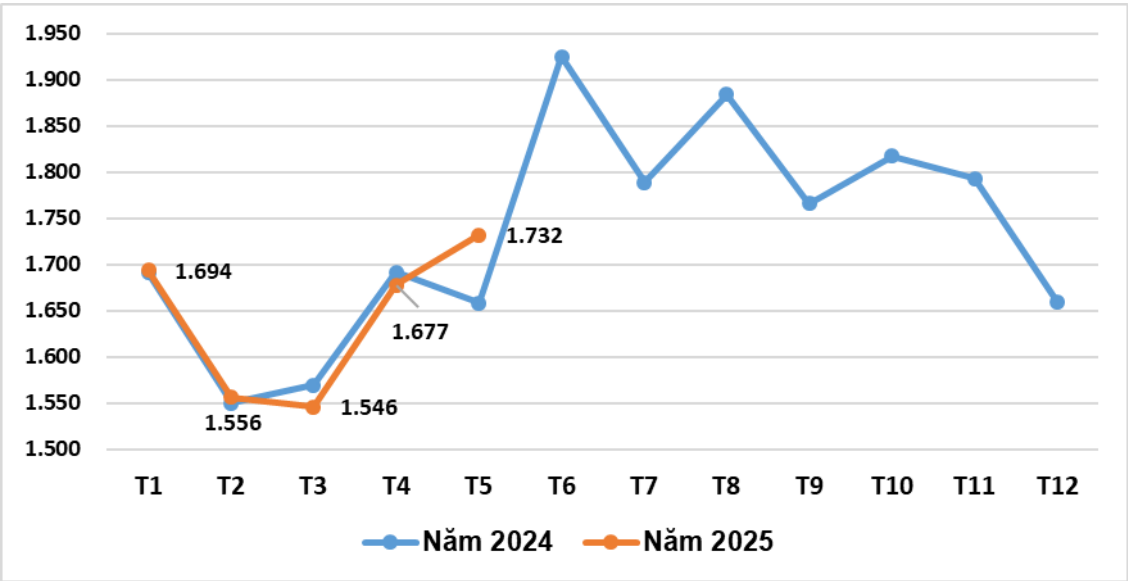


Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

+ Về giá xuất khẩu

Tháng 5/2025, giá bình quân xuất khẩu chè ở mức 1.732 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng 4/2025 và tăng 4,4% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, giá bình quân chè xuất khẩu đạt 1.646 USD/tấn, tăng nhẹ 0,07% so với cùng kỳ năm 2024.

Diễn biến giá bình quân xuất khẩu chè của Việt Nam qua các tháng năm 2024 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Tháng 5/2025, xuất khẩu chè sang các thị trường ghi nhận tăng trưởng tích cực, trong đó xuất khẩu sang Pa-ki-xtan tăng 25,5% về lượng và tăng 27% về trị giá so

với tháng 4/2025, tăng 50,6% về lượng và tăng 42% về trị giá so với tháng 5/2024; Xuất khẩu sang Mỹ tăng 23,7% về lượng và tăng 2,7% về trị giá so với tháng trước.

Đặc biệt xuất khẩu chè của Việt Nam sang Ca-dắc-xtan tăng mạnh 68,5% về lượng và tăng 63,5% về trị giá so với tháng 4/2025. Xuất khẩu chè sang thị trường này cũng đạt mức tăng trưởng mạnh so với

tháng 5/2024, tăng 114,1% về lượng và tăng 92% về trị giá.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, lượng chè xuất khẩu sang I-rắc và Ca-dắc-xtan ghi nhận mức tăng trưởng ba chữ số, tăng lần lượt 102,9% và 117,6%. Ngoài ra xuất khẩu sang các thị trường khác cũng tăng trưởng tích cực như Ấn Độ, Ả Rập Xê Út, Pa-ki-xtan...

Một số thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Việt Nam trong tháng 5/2025 và 5 tháng đầu năm 2025

Thị trường	Tháng 5/2025		So với tháng 4/2025 (%)		5 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2024
Tổng	10.771	18.656	22,0	26,0	46.460	76.496	-3,2	-3,2	100,00	100,00
Pa-ki-xtan	3.563	6.971	25,5	27,0	13.807	26.154	13,7	7,1	29,72	25,30
Trung Quốc	1.119	2.080	-15,2	-5,9	4.913	7.768	4,6	14,6	10,57	9,78
Đài Loan	1.324	2.425	67,0	82,8	4.626	7.894	-14,2	-10,2	9,96	11,23
In-đô-nê-xi-a	385	443	-38,7	-34,5	3.546	3.687	-3,5	-0,1	7,63	7,66
Mỹ	641	868	23,7	2,7	2.671	3.846	-16,3	-14,9	5,75	6,65
Ma-lai-xi-a	528	442	10,0	29,2	2.551	1.958	5,8	16,0	5,49	5,02
Nga	448	778	3,7	1,6	2.502	4.492	-15,2	-3,8	5,39	6,15
I-rắc	432	702	29,0	42,0	1.743	2.708	102,9	106,1	3,75	1,79
Ấn Độ	356	447	67,1	55,4	1.354	1.800	52,0	37,9	2,91	1,86
Ả Rập Xê út	207	535	33,5	42,6	1.066	2.796	53,6	58,2	2,29	1,45
Ca-dắc-xtan	182	232	68,5	63,5	644	0.820	117,6	89,7	1,39	0,62
Phi-líp-pin	65	161	-30,1	-35,8	355	0.978	15,3	19,5	0,76	0,64
UAE	75	158	-23,5	-31,3	244	0.541	-55,0	-57,4	0,53	1,13
U-crai-na	41	52	32,3	16,6	140	0.198	-34,6	-36,2	0,30	0,45
Ba Lan		0			111	0.165	-55,6	-56,6	0,24	0,52
Thị trường khác	1.405	2.363	79,2	78,0	6.187	10.690	-34,9	-36,6	13,32	19,78

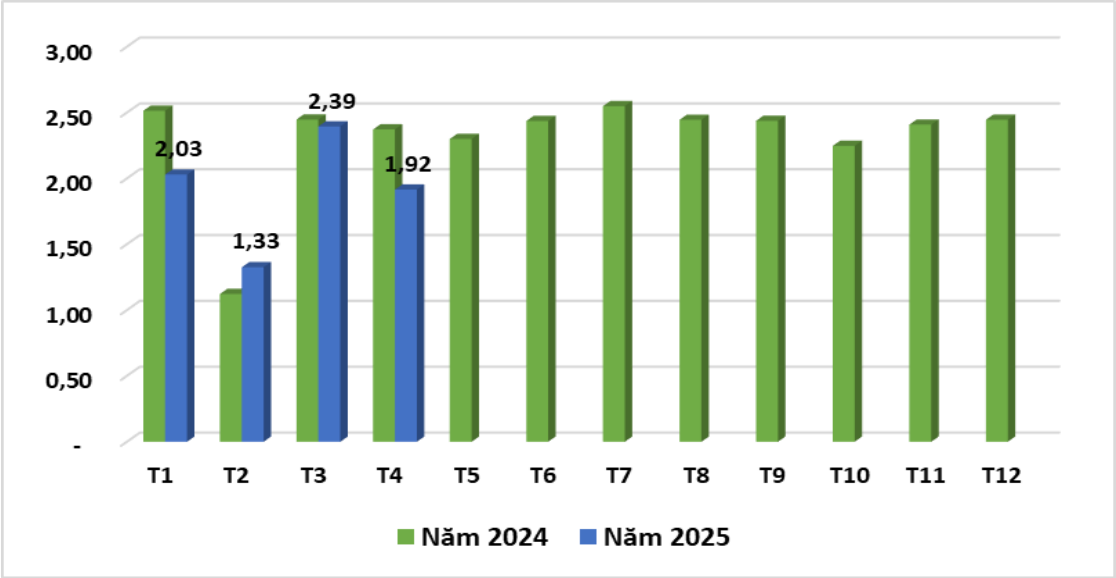
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ CỦA THỊ TRƯỜNG ĐÀI LOAN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo Cơ quan Thống kê Đài Loan, tháng 4/2025, nhập khẩu chè của thị trường Đài Loan đạt 1.916 tấn, trị giá 5,8 triệu USD, giảm 20% về lượng và giảm 17,9%

so với tháng trước. Trong đó nhập khẩu từ Việt Nam, Xri Lanca, Ấn Độ đều giảm trên 10%, trong khi nhập khẩu từ Nhật Bản và In-đô-nê-xi-a tăng trên 15%.

**Lượng chè nhập khẩu của thị trường Đài Loan qua các tháng
giai đoạn 2023-2025 (ĐVT: nghìn tấn)**



Nguồn: Cơ quan Thống kê Đài Loan

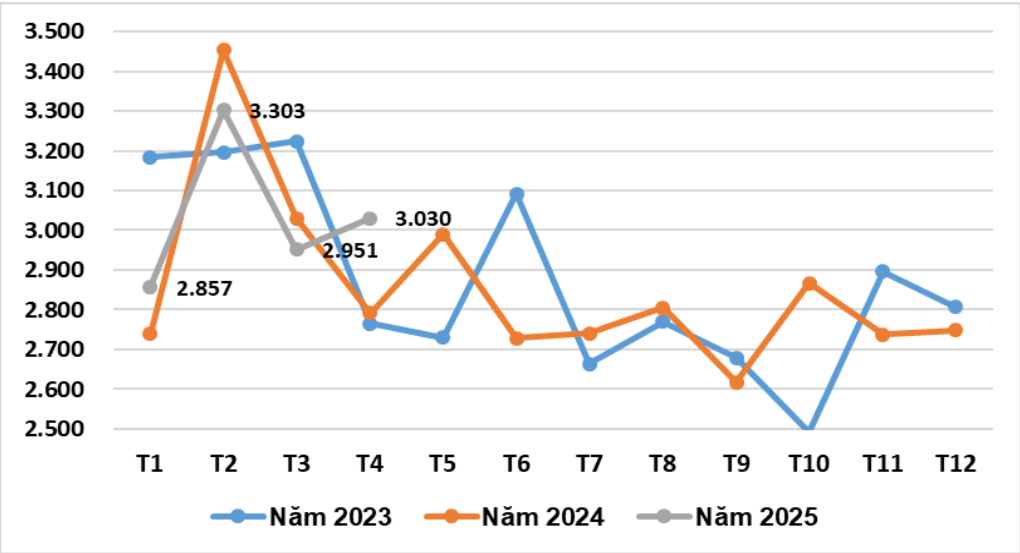
Diễn biến giá

Tháng 4/2025, giá bình quân chè nhập khẩu vào thị trường Đài Loan đạt 3.030 USD/tấn, tăng 2,6% so với tháng 3/2025 và tăng 9,5% so với tháng 4/2024.

Giá bình quân nhập khẩu chè vào thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm

2025 ở mức 3.007 USD/tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, giá nhập khẩu từ Việt Nam và Xri Lanca giảm lần lượt 0,4% và 3,1%, còn giá nhập khẩu chè từ Ấn Độ, In-đô-nê-xi-a và Trung Quốc tăng lần lượt 8%, 12,2% và 3,1%.

**Giá bình quân nhập khẩu chè vào thị trường Đài Loan qua các tháng
năm 2023 – 2025 (ĐVT: USD/tấn)**



Nguồn: Cơ quan Thống kê Đài Loan

+ Cơ cấu nguồn cung

Thị trường Đài Loan đã nhập khẩu 7.665 tấn chè trong 4 tháng đầu năm 2025, trị giá 23,04 triệu USD, giảm 9,4% về lượng và giảm 7,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

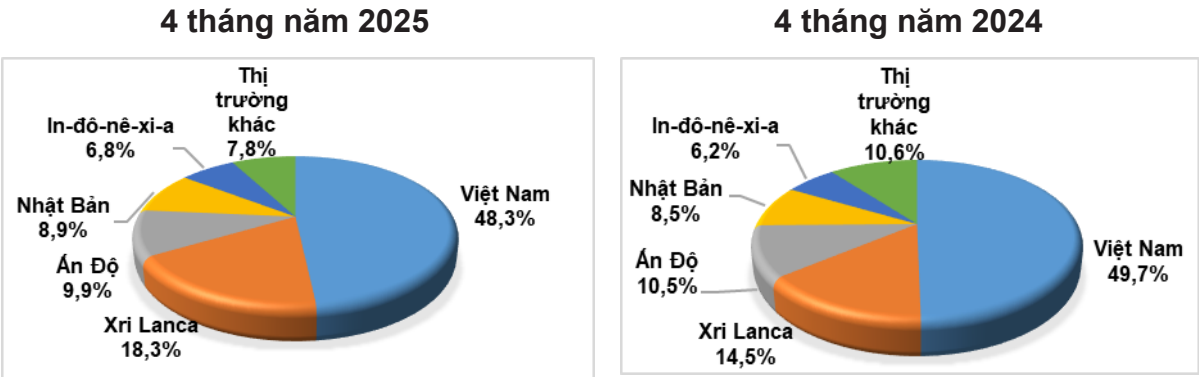
Việt Nam, Xri Lan-ca là những nước cung cấp chè lớn nhất vào thị trường Đài Loan. Số liệu của Cơ quan Thống kê Đài Loan cho thấy, lượng chè nhập khẩu của thị trường Đài Loan từ Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2025 giảm 12%, trong khi nhập khẩu từ Xri Lan-ca tăng 13,9%.

Đáng chú ý trong các nguồn cung khác, nhập khẩu chè của thị trường Đài Loan từ

Myanmar tăng mạnh 106% về lượng và tăng 102% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024, tuy nhiên lượng nhập khẩu chè từ thị trường này chỉ vài trăm tấn, chiếm tỷ trọng chỉ 0,5% trong tổng lượng nhập khẩu chè vào thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm 2025.

Việt Nam là nước cung cấp hàng đầu chè vào Đài Loan, thị phần chè của Việt Nam tại thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm 2025 chiếm 48,3%, giảm so với mức 49,7% của cùng kỳ năm 2024. Ngược lại, thị phần của Xri Lan-ca tăng, chiếm 18,3%, tăng so với mức 14,5% của cùng kỳ năm 2024.

Cơ cấu thị trường cung cấp chè cho thị trường Đài Loan
(Tỷ trọng % tính theo lượng)



Nguồn: Cơ quan Thống kê Đài Loan

Top 10 nguồn cung chè vào thị trường Đài Loan 4 tháng năm 2025

Thị trường	4 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá BQ	4 tháng năm 2025	4 tháng năm 2024
Tổng	7.665	23.046	3.007	-9,4	-7,1	2,5	100,0	100,0
Việt Nam	3.700	5.994	1.620	-12,0	-12,3	-0,4	48,3	49,7
Xri Lan-ca	1.401	6.281	4.484	13,9	10,3	-3,1	18,3	14,5
Ấn Độ	759	1.759	2.317	-14,7	-7,8	8,0	9,9	10,5
Nhật Bản	684	5.939	8.683	-4,5	-6,7	-2,3	8,9	8,5

Thị trường	4 tháng năm 2025			So với cùng kỳ năm 2024 (%)			Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá BQ (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá BQ	4 tháng năm 2025	4 tháng năm 2024
In-đô-nê-xi-a	521	988	1.898	0,0	12,3	12,2	6,8	6,2
Trung Quốc	239	576	2.411	-38,9	-42,6	-6,1	3,1	4,6
Kê-ni-a	227	715	3.147	-36,9	-35,6	2,1	3,0	4,3
Myanmar	42	154	3.711	106,7	102,6	-2,0	0,5	0,2
Ba Lan	24	338	13.811	-10,3	-22,5	-13,6	0,3	0,3
Thái Lan	23	94	4.102	-5,8	3,3	9,7	0,3	0,3
Thị trường khác	46	208	4.522	-38,9	-7,1	0,0	0,6	0,9

Nguồn: Cơ quan Thống kê Đài Loan

Chè đen là chủng loại chiếm phần lớn chè nhập khẩu vào thị trường Đài Loan. Trong 4 tháng đầu năm 2025, nhập khẩu chè đen vào thị trường Đài Loan đạt 5.327 tấn, trị giá 13,95 triệu USD, giảm 9,6% về lượng và giảm 7,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Việt Nam, Xri Lanca và Ấn Độ là 3 nguồn cung lớn nhất chè đen cho thị trường Đài Loan, nhưng chỉ nhập khẩu từ Xri Lanca tăng 13,4% về lượng và tăng 10,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024; trong khi nhập khẩu từ Việt Nam và Ấn Độ giảm từ 7 – 14%.

Thị phần chè đen của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu chè đen vào thị trường Đài Loan đã giảm từ 41,8% trong 4 tháng đầu năm 2024 xuống 40,8% trong 4 tháng đầu năm 2025. Thị phần chè đen của Ấn Độ cũng giảm từ 15,09% xuống 14,2%, trong khi thị phần chè đen của Xri-Lanca trong tổng lượng nhập khẩu chè đen của Đài Loan đã tăng từ 20,5% lên 25,7%. Xét thị phần theo trị giá, thị phần chè đen của Xri-Lanca cũng tăng mạnh từ 36,7% lên 43,7%. Điều này cho thấy mặc dù Việt Nam là thị trường cung cấp chè chính cho thị trường Đài Loan, với lượng xuất khẩu tương đối lớn, nhưng trị giá lại khá thấp. Trong khi đó, ngành công nghiệp

chè của Xri-Lanca đang cố gắng nâng cao giá trị bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn bền vững trong bối cảnh nỗ lực đạt được sự công nhận chỉ dẫn địa lý cho chè Ceylon của nước này.

Về chè xanh, Việt Nam vẫn là nhà cung cấp lớn nhất chè xanh cho thị trường Đài Loan, tiếp đến là Nhật Bản. Tuy nhiên nhập khẩu chè xanh của Đài Loan từ Việt Nam và Nhật Bản giảm cả về lượng và trị giá trong 4 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024, trong khi nhập khẩu từ các nguồn cung kế tiếp là In-đô-nê-xi-a, Xri-Lanca và Thái Lan tăng mạnh, mức tăng dao động từ 2 - 99%.

Chè Việt Nam chiếm 65% thị phần trong tổng lượng nhập khẩu chè xanh vào thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm 2025, giảm so với mức 67,7% của cùng kỳ năm 2024; Thị phần chè xanh của Nhật Bản chiếm 29,2%, tăng so với mức 27,5% của cùng kỳ năm 2024.

Thị trường Đài Loan là một trong những thị trường tiêu thụ chè lớn và có yêu cầu cao về chất lượng, đang chứng kiến sự hiện diện mạnh mẽ của chè Việt Nam về mặt sản lượng. Để tiếp tục duy trì hiệu suất xuất khẩu, doanh nghiệp cần tiếp tục áp

dụng các biện pháp hữu cơ để đáp ứng nhu cầu toàn cầu về chè bền vững.

Sự thay đổi đáng kể trong ngành đối với các doanh nghiệp trong nước là sự chú trọng ngày càng tăng vào việc gia tăng giá trị, đặc biệt là trong các gói chè, túi chè và chè hòa tan. Xu hướng này phù hợp với sở thích của người tiêu dùng toàn cầu đối với các loại chè đặc sản tiện lợi và cao cấp. Đầu tư vào cơ giới hóa và các hoạt động nông nghiệp bền vững dự kiến sẽ cải thiện hiệu quả đồng thời đảm bảo khả năng tồn tại lâu dài của ngành chè. Ngoài ra, các chính sách và ưu đãi của chính phủ đối với việc trồng chè bền vững, cùng với việc sử dụng phân bón hiệu quả hơn và tiến bộ công nghệ, dự kiến sẽ thúc đẩy hiệu suất sản xuất và xuất khẩu. Ngành công nghiệp chè Việt Nam vẫn lạc quan về tăng trưởng trong tương lai, tập trung vào hiệu quả sản xuất, nâng cao chất lượng và mở rộng thị trường để duy trì khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Nguồn cung cấp chè theo chủng loại cho thị trường Đài Loan trong 4 tháng đầu năm 2025

Chủng loại/ Thị trường	4 tháng năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)		Tỷ trọng tính theo trị giá (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	4 tháng năm 2025	4 tháng năm 2024	4 tháng năm 2025	4 tháng năm 2024
Chè đen	5.327	13.957	-9,6	-7,6	100,00	100,00	100,00	100,00
Việt Nam	2.178	3.248	-11,7	-11,9	40,88	41,85	23,27	24,40
Xri Lan-ca	1.371	6.109	13,4	10,1	25,73	20,50	43,77	36,73
Ấn Độ	759	1.759	-14,7	-7,6	14,25	15,09	12,60	12,59
In-đô-nê-xi-a	419	756	-0,6	4,9	7,87	7,16	5,42	4,77
Trung Quốc	239	576	-38,9	-42,6	4,48	6,63	4,13	6,64
Kê-ni-a	227	715	-36,9	-35,5	4,26	6,11	5,12	7,34
Myanmar	42	154	106,7	102,6	0,78	0,34	1,10	0,50
Ba Lan	24	338	-9,7	-21,8	0,46	0,46	2,42	2,86
Pa-pua Niu Ghi-nê	22	36	-49,1	-43,8	0,41	0,73	0,26	0,42
Thái Lan	21	78	-10,7	-4,9	0,39	0,39	0,56	0,54
Mô-dăm-bích	18	43	-8,0	-6,5	0,35	0,34	0,31	0,30
Thị trường khác	7	145	-71,2	-66,8	0,13	0,39	1,04	2,89
Chè xanh	2.338	9.089	-8,7	-6,1	100,00	100,00	100,00	100,00
Việt Nam	1.522	2.746	-12,3	-12,7	65,09	67,74	30,21	32,49
Nhật Bản	683	5.913	-3,1	-4,7	29,20	27,51	65,06	64,10
In-đô-nê-xi-a	101	232	2,9	45,9	4,33	3,84	2,55	1,64
Xri Lan-ca	30	172	39,4	22,0	1,28	0,84	1,89	1,46
Thái Lan	2	16	99,2	77,8	0,09	0,04	0,18	0,09
Thị trường khác	0	10	-66,3	-54,5	0,01	0,03	0,11	0,23
Tổng	7.665	23.046	-9,4	-7,1	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Cơ quan Thống kê Đài Loan

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Ê-cu-a-đo giảm giá tôm để giữ thị trường khi Trung Quốc vào mùa thu hoạch tôm nuôi.*
- ▶ *Các hộ nuôi tôm tại huyện Bapatla, Ấn Độ đang đối mặt với một vụ nuôi đầy khó khăn do tình trạng thiếu hụt lao động và mất điện thường xuyên trong mùa hè.*
- ▶ *Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang nhiều thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Bra-xin, Đài Loan... tăng mạnh*
- ▶ *Trong 3 tháng đầu năm 2025, Anh tăng nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam, nhưng thị phần thủy sản của Việt Nam vẫn giảm nhẹ trong tổng nhập khẩu thủy sản vào thị trường này.*



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Ê-cu-a-đo: Giá tôm đông lạnh tại Trung Quốc giảm khi nguồn cung tôm nuôi trong nước tăng do vào mùa thu hoạch, buộc các nhà xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo phải hạ giá để giữ thị trường này.

Giá tôm thẻ chân trắng Ê-cu-a-đo cấp đông rời (IQF) cỡ 30/40 ngâm nước muối có giá giao dịch trong khoảng từ 38,43 - 40,36 NDT/kg (tương đương 5,33-5,60 USD/kg) tại các chợ bán buôn Trung Quốc trong tuần kết thúc vào ngày 19/5/2025, giảm so với mức 39,17-40,36 NDT/kg của tuần trước đó. Giá tôm cỡ 20/30 con/kg tương đối ổn định, giao dịch trong khoảng từ 45- 48,33 NDT/kg, trong khi giá tôm cỡ 50/60 con/kg dao động từ 35,28 - 37,50 NDT/kg.

Để ứng phó với nhu cầu giảm từ Trung Quốc, các nhà xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo đã giảm giá và cước phí vận chuyển (CFR) sang Trung Quốc trong tuần kết thúc vào ngày 26/5/2025. Theo đó, giá tôm thẻ chân trắng IQF ngâm nước muối cỡ 30/40 giảm xuống còn 4,55 USD/kg, giảm 0,10 USD/kg so với tuần trước và giảm 0,25 USD/kg so với mức trước Hội chợ triển lãm hải sản toàn cầu ở Barcelona.

Giá CFR cho loại tôm IQF ngâm nước muối cỡ 20/30 vẫn ổn định ở mức 5,70 USD/kg, trong khi cỡ 40/50 và 50/60 giảm 0,05 USD/kg xuống còn 4,35 USD/kg và 4,25 USD/kg.

Vào thời điểm này trong năm, Trung Quốc thường bắt đầu chu kỳ thu hoạch tôm đầu tiên. Do đó, giá tôm nuôi tại Trung Quốc hiện đang giảm nhanh chóng so với mức cao nhất theo mùa vào tháng 3 và tháng 4.

- Ấn Độ: Các hộ nuôi tôm tại huyện

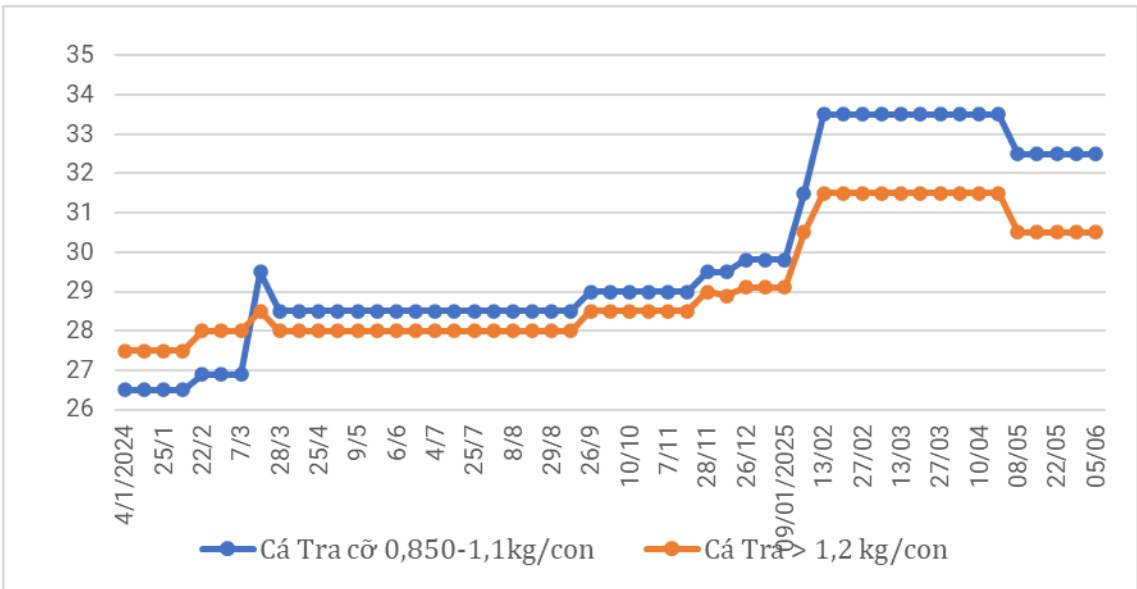
Bapatla, Ấn Độ đang đối mặt với một vụ nuôi đầy khó khăn do tình trạng thiếu hụt lao động và mất điện thường xuyên trong mùa hè. Bapatla là một trong những huyện nuôi tôm chủ lực của bang Andhra Pradesh, với gần 22.000 mẫu Anh đang được canh tác.

TRONG NƯỚC: GIÁ CÁ TRA VÀ TÔM NGUYÊN LIỆU ỔN ĐỊNH

* Trong những ngày đầu tháng 06/2025, giá cá tra nguyên liệu tại Đồng bằng sông Cửu Long ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025, dao động ở mức 29.000 - 32.000 đồng/kg. Giá cá tra nguyên liệu tại

An Giang cỡ 0,85 - 1,1 kg/con dao động từ 31.000 - 32.000 đồng/kg; đối với cỡ cá tra > 1,2 kg/con giá dao động từ 29.000 - 30.000 đồng/kg.

Giá nguyên liệu cá tra tại An Giang từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: đồng/kg)



Nguồn: Tổng hợp từ nguồn cộng tác viên cung cấp

* Giá nguyên liệu tôm tại một số tỉnh như sau:

+ Tại Phú Yên: Trong những ngày đầu tháng 06/2025, giá nguyên liệu tôm sú vẫn ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025, cụ thể: Đối với cỡ 50 con/kg ở mức 220.000 đồng/kg; cỡ 40 con/kg ở mức 250.000 đồng/kg; cỡ 30 con/kg ở mức 300.000 đồng/kg.

Tuy nhiên, giá nguyên liệu tôm thẻ cỡ 100 con/kg giảm 4.000 đồng/kg, ở mức 118.000 đồng/kg.

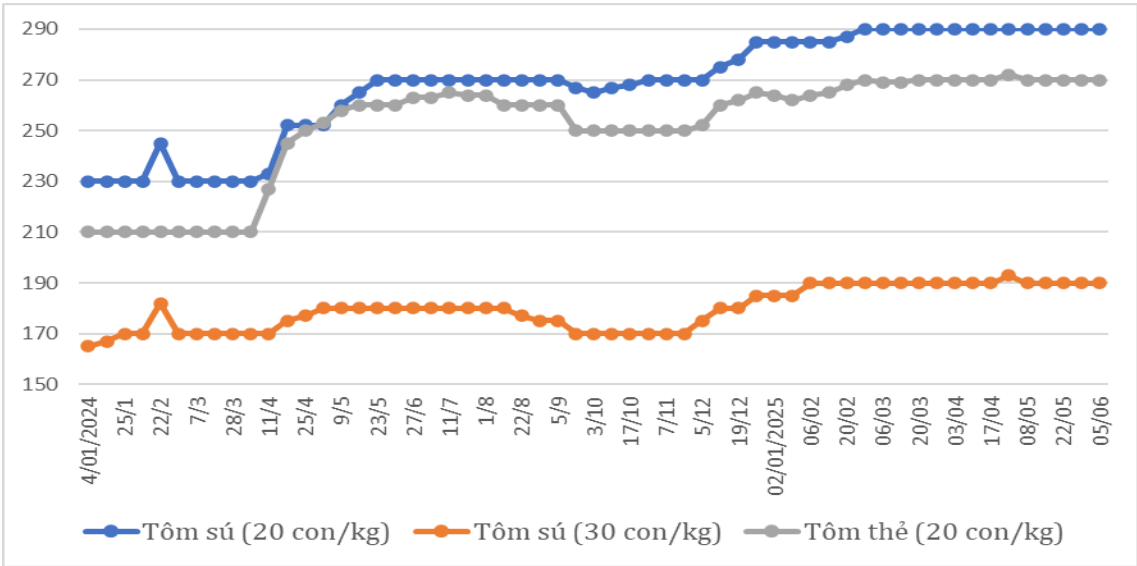
+ Tại Quảng Bình: Trong những ngày đầu tháng 06/2025 giá nguyên liệu tôm đất, tôm bộp, tôm sú, tôm hùm, tôm thẻ vẫn ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025. Cụ thể: Đối với tôm đất cỡ 40 - 50 con/kg đạt 420.000 đồng/kg; tôm bộp 45 - 50 con/

kg đạt 480.000 đồng/kg; tôm sú cỡ 20 - 30 con/kg đạt 480.000 đồng/kg; tôm hùm cỡ 3 - 5 con/kg đạt 1.250.000 đồng/kg, tôm thẻ cỡ 30 - 40 con/kg đạt 300.000 đồng/kg.

+ Tại Cà Mau: Trong những ngày đầu

tháng 05/2025 giá nguyên liệu tôm sú cỡ 20 con/kg đạt 290.000 đồng/kg, tôm sú cỡ 30 con/kg đạt 190.000 đồng/kg, tôm thẻ cỡ 20 con/kg đạt 270.000 đồng/kg, đều ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025.

Giá nguyên liệu tôm tại Cà Mau từ đầu năm 2024 đến nay
(ĐVT: đồng/kg)



Nguồn: Tổng hợp từ nguồn cộng tác viên cung cấp

* Giá nguyên liệu mực, cá thu, cá ngừ tại Đà Nẵng: Trong những ngày đầu tháng 06/2025, giá nguyên liệu mực ống Loại 1 (>20cm) đạt mức 220.000 đồng/kg, tăng 20.000 đồng/kg; giá mực ống loại 2 (<20cm) ở mức 180.000 đồng/kg, giảm 20.000 đồng/kg so với những ngày đầu tháng 05/2025.

Giá nguyên liệu cá thu Loại 1 đạt 180.000 đồng/kg, giảm 10.000 đồng/kg; Loại 2 đạt 150.000 đồng/kg, ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025.

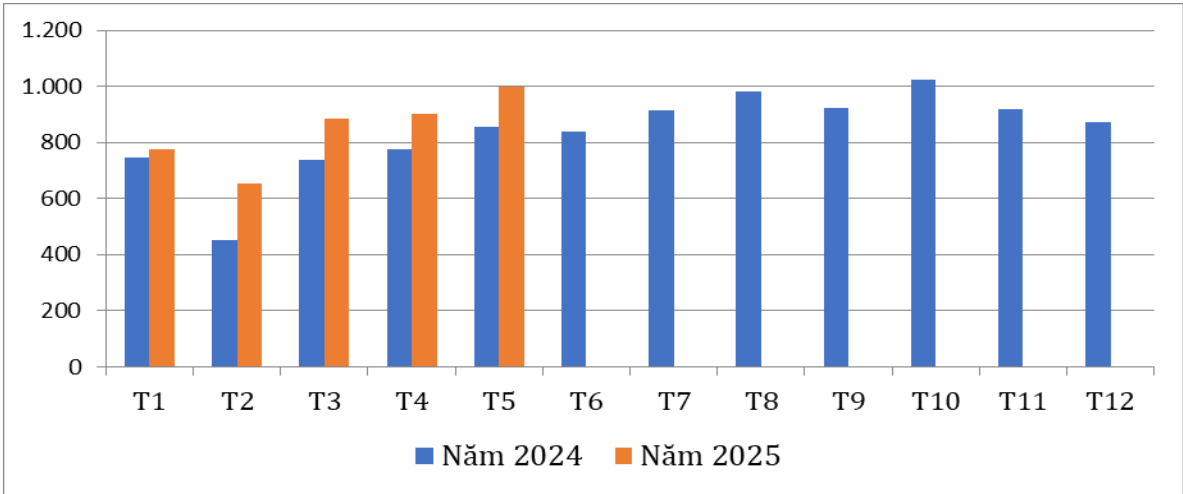
Giá cá ngừ Loại 1 đạt 60.000 đồng/kg; cá ngừ Loại 2 đạt 40.000 đồng/kg, đều ổn định so với những ngày đầu tháng 05/2025.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 05/2025 đạt 997,12 triệu USD, tăng 16,2% so với tháng 5/2024. Tính chung 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 4,2 tỷ USD, tăng 17,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Xuất khẩu thủy sản qua các tháng năm 2024 – 2025
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

Trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2024 tới nhiều thị trường như: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Anh, Bra-xin, Đài Loan...

Trong tháng 5/2025 xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng mạnh tới các thị trường như: Bra-xin tăng 100,2%; Hoa Kỳ tăng 47,1%; thị trường Đài Loan tăng 34,1%; Trung Quốc tăng 31,9% so với tháng 5/2024.

Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tăng mạnh tới các thị trường: Bra-xin tăng 71,3%; Trung Quốc tăng 53,7%; Thái Lan tăng 30,3%; Hoa Kỳ tăng 22,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng trưởng. Tuy nhiên trước thách thức về thuế và rào cản kỹ thuật, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam cần có chiến lược, chuyển hướng sang thị trường ít rủi ro hơn, đồng thời phát triển mạnh sản phẩm chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao...

Thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 5 và 5 tháng năm 2025

Thị trường	Tháng 5/2025 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2024 (%)	5 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2024
Tổng	997.122	16,2	4.207.544	17,8	100	100

Thị trường	Tháng 5/2025 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2024 (%)	5 tháng năm 2025 (Nghìn USD)	So với 5 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng (%)	
					5 tháng năm 2025	5 tháng năm 2024
Trung Quốc	183.020	31,9	823.313	53,7	19,57	14,99
Hoa Kỳ	234.382	47,1	766.250	22,8	18,21	17,47
Nhật Bản	140.474	1,2	632.512	9,1	15,03	16,24
Hàn Quốc	70.029	1,3	316.494	6,0	7,52	8,36
Úc	23.587	-11,1	124.442	-1,4	2,96	3,53
Anh	28.456	8,7	120.008	3,4	2,85	3,25
Thái Lan	23.514	16,3	115.194	30,3	2,74	2,47
Ca-na-đa	19.706	-15,3	101.974	5,8	2,42	2,70
Hà Lan	18.971	-1,3	84.427	11,6	2,01	2,12
Đức	18.541	-9,2	82.995	6,0	1,97	2,19
Nga	16.318	-3,8	80.103	4,8	1,90	2,14
Bra-xin	16.459	100,2	78.139	71,3	1,86	1,28
Đài Loan	18.147	34,1	66.945	10,1	1,59	1,70
Thị trường khác	185.519	4,6	814.747	5,8	19,36	21,55

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA ANH VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê của Trung tâm thương mại thế giới (ITC), 3 tháng đầu năm 2025, Anh nhập khẩu thủy sản đạt 149,4 nghìn tấn, trị giá 1,11 tỷ USD, tăng 6,7% về lượng và tăng 10,9% về trị giá so với 3 tháng đầu năm 2024. Trong đó, Anh tăng nhập khẩu thủy sản từ nhiều thị trường như: Na Uy, Băng Đảo, Trung Quốc, Ê-cu-a-đo, Thổ Nhĩ Kỳ, Ba Lan, Mỹ...

Trong 3 tháng đầu năm 2025, Anh cũng tăng nhập khẩu thủy sản từ Việt Nam với mức tăng 4,4% về lượng và tăng 8,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 5 về lượng và thứ 4 về trị giá cho Anh, chiếm 6,58% về lượng và chiếm 6,43% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Anh trong 3 tháng đầu năm 2025.

Với thói quen sử dụng các sản phẩm

thủy sản ít nhất 1 lần/tuần, trung bình gần 153 g/người/tuần, Anh được coi là một trong những thị trường ưa chuộng thủy sản, đặc biệt là các sản phẩm cá. Với nhu cầu tiêu dùng cao, Anh là một trong những thị trường xuất khẩu thủy sản nhiều tiềm năng. Với Việt Nam, Hiệp định UKFTA tạo ra lợi thế đáng kể đối với ngành thủy sản. Tuy nhiên, người tiêu dùng tại Anh có xu hướng chú trọng tới không chỉ nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, mà còn quan tâm tới các yếu tố về lao động, môi trường, hay tính bền vững của chuỗi giá trị trong sản xuất, cung ứng sản phẩm. Các yếu tố cơ bản khác như giá cả, cách thức chế biến và tính tương đồng trong bữa ăn, địa điểm sử dụng cũng được quan tâm... Do đó, để khai tốt thị trường Anh, các doanh nghiệp cần chú ý nghiên cứu các quy định thị trường, xu hướng tiêu dùng để đảm bảo tận dụng tốt những ưu đãi từ Hiệp định UKFTA.

Thị trường cung cấp thủy sản cho Anh 3 tháng đầu năm 2025

Thị trường	3 tháng đầu năm 2025		So với cùng kỳ năm 2024 (%)		Tỷ trọng (%)			
					3 tháng năm 2025		3 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	149.457,5	1.111.829	6,7	10,9	100	100	100	100
Na-Uy	24.675,1	216.924	1,3	4,0	16,51	19,51	17,38	20,81
Băng Đảo	13.153,6	107.471	11,5	30,3	8,80	9,67	8,42	8,23
Trung Quốc	18.707,4	105.281	12,4	23,0	12,52	9,47	11,87	8,54
Việt Nam	9.838,7	71.503	4,4	8,8	6,58	6,43	6,73	6,55
Ê-cu-a-đo	11.565,0	65.805	27,1	32,9	7,74	5,92	6,50	4,94
Quần đảo Faroe	5.263,1	53.528	-13,8	-14,4	3,52	4,81	4,36	6,24
Thổ Nhĩ Kỳ	4.642,3	44.222	3,7	13,6	3,11	3,98	3,19	3,88
Đức	5.000,1	31.684	-3,0	17,9	3,35	2,85	3,68	2,68
Ba Lan	3.709,9	29.089	0,3	2,6	2,48	2,62	2,64	2,83
Hoa Kỳ	4.300,4	26.086	29,1	44,5	2,88	2,35	2,38	1,80
Tây Ban Nha	2.608,6	24.875	67,8	46,1	1,75	2,24	1,11	1,70
Ấn Độ	3.368,9	23.872	-4,8	-1,8	2,25	2,15	2,52	2,42
Băng-la-đét	1.638,2	20.348	38,1	52,8	1,10	1,83	0,85	1,33
CH Hon-đu-rát	1.670,9	19.022	27,0	22,5	1,12	1,71	0,94	1,55
Thái Lan	2.430,9	17.205	48,4	52,6	1,63	1,55	1,17	1,12
Thị trường khác	36.884,4	254.914	0,2	0,2	24,68	22,93	26,27	25,38

Nguồn: ITC



Hướng dẫn sử dụng công cụ số để tuân thủ quy định chống mất rừng của EU (EUDR)

Từ ngày 30/12/2025, tất cả hàng hóa xuất khẩu vào EU thuộc 7 nhóm sau sẽ phải tuân thủ Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR): Cà phê, Ca cao, Đậu nành, Dầu cọ, Cao su, Gỗ, Gia súc (bò),

Yêu cầu chính của EUDR

- Hàng hóa không được sản xuất từ đất bị phá rừng sau ngày 1/1/2021.
- Quá trình sản xuất phải tuân thủ đầy đủ pháp luật của nước sản xuất.
- Doanh nghiệp nhập khẩu/trader tại châu Âu phải nộp Bản Tự Xác nhận (Due Diligence Statement - DDS) chứng minh sản phẩm hợp pháp và không liên quan đến phá rừng.

5 nhóm công cụ số hỗ trợ tuân thủ EUDR

- Công cụ bản đồ cơ bản (Basic field mapping):
Ứng dụng giúp nông dân/kỹ thuật viên đánh dấu vị trí nông trại.
- Công cụ bản đồ chuyên sâu và phân tích không gian (Professional spatial analysis):
Dùng cho hợp tác xã, BSO để xác minh vùng sản xuất không thuộc khu vực bị phá rừng.
- Giám sát môi trường dựa trên vệ tinh:
Cung cấp bằng chứng độc lập về hiện trạng che phủ rừng, biến động rừng.
- Công cụ quản lý bền vững và truy xuất nguồn gốc:
Quản lý thông tin sản xuất, chứng nhận bền vững, hồ sơ sản phẩm theo từng lô hàng.
- Quản lý chuỗi cung ứng và rủi ro:
Hệ thống tổng hợp giúp nhà xuất khẩu và khách hàng EU theo dõi rủi ro và đảm bảo tuân thủ toàn chuỗi.

Để đáp ứng các yêu cầu của Quy định chống mất rừng (EUDR), doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và dữ liệu liên quan đến vùng nguyên liệu. Trước hết, cần thu thập và cung cấp thông tin tọa độ địa lý (geodata) của vùng trồng để

chứng minh khu vực sản xuất không liên quan đến nạn phá rừng sau ngày 1/1/2021. Đồng thời, cần có tài liệu pháp lý rõ ràng chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp và quá trình sản xuất tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Một yếu tố quan trọng khác là khả năng truy xuất nguồn gốc trong chuỗi cung ứng - từ nông trại đến nhà máy chế biến và xuất khẩu - để đảm bảo tính minh bạch và đáng tin cậy cho đối tác nhập khẩu tại EU.

Việc chuẩn bị các thông tin và tài liệu này không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu pháp lý từ thị trường châu Âu, mà còn là bước khẳng định cam kết phát triển bền vững, tăng độ tin cậy với khách hàng quốc tế và duy trì năng lực cạnh tranh trong bối cảnh các quy định về môi trường và nhân quyền ngày càng siết chặt.

Tài liệu tham khảo và hỗ trợ

- Factsheet: Giải thích chi tiết các công cụ phù hợp theo loại người dùng (nông dân, hợp tác xã, nhà xuất khẩu...)

Tải tại: Digital solutions for EUDR compliance (PDF)

<https://www.cbi.eu/sites/default/files/2025-04/EUDR-Digital-Solutions-for-EUDR-Compliance.pdf>

- Case studies: Câu chuyện thực tế từ các doanh nghiệp đã ứng dụng công cụ số để đáp ứng EUDR.

Nguồn: <https://www.cbi.eu/sites/default/files/2025-04/Case-studies-EUDR-Digital-Solutions.pdf>

Dự thảo quy định của Đài Loan về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu

Ngày 12/5/2025, Đài Loan đã gửi thông báo mã G/TBT/N/TPKM/561 để thông báo dự thảo sửa đổi quy định về kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan. Các nội dung sửa đổi bao gồm:

- Sửa đổi các thủ tục nộp đơn xin kiểm tra nhập khẩu sản phẩm và bổ sung một số điều khoản;

- Sửa đổi phạm vi sản phẩm phải áp dụng kiểm tra theo từng lô;

- Sửa đổi các điều kiện áp dụng biện pháp ưu đãi;

- Cập nhật các thủ tục kiểm tra và quy định rõ bên đứng đơn xin kiểm tra là bên phải thanh toán các chi phí phát sinh do kiểm tra.

- Điều chỉnh các điều kiện cấp giấy giải phóng hàng trước có kèm theo bảo lãnh, các điều kiện và phương thức thanh toán tiền đặt cọc; bổ sung các điều khoản về tái sử dụng tiền đặt cọc;

- Sửa đổi quy trình xử lý đối với các sản phẩm tuân thủ hoặc không tuân thủ quy định này;
- Hỗ trợ các hoạt động điện tử thông qua xác lập cơ sở pháp lý cho giao hàng điện tử;
- Sửa đổi ngày có hiệu lực của quy định này.

Theo Đài Loan, dự thảo này được xây dựng nhằm mục tiêu đơn giản hóa các thủ tục hành chính đối với thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan. Đài Loan sẽ tiếp nhận ý kiến góp ý từ các nước Thành viên WTO đến hết ngày 11/7/2025 và chưa xác định thời điểm có hiệu lực của Dự thảo.

Văn bản đầy đủ của Dự thảo đề nghị tìm hiểu tại đường dẫn https://members.wto.org/crnattachments/2025/TBT/TPKM/25_03267_00_e.pdf

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.

Bản tin THƯƠNG MẠI THỦY SẢN



NGÀY 13/06/2025

PHÁT HÀNH THỨ 6 HÀNG TUẦN

7. VASEP: Tổng kết và tri ân nhiệm kỳ 6 (2020-2025),
phương châm đổi mới nhiệm kỳ 7 (2025 - 2030)



HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM

vasep.com.vn



7. TIÊU ĐIỂM

VASEP: Tổng kết và tri ân nhiệm kỳ 6 (2020-2025), phương châm đổi mới nhiệm kỳ 7 (2025-2030)



23. VĂN BẢN MỚI

Nghị định 119/2025/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

26. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việt Nam khẳng định cam kết bảo vệ đại dương trên trường quốc tế

32. GIÁ THỦY SẢN

Giá một số nguyên liệu thủy sản tại Khánh Hòa

33. THỐNG KÊ THƯƠNG MẠI

Thị trường nhập khẩu thủy sản Việt Nam từ 1/1 đến 15/5/2025

34. TÔM

Kết quả sơ bộ giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 19 (POR19) của vụ kiện chống bán phá giá tôm Việt Nam tại Hoa Kỳ

43. CÁ TRA

Cá tra Việt Nam: Thích nghi để tồn tại và phát triển giữa bất ổn chính sách Mỹ

49. CÁ NGỪ

Cạnh tranh gia tăng tại thị trường cá ngừ Tây Ban Nha

55. HẢI SẢN KHÁC

Xuất khẩu nghêu tăng trưởng liên tục

58. THỨC ĂN THỦY SẢN

Fuhai Biotech (Trung Quốc) thử nghiệm thức ăn peptide đậu nành thay thế bột cá

59. THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

Nhật Bản đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản 7,8 tỷ USD vào năm 2030



nổi bật trong tuần

● Ngày 12/6/2025, **Đại hội Toàn thể lần thứ 7**

(nhiệm kỳ 2025-2030) của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã diễn ra tại Khách sạn Reverie, Tp. Hồ Chí Minh. Đại hội đã quy tụ hơn 231 đại diện đến từ 160 doanh nghiệp hội viên của Hiệp hội.



● Phát biểu khai mạc Đại hội, lãnh đạo VASEP nhấn mạnh: “Đây là dịp quan trọng để toàn ngành cùng nhìn lại chặng đường 5 năm vừa qua, đồng thời thảo luận và thống nhất các định hướng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo. Mục tiêu chung là nâng cao vai trò của Hiệp hội,

tăng cường sức mạnh liên kết

của doanh nghiệp hội viên và thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam trong bối cảnh mới.”

● Trong bối cảnh bất định về thuế đối ứng từ phía Mỹ, nhiều DN XK cá tra Việt Nam đã có sự chuẩn bị từ trước, không chỉ về mặt kích bản kinh doanh mà cả về tâm thế thị trường. Mặc dù đối mặt với mức thuế đối ứng, một số chuyên gia và lãnh đạo DN hàng đầu trong ngành tin rằng...

người tiêu dùng Mỹ vẫn không quay lưng

với cá tra.

● Năm 2025, trong bối cảnh Chính quyền Trump khởi động chính sách áp thuế đối ứng cao đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam,

mức thuế sơ bộ bất thường như hiện nay càng làm trầm trọng thêm thách thức mà ngành tôm Việt Nam đang đối mặt khi tiếp cận thị trường Hoa Kỳ.

● Trong 5 tháng đầu năm 2025, các sản phẩm nghêu Việt Nam đã có mặt tại

49 thị trường

trên thế giới. Cùng với những lợi thế về sản xuất trong nước cộng với dư địa lớn về thị trường tiêu thụ, hướng đi bền vững, dự kiến XK mặt hàng này của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan.

6 NHIỆM KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA VASEP



ĐỐI TÁC / PARTNERS



CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC / STATE AGENCIES



VIỆN PHÒNG CHỐNG MÙN



BỘ QUỐC VŨ



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



BỘ CÔNG THƯƠNG



BỘ TÀI CHÍNH



BỘ NGOẠI GIAO



BỘ TƯ PHÁP



BỘ CÔNG AN



HỘI ĐỒNG TƯ VẤN CÁCH THỨC TỰC HÀNH CHÍNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

ĐỐI TÁC TRONG NƯỚC / DOMESTIC PARTNERS



VCCI



ĐFT

VITAS



6 NHIỆM KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA VASEP



ĐỐI TÁC QUỐC TẾ / INTERNATIONAL PARTNERS



TÀI TRỢ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI / CONGRESS SPONSORS



PHƯƠNG CHÂM NHIỆM KỲ 7 (2025-2030)

CHỦ ĐỘNG

thích ứng



ĐỔI MỚI

sáng tạo



PHÁT TRIỂN

bền vững



VASEP: Tổng kết và tri ân nhiệm kỳ 6 (2020–2025), phương châm đổi mới nhiệm kỳ 7 (2025–2030)

Kim Thu

(vasep.com.vn) Ngày 12/6/2025, Đại hội Toàn thể lần thứ 7 (nhiệm kỳ 2025–2030) của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) đã diễn ra tại Khách sạn Reverie, Tp. Hồ Chí Minh. Đại hội đã quy tụ hơn 231 đại diện đến từ 160 doanh nghiệp hội viên của Hiệp hội.

Đại hội rất vinh dự được tiếp đón ông Phan Như Nguyễn - Ủy viên dự khuyết BCH Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch thường trực BCH Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, ông Nguyễn Anh Sơn - Cục trưởng Cục Xuất Nhập khẩu Bộ Công Thương, ông Tạ Tấn - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Phi Chính phủ, Bộ Nội vụ, ông Lê Viết Bình - Phó Chánh Văn phòng, phụ trách phía Nam, Văn phòng Nội NN&MT - đến dự, trao Kỷ niệm chương và phát biểu những ý kiến khuyến nghị và động viên Đại hội. Đại hội cũng vinh dự được đón tiếp bà Nguyễn Thị Hồng Minh - Nguyên Thứ trưởng Bộ NNPTNT, Chủ tịch danh dự Hiệp hội VASEP, bà Ma Thị Thu - Chuyên viên cấp cao Vụ Tổ chức Phi Chính phủ, Bộ Nội vụ, bà Nguyễn Thị Minh Phương - Chuyên viên Vụ Tổ chức Cán bộ, Bộ NN&MT; đại diện Phòng Công an Kinh tế, Công an Tp. HCM, các đồng chí Lãnh đạo của các cơ quan Ban ngành thuộc trung ương và các địa phương, các Hiệp hội bạn (VCCI, Hiệp hội Rượu Bia Nước Giải khát Việt Nam, Hiệp hội Sữa VN, Hiệp hội Da giày-Túi xách VN, Hiệp hội Dệt May VN, Hiệp hội DN Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, Hiệp hội Nhựa VN, Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam, Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Tp. HCM, Hiệp hội Điều Việt Nam, Hội đồng Xuất khẩu Đậu

tương Hoa Kỳ (USSEC)...đến dự với Đại hội.

Đại Hội đã nghe:

1. Báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động nhiệm kỳ 6 (2020–2025) và phương hướng nhiệm kỳ 7 (2025–2030)

2. Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành Hiệp hội nhiệm kỳ 6

3. Báo cáo của Ban Kiểm tra Hiệp hội - Báo cáo Tài chính Hiệp hội

Sau khi nghe các báo cáo của Nhiệm kỳ 6, Đại hội đã tri ân và vinh danh, trao tặng kỷ niệm chương các Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ 6 (2020–2025).

Đại hội đã nghe và thống nhất kế hoạch hoạt động nhiệm kỳ 7 (2025–2030), đại hội nhất trí với quan điểm phát triển và các hoạt động mục tiêu của Hiệp Hội trong nhiệm kỳ 7 là:

Chiến lược phát triển và phương châm hoạt động của VASEP nhiệm kỳ 7 tập trung vào trọng tâm: **Chủ động thích ứng, Đổi mới sáng tạo, Phát triển bền vững.**

Về công nghệ, VASEP khuyến khích ứng dụng AI, IoT, Big Data vào toàn chuỗi sản xuất để tăng hiệu suất, phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ tuần hoàn và số hóa dữ liệu ngành.

Hiệp hội sẽ tiếp tục thúc đẩy mô hình hợp tác sáng tạo bằng cách xây dựng mối liên kết giữa Doanh nghiệp – nhà khoa học – Nông/ngư dân – Nhà nước để chia sẻ kiến thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phát triển vùng nuôi quy mô lớn và mô hình hợp tác xã hiện đại, tăng khả

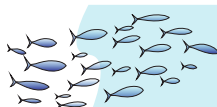
năng chủ động về nguyên liệu cho sản xuất xuất khẩu.

Về tổ chức, VASEP tiếp tục thể hiện hết vai trò đại diện Hội viên trong công tác phản biện chính sách, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong các tranh chấp thương mại – vượt rào cản, quảng bá thủy sản, và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Các nhóm hoạt động trọng tâm gồm: Ban Chấp hành Hiệp hội NK7 sẽ thể hiện hết vai trò là những người tâm huyết với tư duy đổi mới và linh hoạt sáng tạo, đưa ra chủ trương và chỉ đạo Văn phòng Hiệp hội tăng cường các hoạt động phát triển hội viên, đẩy mạnh phản biện chính sách, vận động vượt rào cản thương mại, xúc tiến thương mại nội địa và quốc tế, truyền thông – dữ liệu ngành, đào tạo – nâng cao năng lực doanh nghiệp. VASEP đặt mục tiêu phát triển ngành thủy sản Việt Nam theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững.

Sự đồng lòng của các thành viên Hiệp hội cùng với sự hỗ trợ tích cực từ Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước, sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Bộ NN&MT và các cơ quan Bộ ngành sẽ giúp ngành vượt qua thách thức và tiếp tục phát triển lớn mạnh, khẳng định vị trí và tiềm lực phát triển của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.

Tại Hội nghị, đại diện các DN tôm, cá tra, hải sản cũng trình bày các ý kiến về nhu cầu thị trường, rào cản thuế, đẩy mạnh thị trường nội địa và những kiến nghị để quy hoạch vùng nuôi, phát triển nuôi trồng thủy sản...



Đại hội đã bỏ phiếu, nhất trí bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 7, như sau:

Danh sách Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hiệp hội Nhiệm kỳ 7 (2025-2030)		
Ngành hàng tôm		
	Họ và tên	Chức vụ - Công ty
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Tập đoàn Minh Phú
2	Ông Đỗ Ngọc Tài	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chế biến Thủy sản Tài Kim Anh
3	Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc - Công ty CP Thực phẩm Sao Ta
4	Ông Ngô Minh Hiến	Tổng Giám đốc - Công ty CP XNK Thủy sản Năm Căn
5	Ông Võ Văn Phục	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Sạch Việt Nam
6	Bà Lê Thị Minh Thảo	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Thủy sản và Thương mại Thuận Phước
7	Ông Ngô Tuấn Kiệt	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Nha Trang Seafoods - F17
8	Ông Đoàn Văn Đông	Giám đốc - Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH XNK Thủy sản Cần Thơ
9	Ông Trần Nguyễn Hoàng Phú	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Thủy sản Sóc Trăng
10	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cổ Chiên
11	Ông Bùi Vĩnh Hoàng Chương	Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thủy sản Cà Mau
12	Ông Huỳnh Văn Tấn	Tổng Giám đốc - Công ty CP Camimex
Ngành hàng cá nước ngọt		
	Họ và tên	Chức vụ - Công ty
1	Bà Trần Thị Vân Loan	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long An Giang
2	Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Tổng Giám đốc - Công ty CP Vĩnh Hoàn
3	Ông Nguyễn Anh Nhân	Trợ lý Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Gò Đăng
4	Ông Ông Hàng Văn	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Thủy sản Trường Giang
5	Ông Trương Ngọc Vũ	Phó Giám đốc - Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông
6	Ông Trần Tuấn Khải	Tổng Giám đốc - Công ty CP XNK Thủy sản Cửu Long
7	Ông Hà Văn Tính	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Đại Thành
8	Ông Lê Văn Cảnh	Tổng Giám đốc - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia
9	Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP XNK Thủy sản Cần Thơ
10	Bà Đỗ Thị Thanh Thủy	Giám đốc Kinh doanh - Công ty CP Nam Việt
11	Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH XNK Cỏ May
Ngành hàng Hải sản		
	Họ và tên	Chức vụ - Công ty
1	Ông Huỳnh Thanh Lĩn	Giám đốc XNK - Công ty TNHH Hải Vương
2	Bà Nguyễn Thị Thu Sắc	Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Hải Nam
3	Bà Cao Thị Kim Lan	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thủy sản An Hải
4	Ông Huỳnh Minh Tường	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
5	Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Thực phẩm Trung Sơn
6	Bà Trần Linh Nguyên	Tổng Giám đốc - Công ty CP Thực phẩm GN
7	Ông Nguyễn Nam Vinh	Phó Giám đốc - Công ty TNHH Huy Nam
8	Bà Nguyễn Thị Thu Trinh	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Sài Gòn Food
9	Ông Ngô Minh Phương	Giám đốc điều hành - Công ty TNHH Việt Trường
10	Ông Nguyễn Duy An	Phó Tổng Giám đốc công ty kiêm Giám đốc nhà máy Công ty CP Thương mại Kiên Giang (Nhà máy Thực phẩm đóng hộp KTC)
Ban Kiểm tra		
	Họ và tên	Chức vụ - Công ty
1	Ông Võ Hùng Phong	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Hải Việt
2	Bà Trần Như Thiên My	Tổng Giám đốc - Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung
3	Bà Đỗ Ngọc Nga	Tổng Giám đốc - Công ty CP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn

Một số hình ảnh tại Đại hội:



Toàn cảnh Đại hội



Ông Nguyễn Hoài Nam - Tổng Thư ký VASEP



Bà Trương Thị Lệ Khanh - Phó Chủ tịch Hiệp hội VASEP, Chủ tịch Ủy ban Cá nước ngọt báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động NK 6 và phương hướng NK 7



Ông Đỗ Ngọc Tài - Phó Chủ tịch Hiệp hội VASEP, Chủ tịch Ủy ban Tôm đọc báo cáo Kiểm điểm của BCH Hiệp hội NK 6



Ông Ngô Minh Hiền - Trưởng ban Kiểm tra Hiệp hội VASEP
đọc báo cáo của Ban Kiểm tra Hiệp hội



Đại hội trao tặng kỷ niệm chương tri ân các Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra nhiệm kỳ 6



*Đại hội trao Chứng nhận Hội viên cho các Công ty tham gia Hiệp hội
từ ngày 1/1/2025 đến ngày 10/6/2025*



Đoàn Chủ tịch Hiệp hội Nhiệm kỳ 6 điều hành Đại hội



Đại hội tiến hành bỏ phiếu



Ông Nguyễn Anh Sơn - Cục trưởng Cục Xuất Nhập khẩu Bộ Công Thương phát biểu tại Đại hội



Ông Tạ Tấn - Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức Phi Chính phủ, Bộ Nội vụ phát biểu tại Đại hội



Đại hội gia phiếu biểu quyết thông qua





Đại hội chúc mừng Ban Chấp hành Nhiệm kỳ 7



Toàn thể các đại biểu tham dự Đại hội

VASEP tổ chức Đại hội Toàn thể lần thứ 7, nhiệm kỳ 2025–2030 với phương châm: “Chủ động thích ứng – Đổi mới sáng tạo – Phát triển bền vững”

VP VASEP

(vasep.com.vn) Trong không khí trang trọng, ngày 12/6/2025, tại Tp Hồ Chí Minh, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tổ chức Đại hội Toàn thể lần thứ 7, nhiệm kỳ 2025–2030 tại TP. Hồ Chí Minh. Sự kiện diễn ra ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 68-NQ/TW (4/5/2025), xác định kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của tăng trưởng, mở ra kỳ vọng mới cho cộng đồng doanh nghiệp thủy sản.

Phát biểu khai mạc Đại hội, lãnh đạo VASEP nhấn mạnh: “Đây là dịp quan trọng để toàn ngành cùng nhìn lại chặng đường 5 năm vừa qua, đồng thời thảo luận và thống nhất các định hướng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo. Mục tiêu chung là nâng cao vai trò của Hiệp hội, tăng cường sức mạnh liên kết của doanh nghiệp hội viên và thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản Việt Nam trong bối cảnh mới.”

Vượt sóng vươn xa: dấu ấn nhiệm kỳ 2020–2025

Giai đoạn 2020–2025 là một thời kỳ đầy biến động. COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng, xung đột địa chính trị và rào cản thương mại tăng, biến đổi khí hậu nghiêm trọng hơn. Dù vậy, ngành thủy sản Việt Nam đã trụ vững và đạt nhiều thành tựu.

Sau giai đoạn khó khăn 2020–2021, năm 2022 xuất khẩu thủy sản đạt kỷ

lục 11 tỷ USD – một kỷ tích trong bối cảnh toàn cầu đầy bất ổn. Năm 2023 tiếp tục là năm thử thách với tồn kho lớn, giá nhập khẩu giảm và thẻ vàng IUU chưa được gỡ bỏ, nhưng ngành vẫn giữ vững đà phát triển. Năm 2024 ghi dấu ấn với thắng lợi trong vụ kiện chống trợ cấp tôm tại Hoa Kỳ – mức thuế thấp nhất trong số các nước bị điều tra – tạo đà hồi phục, đưa xuất khẩu quay lại mốc 10 tỷ USD.

Dưới sự điều hành của Ban Chấp hành VASEP cùng sự đồng hành của Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp, và sự hợp tác, đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp – ngư dân – địa phương, ngành thủy sản đã ghi nhiều dấu ấn nổi bật. Nhiều nhóm hàng như tôm, cá tra, cá ngừ trở thành ngành hàng tỷ đô. Doanh nghiệp đầu tư mạnh cho chế biến sâu, sản phẩm giá trị gia tăng và đáp ứng tiêu chuẩn các thị trường cao cấp.

Đồng thời, Hiệp hội đã chủ động triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ hội viên: phản biện chính sách, xúc tiến thương mại, đào tạo, thông tin truyền thông và kết nối thị trường. Đặc biệt, Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với VASEP vào tháng 4/2023 là dấu mốc quan trọng, thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với ngành thủy sản và vai trò cầu nối của Hiệp hội trong việc phản ánh, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, phát triển thị trường

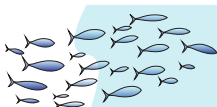
và nâng cao vị trí, năng lực của ngành hàng.

Thách thức và cơ hội mới trong nhiệm kỳ 2025–2030

Bước sang nhiệm kỳ mới, ngành thủy sản đối mặt với nhiều thách thức mới, đòi hỏi tư duy đổi mới, chiến lược dài hạn và sự liên kết chặt chẽ giữa các bên. Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (EVFTA, CPTPP, UKVFTA...) tiếp tục mở ra cơ hội về thuế quan, nhưng đồng thời đặt ra yêu cầu cao hơn về truy xuất nguồn gốc, phát triển xanh và trách nhiệm xã hội.

Một trong những thách thức lớn hiện nay là **thuế đối ứng của Hoa Kỳ** áp dụng đối với hàng hóa Việt Nam, trong đó có thủy sản. Đây không chỉ là trở ngại về chi phí, mà còn đòi hỏi doanh nghiệp nâng cao năng lực phòng vệ thương mại và điều chỉnh chuỗi cung ứng theo hướng minh bạch, bền vững.

Ngoài ra, chi phí sản xuất tiếp tục leo thang, cạnh tranh quốc tế gay gắt hơn từ các nước như Ấn Độ, Thái Lan, Ecuador. Biến đổi khí hậu làm suy giảm nguồn lợi và chất lượng nguyên liệu. Thẻ vàng IUU cũng tiếp tục là thách thức lớn trong xuất khẩu. Các tiêu chuẩn xanh, sạch, trách nhiệm xã hội, phát thải thấp không còn là xu hướng, mà là yêu cầu bắt buộc của thị trường.



Phương châm trong giai đoạn mới

Trong bối cảnh đó, Đại hội Toàn thể lần thứ VII xác định phương châm hành động xuyên suốt nhiệm kỳ là: **“Chủ động thích ứng – Đổi mới sáng tạo – Phát triển bền vững.”** Đây không chỉ là khẩu hiệu, mà là cam kết hành động mạnh mẽ của toàn Hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp.

Tại Đại hội, các đại biểu cùng thảo luận và quyết định nhiều nội dung trọng yếu:

- Kiện toàn bộ máy hoạt động của Hiệp hội;
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động phù hợp với thực tiễn;

- Tăng cường liên kết cộng đồng doanh nghiệp;
 - Đổi mới dịch vụ, nâng cao chất lượng tư vấn và hỗ trợ hội viên;
 - Đẩy mạnh đối thoại chính sách, kết nối quốc tế và ứng phó hiệu quả các rào cản thương mại.
 - Thúc đẩy các sáng kiến đổi mới sáng tạo trong sản xuất, chế biến, phân phối theo hướng xanh – sạch – tuần hoàn;
 - Đồng hành cùng doanh nghiệp trong xây dựng chuỗi cung ứng minh bạch, phát triển có trách nhiệm, hướng tới đạt các tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG).
- Mục tiêu đến năm 2030 là đưa

ngành thủy sản Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, có năng lực cạnh tranh toàn cầu, với kim ngạch xuất khẩu đạt từ **14–16 tỷ USD**.

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM (VASEP)

Đ/c: Số 7 đường Nguyễn Quý Cảnh, Phường An Phú, Tp.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh

Tel: (+84) 28.628.10430 - Fax: (+84) 28.628.10437 - Email: vasephcm@vasep.com.vn

Liên hệ: Ms. Lê Hằng

Email: lehang@vasep.com.vn - ĐT: (+84) 982 195872



THUẾ ĐỐI ỨNG HOA KỲ 2025

THEO DÒNG SỰ KIỆN

TARIFFS

GẦN 3 TỶ USD THỎA THUẬN GIAO THƯƠNG NÔNG SẢN VIỆT NAM - HOA KỲ ĐƯỢC KÝ KẾT TRONG VÒNG 1 TUẦN

Đây là kết quả tích cực từ chuyến làm việc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các doanh nghiệp Việt Nam tại Hoa Kỳ trong ngày 1 đến ngày 7/6/2025.

Thủ đô Washington D.C là điểm dừng chân cuối cùng của phái đoàn Bộ Nông nghiệp và Môi trường, do Bộ trưởng Đỗ Đức Duy dẫn đầu, trong chuyến công du tại Mỹ.

Thông tin từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết vào ngày 6/6, Bộ trưởng Đỗ Đức Duy đã dự hội nghị bàn tròn với đông đảo các doanh nghiệp, tập đoàn hàng đầu thuộc Hội đồng Kinh doanh Hoa Kỳ - ASEAN.

Tại sự kiện đã có 8 thỏa thuận được ký kết, tổng giá trị lên tới 1,1 tỷ USD. Trong đó thỏa thuận lớn nhất có trị giá lên tới 380 triệu USD, được ký giữa Công ty CP Khai Anh Bình Thuận và Tập đoàn Cargill. Phía Khai Anh cam kết nhập khẩu 1,2 triệu tấn ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi, bao gồm ngô, lúa mì và bột đậu nành từ Hoa Kỳ.

Cùng các Biên bản ghi nhớ (MOU) được ký trước đó ở bang Iowa, Ohio và Maryland, tổng thỏa thuận mua hàng hóa nông sản giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đạt giá trị lên tới gần 3 tỷ USD.

Các diễn đàn và các cuộc tiếp xúc với phía Hoa Kỳ đã tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp hai nước có thêm thông tin thị trường, xu hướng tiêu dùng, cũng như tình hình phát triển nông nghiệp, nông lâm thủy sản của mỗi bên. Qua đó, mở cơ hội cho doanh nghiệp hai nước tiếp cận, mở rộng thị trường, triển khai các dự án đầu tư, thúc đẩy hợp tác kinh doanh trong thời gian tới.

Các chuyến khảo sát thực tế, làm việc với chính quyền các tiểu bang và doanh nghiệp sở tại, phái đoàn Việt Nam đã tìm hiểu việc hợp tác chuyển giao công nghệ, ứng dụng quy trình kỹ thuật canh tác tiên tiến, giải pháp phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái - thông minh - tuần hoàn - bền vững.

VIỆT NAM NHẤT QUÁN ĐÀM PHÁN VỚI MỸ ĐỂ ĐẠT THỎA THUẬN THUẾ ĐỐI ỨNG HÀI HÒA

Việt Nam nhất quán đàm phán với Mỹ nhằm hướng tới một thỏa thuận thuế đối ứng trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, quyền tự chủ, hài hòa lợi ích.

Ngày 11.6, trong khuôn khổ chuyến công tác tại Mỹ, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã có cuộc làm việc với Thượng nghị sĩ Roger Marshall, đại diện bang Kansas, thành viên đảng Cộng hòa, người có ảnh hưởng trong các vấn đề kinh tế, thương mại và nông nghiệp tại Mỹ.

Tại cuộc gặp, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc xây dựng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ, thúc đẩy hợp tác kinh tế, thương mại vì lợi ích chung. Việt Nam sẵn sàng mở cửa thị trường, dành ưu đãi cho hàng hóa Mỹ và mong muốn Mỹ có bước đi tương xứng.

Về đàm phán Hiệp định Thương mại đối ứng, Bộ trưởng khẳng định Việt Nam nhất quán theo đuổi một hiệp định song phương trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, quyền tự chủ, thể chế chính trị, hài hòa lợi ích và phù hợp với trình độ phát triển, cam kết quốc tế của mỗi bên.

Bộ trưởng bày tỏ mong muốn Thượng nghị sĩ Roger Marshall ủng hộ Việt Nam trong tiến trình đàm phán và làm cầu nối hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực thế mạnh của bang Kansas như nông nghiệp, hàng không, công nghệ sinh học.

Thượng nghị sĩ Roger Marshall đánh giá cao thiện chí của Việt Nam, cho biết sẽ có ý kiến với Tổng thống và các bộ trưởng trong nội các Mỹ, đồng thời kỳ vọng chuyến công tác của Bộ trưởng sẽ mở ra nhiều cơ hội hợp tác thiết thực.

Trước đó, ngày 10/6, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên cũng đã làm việc với lãnh đạo Exxon Mobil gồm bà Jennifer M. Chan và bà Zoe Barinaga.

Bộ trưởng đánh giá cao hợp tác 16 năm qua giữa Việt Nam và Exxon Mobil, hoan nghênh việc triển khai các dự án năng lượng, điện khí, dầu khí tại Việt Nam. Bộ trưởng đề nghị tiếp tục triển khai Dự án Cá Voi Xanh theo đúng quy định pháp luật và hợp đồng đã ký.

Đại diện Exxon Mobil khẳng định tin tưởng vào tiềm năng của Việt Nam, đánh giá cao cải cách gần đây dưới sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm, cam kết sẽ chuyển thông điệp tích cực về Việt Nam tới Nhà Trắng và các cơ quan chức năng Mỹ nhằm ủng hộ Việt Nam trong quá trình đàm phán.

Cùng ngày, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đã tiếp và làm việc với lãnh đạo Nike và Walmart - hai tập đoàn lớn của Mỹ đang đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

Tại buổi làm việc với Nike, Bộ trưởng ghi nhận vai trò của Nike trong tạo việc làm và đóng góp vào chuỗi cung ứng toàn cầu, đồng thời chia sẻ quan ngại về tác động của chính sách thuế hiện nay. Ông khẳng định Việt Nam coi Nike là đối tác chiến lược trong phát triển bền vững.

Với Walmart, Bộ trưởng đánh giá cao đóng góp trong việc đưa hàng Việt ra toàn cầu, đề nghị mở rộng thu mua sản phẩm giá trị gia tăng, thân thiện môi trường, xây dựng trung tâm thu mua chiến lược và hỗ trợ nâng cao năng lực nhà cung ứng tại Việt Nam.

Nhấn mạnh vai trò của cộng đồng doanh nghiệp Mỹ trong bối cảnh đàm phán Hiệp định Thương mại đối ứng đang vào giai đoạn then chốt, Bộ trưởng kêu gọi Nike và Walmart ủng hộ mạnh mẽ tiến trình này để sớm đạt được thỏa thuận công bằng, cân bằng và bền vững.

THỎA THUẬN GIỮA HOA KỲ VÀ TRUNG QUỐC KHÓA CHẶT MỨC THUẾ QUAN Ở MỨC HIỆN TẠI

(vasep.com.vn) Hoa Kỳ và Trung Quốc sắp ký một thỏa thuận thương mại sơ bộ sẽ đóng băng mức thuế quan ở mức trước đó, tổng thống Donald Trump cho biết trên mạng xã hội.

Dựa trên các bài đăng mới nhất trên mạng xã hội của Tổng thống Donald Trump, một thỏa thuận thương mại sơ bộ giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ duy trì mức thuế quan cơ bản hiện hành do hai nền kinh tế lớn nhất thế giới đặt ra.

Thỏa thuận đạt được vào thứ Tư (ngày 11 tháng 6) và đang chờ sự chấp thuận từ chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình sẽ duy trì mức thuế quan 55% của Hoa Kỳ đối với hàng hóa Trung Quốc, trong khi hàng hóa Hoa Kỳ sẽ phải chịu mức thuế 10% vào Trung Quốc, Trump cho biết trong một bài đăng trên Truth Social.

“Tổng thống Xi và tôi sẽ hợp tác chặt chẽ để mở cửa Trung Quốc cho hoạt động thương mại của Mỹ. Đây sẽ là chiến thắng lớn cho cả hai nước!!!” ông viết.

Động thái này không nhất thiết là động thái tích cực đối với các nhà nhập khẩu Hoa Kỳ. Trung Quốc là nguồn cung cấp hải sản lớn thứ bảy cho Hoa Kỳ vào năm 2024, chiếm 353.413 tấn trị giá 1,5 tỷ USD. Hoa Kỳ phụ thuộc rất nhiều vào Trung Quốc về cá rô phi, cua bơi đỏ, sò điệp vịnh, tôm và nhiều sản phẩm hải sản khác, bao gồm cả cá trắng được đưa vào Hoa Kỳ và gửi đến Trung Quốc để chế biến.

Một quan chức Nhà Trắng cho rằng mức thuế 55% phản ánh mức thuế 30% mà Trump đã áp dụng trong năm nay ngoài mức thuế hiện hành là 25%.

Thông báo này được đưa ra sau hai ngày đàm phán tại London, Vương quốc Anh, diễn ra sau khi căng thẳng bùng phát vào đầu tháng 5, dẫn đến thông báo tạm thời về mức thuế quan cao hơn, trước khi các cuộc đàm phán tại Geneva, Thụy Sĩ vào cuối tháng 5 dẫn đến việc cả hai nước giảm thuế quan 115%.

Đại diện thương mại Hoa Kỳ Jamieson Greer cho biết hôm 11/6 rằng hiện tại không có cuộc họp bổ sung nào với các quan chức Trung Quốc được lên lịch.

Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ công bố kết quả Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5, cho thấy mức tăng 2,4%, tăng nhẹ so với mức 2,3% được ghi nhận vào tháng 4. Tỷ lệ lạm phát của Hoa Kỳ vẫn ổn định ở mức 2,8%.

Một cuộc khảo sát của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ cho thấy một phần ba các nhà sản xuất Hoa Kỳ và gần một nửa các công ty dịch vụ đã chuyển ít nhất một phần chi phí thuế quan cho khách hàng của họ. Cuộc khảo sát cho thấy nhiều doanh nghiệp dự kiến sẽ chuyển chi phí cao hơn từ thuế quan cho khách hàng của họ trong mùa hè.

Các quan chức của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ lo ngại các động thái thương mại của Trump có thể gây ra một giai đoạn tăng giá kéo dài dẫn đến đình lạm.

(Theo UCN)

ÔNG TRUMP: GIA HẠN HOÃN THUẾ ĐỐI ỨNG LÀ KHÔNG CẦN THIẾT, 2 TUẦN NỮA SẼ GỬI THƯ ĐẾN TỪNG NƯỚC

Tổng thống Donald Trump tuyên bố sẽ gửi thư thông báo điều khoản thuế quan tới từng đối tác thương mại trong vòng 2 tuần tới, và các nước sẽ phải chấp nhận hoặc từ chối thỏa thuận của Mỹ.

Ông Trump cho rằng việc gia hạn miễn thuế đối ứng là không cần thiết, dù vẫn sẵn sàng hoãn thuế sau ngày 8/7 nếu đàm phán tiếp tục.

Khoảng 15 đối tác đang đàm phán thương mại với Mỹ, trong đó có Hàn Quốc, Nhật Bản và EU.

Bộ trưởng Tài chính Scott Bessent cho biết các quốc gia “có thiện chí” có thể được gia hạn thời gian miễn thuế đối ứng, hiện thời gian miễn này kết thúc vào ngày 8/7.

Mỹ mới chỉ đạt hai thỏa thuận: một với Anh và một thỏa thuận khung với Trung Quốc.

Về thỏa thuận Mỹ - Trung: Mỹ cho biết đã đạt được “thỏa thuận tuyệt vời”, trong đó Trung Quốc nới lỏng hạn chế đất hiếm, còn Mỹ dự kiến sẽ nới hạn chế thị thực và công nghệ (trừ chip AI).

Thuế quan với Trung Quốc được công bố là 55%, gồm nhiều loại thuế cộng gộp (thuế cơ bản, thuế fentanyl, thuế đối ứng...).

Tuy nhiên, nhiều chi tiết về cách thực thi thỏa thuận Mỹ - Trung còn thiếu rõ ràng, khiến thị trường chứng khoán Mỹ giảm điểm ngày 11/6.

CÁC CUỘC ĐÀM PHÁN THƯƠNG MẠI CỦA HOA KỲ BỊ ĐÌNH TRỆ TRƯỚC THỜI HẠN VÀO THÁNG 7

Đến giữa thời hạn do Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump tự đặt ra là ngày 9 tháng 7 để thực hiện “90 thỏa thuận trong 90 ngày”, ông mới chỉ ký được một thỏa thuận thương mại.

Hoa Kỳ đã ký thỏa thuận thương mại liên quan đến thuế quan đầu tiên với Vương quốc Anh vào tháng 5 và các quan chức chính quyền Trump cho biết họ đang tiến triển các thỏa thuận với khoảng một chục đối tác thương mại lớn khác.

Nhưng theo báo cáo của Politico, những cuộc đàm phán đó đang đi vào bế tắc.

Các cuộc đàm phán với các mục tiêu chính là Ấn Độ và Việt Nam không diễn ra suôn sẻ như các quan chức Hoa Kỳ hy vọng. Một khuôn khổ thỏa thuận với Ấn Độ có thể có trong hai đến ba tuần tới, nhưng các chi tiết của thỏa thuận sẽ mất nhiều thời gian hơn để giải quyết, theo các nguồn tin của Politico.

Các cuộc đàm phán với Nhật Bản và Hàn Quốc đang bị trì hoãn do các vấn đề chính trị trong nước ở mỗi quốc gia. Các quan chức Nhật Bản đang yêu cầu xóa bỏ mọi mức thuế quan — một điều kiện bị nhà đàm phán chính của Hoa Kỳ, bộ trưởng tài chính Scott Bessent, bác bỏ. Chính phủ Hàn Quốc đã thay đổi hai lần trong những tháng gần đây sau cuộc luận tội và cuộc bầu cử quốc gia vào ngày 3 tháng 6.

Các quốc gia khác thậm chí còn không được các viên chức thương mại Hoa Kỳ lắng nghe. Thái Lan đã nộp bản điều khoản nhưng vẫn chưa nhận được phản hồi.

Theo Politico, các cuộc đàm phán với Canada, Mexico, Trung Quốc và EU “vẫn còn trong giai đoạn trứng nước”, trích dẫn các cuộc phỏng vấn với 10 quan chức nước ngoài.

Bộ trưởng thương mại Hoa Kỳ Howard Lutnick gần đây cho biết sẽ không gia hạn thời gian tạm dừng áp thuế quan qua lại trong 90 ngày khi chúng hết hạn vào ngày 9/7 đối với các quốc gia không đàm phán “một cách thiện chí”, nhưng các quan chức khác của Trump đã không đưa ra tuyên bố cụ thể nếu không đạt được thỏa thuận.

(Theo UCN)

TRUMP THẮNG KIẾN PHÁP LÝ GIA HẠN THUẾ QUAN ĐẾN THÁNG 7

Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã giành chiến thắng khi Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ chấp thuận gia hạn mức thuế quan bị một tòa án cấp dưới coi là bất hợp pháp vào tháng trước.

Trong một phán quyết chưa ký, tòa phúc thẩm đã chấp thuận yêu cầu của chính quyền Trump về việc tạm dừng quyết định ngày 28/5 của Tòa án Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ về việc tuyên bố thuế quan áp dụng theo Đạo luật Quyền hạn Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế là vô hiệu.

Vào ngày 29/5, Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ đã tạm dừng lệnh của tòa án cấp dưới và vào ngày 10/6, tòa án đã chấp thuận yêu cầu của chính quyền Trump về việc gia hạn thời gian hoãn cho đến ít nhất là ngày 31/7, thời điểm các thẩm phán phúc thẩm sẽ nghe các lập luận bằng lời trong vụ án.

Bộ Tư pháp Hoa Kỳ tuyên bố việc hủy bỏ thuế quan sẽ gây gián đoạn các cuộc đàm phán thương mại của Trump, một hậu quả lớn hơn thiệt hại kinh tế mà các doanh nghiệp nhỏ đã kiện thành công cáo buộc, theo UPI.

(Theo UCN)

■ Nghị định 119/2025/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

Ngày 09/6/2025, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà đã ký ban hành Nghị định số 119/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Theo đó, tại Nghị định 119/2025/NĐ-CP thì Chính phủ đã sửa đổi quy định về trao đổi, vay mượn, nộp trả, chuyển giao, bù trừ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon như sau:

- Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được phép trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon bao gồm:

+ Hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại Điều 12 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP). Một đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính thể hiện quyền phát thải bằng 01 tấn CO₂ hoặc 01 tấn CO₂ tương đương;

+ Tín chỉ các-bon được cấp cho kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 của chương trình, dự án thuộc cơ chế quy định tại Điều 20 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) và cơ chế quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP).

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật số lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính vào tài khoản của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia, đồng thời gửi, cập nhật dữ liệu cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon khi thực hiện phân bổ theo quy định tại Điều 12 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP).

- Xác nhận tín chỉ các-bon để trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon

+ Đối với tín chỉ các-bon từ dự án thuộc cơ chế quy định tại Điều 20 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) và cơ chế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20a Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP), Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi thông tin về lượng tín chỉ các-bon cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon để cập nhật vào tài khoản của tổ chức khi đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon;

+ Đối với tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án thuộc cơ chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP), tổ chức tham gia chương trình, dự án có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon theo Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP); Chứng nhận của cơ quan quản lý cơ chế đối với lượng tín chỉ các-bon của chương trình, dự án để được trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác nhận và gửi thông tin về lượng tín chỉ các-bon được xác nhận vào tài khoản của tổ chức để nghị trên Sàn giao dịch các-bon; trường hợp không xác nhận phải nêu rõ lý do.

- Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo quy định pháp luật về Sàn giao dịch các-bon.

- Nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính

+ Đối với mỗi giai đoạn phân bổ, cơ sở có trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho Nhà nước. Lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả phải tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê khí nhà kính từ các nguồn phát thải trực tiếp trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở trừ đi lượng tín chỉ các-bon đã bù trừ;

+ Cơ sở tự thực hiện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Hệ thống đăng ký quốc gia trước ngày 31/12 của năm kế tiếp giai đoạn được phân bổ quy định tại Điều 12 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP);

+ Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện hủy bỏ hạn ngạch đã được nộp trả trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

+ Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhiều hơn kết quả kiểm kê khí nhà kính từ các nguồn phát thải trực tiếp trong giai đoạn được phân bổ, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của quốc gia;

+ Cơ sở được phép áp dụng các hình thức trao đổi, vay mượn, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 19 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) để thực hiện trách nhiệm nộp trả;

+ Cơ sở không thực hiện đầy đủ trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát

thải khí nhà kính bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đồng thời, lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu sẽ bị trừ vào hạn ngạch phân bổ của cơ sở cho giai đoạn kế tiếp.

- Vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính

+ Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở có thể vay mượn lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn kế tiếp của chính cơ sở đó để đảm bảo hoạt động nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn hiện tại. Số lượng hạn ngạch vay mượn không vượt quá 15% lượng hạn ngạch đã được phân bổ cho giai đoạn được phân bổ và không được sử dụng để trao đổi;

+ Cơ sở tự thực hiện vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ.

- Chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính

+ Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết sau khi hoàn thành nộp trả của giai đoạn hiện tại sang giai đoạn kế tiếp. Số lượng hạn ngạch chuyển

giao được sử dụng để trao đổi;

+ Cơ sở tự thực hiện chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia sau khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ;

+ Sau 30 ngày kể từ thời hạn nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện hủy bỏ số lượng hạn ngạch của các giai đoạn được phân bổ trước đó không được chuyển giao hoặc/và nộp trả của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia, đồng thời gửi, cập nhật dữ liệu cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon.

- Sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính

+ Cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại Điều 20 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP), điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) để bù trừ không quá 30% lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ của cơ sở;

+ Cơ sở sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính tự thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình nộp trả.

- Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính

+ Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính là việc mua, bán tín chỉ các-bon giữa các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) và tổ chức sở hữu tín chỉ các-bon thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại Điều 20 Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP), điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định 06/2022/NĐ-CP (sửa đổi Nghị định 119/2025/NĐ-CP) được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo quy định pháp luật về Sàn giao dịch các-bon;

+ Hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon phải bảo đảm tuân thủ quy định tại các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Sử dụng tín chỉ các-bon để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện

Nhà nước khuyến khích tổ chức mua tín chỉ các-bon để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện, đóng góp vào thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia. Lượng tín chỉ các-bon đã sử dụng để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện không được tiếp tục trao đổi trên thị trường.

Nghị định này có hiệu lực từ 01/8/2025.

■ Quyết định 1055/QĐ-TTg: Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân

Ngày 30/5/2025, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã ký ban hành Quyết định 1055/QĐ-TTg về việc Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Theo Quyết định, Trưởng Ban Chỉ đạo là Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.

Các Phó Trưởng Ban Chỉ đạo gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Chí Dũng (Phó Trưởng Ban thường

trực); Bộ trưởng Bộ Tài chính Nguyễn Văn Thắng.

Ban Chỉ đạo mời: Phó Chủ tịch Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện Lãnh đạo Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; đại diện Lãnh đạo Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội làm Ủy viên Ban Chỉ đạo.

Ngoài ra, Ủy viên Ban Chỉ đạo còn có lãnh đạo các Bộ, ngành: Quốc Phòng, Công an, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Văn phòng Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ, Huế.

Ủy viên Ban Chỉ đạo còn có lãnh đạo các đơn vị: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh

tế tư nhân (Ban IV).

Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp Danh sách thành viên Ban Chỉ đạo, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo các bộ ngành, địa phương tổ chức triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra.

Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ

Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiểm nhiệm theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận công khai, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất.

Trường Ban Chỉ đạo chủ trì các cuộc họp theo kế hoạch và triệu tập các cuộc họp đột xuất khi cần thiết, có thể ủy quyền cho Phó Trường Ban Chỉ đạo chủ trì các cuộc họp để thảo luận, quyết định một số vấn đề cụ thể thuộc nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo.

Bộ Tài chính là cơ quan thường trực giúp Ban Chỉ đạo.

Thủ tướng giao Bộ trưởng Bộ Tài chính, Phó Trường Ban Chỉ đạo quyết định thành lập Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30/5/2025.

■ Công điện 72/CĐ-CT: triển khai thực hiện Thông tư 31/2025/TT-BTC và Thông tư 32/2025/TT-BTC

Ngày 01/6/2025, Cục Thuế ban hành Công điện 72/CĐ-CT thực hiện Thông tư 31/2025/TT-BTC và Thông tư 32/2025/TT-BTC.

Theo đó, Cục Thuế có một số nội dung cần lưu ý kể từ ngày 01/6/2025 khi triển khai Thông tư 32/2025/TT-BTC thay thế Thông tư 78/2021/TT-BTC như sau:

- Kể từ ngày 01/6/2025, tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân phải ngừng sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây và chuyển sang áp dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân điện tử theo quy định tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử đã ký hợp đồng cung cấp nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn với Tổng cục Thuế (từ ngày 01/3/2025 là Cục Thuế) trước ngày 01/6/2025 thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký.

- Trường hợp doanh nghiệp có hoạt

động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã, hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan

thuế phục vụ hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng nêu trên trước ngày 01/6/2025 thì được lựa chọn chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Nghị định 70/2025/NĐ-CP hoặc tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử đã đăng ký sử dụng với cơ quan thuế. Trong thời gian tới, Cục Thuế sẽ có văn bản giới thiệu chi tiết các điểm mới của Thông tư 31/2025/TT-BTC và Thông tư 32/2025/TT-BTC để các Chi cục Thuế giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến đến công chức thuế và người nộp thuế.

Nguyễn Hà



■ Phát triển thủy sản Việt Nam: Bắt đầu từ minh bạch dữ liệu và chuyển đổi xanh

Hội thảo “Phát triển bền vững ngành Thủy sản” do Quỹ Vi tương lai xanh - Tập đoàn Vingroup phối hợp cùng Hiệp hội chế biến và xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) tổ chức tại Nha Trang ngày 7/6.

Đây là hoạt động nằm trong khuôn khổ chiến dịch “Cùng hành động vì biển xanh” hưởng ứng Ngày Đại dương Thế giới (8/6) do Quỹ Vi tương lai xanh phát động. Hội thảo quy tụ hơn 150 đại biểu ngành, là lời khẳng định cho định hướng mới của thủy sản Việt: hội nhập phải xanh, phát triển phải có trách nhiệm.

Diễn ra trong bối cảnh Quyết định 911/QĐ-TTg của Thủ tướng về kiểm soát ô nhiễm môi trường thủy sản bắt đầu triển khai, hội thảo là một trong những diễn đàn đa phương hiếm hoi tập trung thảo luận thực chất về chiến lược phát triển bền vững ngành thủy sản.

TS. Nhữ Văn Cần - Phó cục trưởng Cục Thủy sản và Kiểm ngư, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cho biết, phát triển thủy sản hiện đại, bền vững, xanh và có khả năng cạnh tranh quốc tế đã trở thành mục tiêu xuyên suốt trong bối cảnh hiện nay. Do đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang triển khai nhiều định hướng trọng tâm như giảm đánh bắt, tăng nuôi trồng, đặc biệt là nuôi biển quy mô lớn, tích hợp đa giá trị, kết hợp với bảo tồn nguồn lợi thủy sản; chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, blockchain trong kiểm soát dịch bệnh và truy xuất nguồn gốc.

Bà Nguyễn Thị Thu Sắc - Chủ tịch VASEP nhấn mạnh việc khai thác thủy sản hiện nay, đặc biệt là đánh bắt trên biển, đang thiếu tính minh bạch và số liệu cụ thể. Trong khi nguồn nuôi trồng trên bờ có thể truy

xuất được, thì đánh bắt ngoài biển lại rất khó kiểm soát và định lượng chính xác.

Do đó, để hướng tới một ngành thủy sản tuần hoàn xanh và bền vững, Việt Nam cần xây dựng hệ thống số hóa dữ liệu đánh bắt trên biển; áp dụng công nghệ ở các nước tiên tiến đang làm như số hóa từ tàu vào đất liền, đấu giá minh bạch.

Nhấn mạnh về tầm quan trọng của hội thảo, bà Nguyễn Thị Thu Sắc bày tỏ ấn tượng với thông điệp “Vi một tương lai xanh, vì một Việt Nam xanh”, tầm nhìn giàu cảm hứng cho sự phát triển bền vững của Tập đoàn Vingroup. Bà nhấn mạnh, Việt Nam là quốc gia mạnh về thủy sản và ngành này cần chuyển đổi theo hướng phát triển xanh, bảo vệ hệ sinh thái biển.

Chủ tịch VASEP cũng đánh giá cao vai trò của Quỹ Vi tương lai xanh và những đóng góp bền bỉ, thiết thực từ Tập đoàn Vingroup. Bà cho rằng việc hỗ trợ tài chính đóng vai trò rất quan trọng, và Vingroup đã không chỉ dừng lại ở hoạt động hỗ trợ bề nổi mà còn len lỏi vào cuộc sống người dân, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

■ Việt Nam khẳng định cam kết bảo vệ đại dương trên trường quốc tế

Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc (LHQ) lần thứ 3 (UNOC3) diễn ra từ ngày 9-13/6 tại Pháp. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính dẫn đầu đoàn Việt Nam tham dự Hội nghị. Đây là cơ hội để Việt Nam thể hiện vai trò tích cực trong giải quyết thách thức toàn cầu liên quan đến đại dương.

Đây là một sự kiện quốc tế chiến lược, ảnh hưởng việc hoàn thành các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), đặc biệt là Mục tiêu số 14 (SDG-14) về bảo tồn và sử dụng bền vững đại

dương. Đại sứ cho biết, chương trình nghị sự của UNOC3 xoay quanh hai nội dung chính: “Hành động khẩn cấp vì đại dương” và “Bảo tồn, phát triển đại dương bền vững”, với mục tiêu thúc đẩy thực hiện SDG-14.

Việc người đứng đầu Chính phủ Việt Nam tham dự và đóng góp tại UNOC3 được tổ chức tại Pháp, cùng nhiều sự kiện bên lề, thể hiện rõ sự chủ động và cam kết của Việt Nam cùng cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu, phù hợp với các định hướng quan trọng của Đảng và Nhà nước Việt Nam về phát triển kinh tế biển bền vững.

Trong nhiều năm qua, Việt Nam luôn khẳng định vai trò là một thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước LHQ về Luật Biển (UNCLOS). Việt Nam cũng luôn chủ động trong bảo tồn và sử dụng bền vững biển, tài nguyên biển và sẵn sàng đóng góp vào nỗ lực chung của quốc tế trong lĩnh vực này.

■ EU bắt ngờ công bố Đạo luật Đại dương nhằm quản lý tài nguyên biển

(vasep.com.vn) Ủy ban châu Âu vừa công bố Đạo luật Đại dương - một sáng kiến pháp lý mới nhằm tăng cường quản lý các hoạt động kinh tế tại các vùng biển châu Âu, từ đánh bắt cá đến du lịch và quốc phòng, trong bối cảnh các chi tiết cụ thể vẫn còn hạn chế.

Theo tờ Politico ngày 6/6, Ủy viên châu Âu phụ trách đại dương Costas Kadis bắt ngờ công bố Đạo luật Đại dương vào ngày 5/6. Văn kiện này nhằm cập nhật Chỉ thị Quy hoạch Không gian Biển (MSPD) và dự kiến được trình vào năm 2027, nằm trong khuôn khổ thực hiện Hiệp ước Đại dương châu Âu - cam kết chính sách của Chủ tịch Ủy ban Ursula von der Leyen trong nhiệm kỳ thứ hai.

Phát biểu tại buổi công bố, ông Kadis cho biết đạo luật sẽ cung cấp khuôn khổ pháp lý thống nhất để thực thi các mục tiêu rộng lớn của Hiệp ước Đại dương, bao gồm cắt giảm thủ tục hành chính, thúc đẩy nuôi trồng thủy sản và đánh bắt bền vững, đẩy mạnh du lịch biển, tăng cường quốc phòng hàng hải và đầu tư cho nghiên cứu khoa học đại dương.

Ủy ban châu Âu cho biết đạo luật mới sẽ tăng cường quy hoạch không gian biển nhờ “phối hợp liên ngành hiệu quả hơn ở cấp quốc gia” và tổ chức lại phương thức quản lý các lưu vực biển. Ngoài ra, văn bản này cũng đặt mục tiêu giảm gánh nặng hành chính cho các quốc gia thành viên, bao gồm việc đơn giản hóa nghĩa vụ báo cáo.

Tuy nhiên, thông báo thiếu các chi tiết cụ thể, mở ra khả năng tranh luận chính sách giữa các nhóm lợi ích môi trường và thương mại. Dự thảo hiệp ước không đưa ra biện pháp cụ thể nhằm thiết lập thêm các khu bảo tồn biển hay cải thiện công tác quản lý hiện tại, mà chỉ cam kết “tăng cường thực thi và thực hiện các quy định hiện hành của EU”.

Liên quan đến hoạt động đánh bắt bằng lưới kéo đáy gây tranh cãi - phương pháp sử dụng lưới nặng kéo sát đáy biển - tài liệu chỉ nhắc lại mục tiêu dài hạn là loại bỏ hình thức này khỏi các khu bảo tồn biển vào năm 2030, như đã đề ra trong Kế hoạch Hành động Biển của EU từ năm 2023.

Ngoài ra, phụ lục kèm theo cũng đề cập tới các nội dung về quốc phòng biển, bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu, quản trị đại dương quốc tế và hỗ trợ các cộng đồng ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu. Chiến lược phát triển và phục hồi cộng đồng ven biển EU dự kiến sẽ được ban hành vào năm 2026.

Một số tổ chức môi trường cho rằng Đạo luật Đại dương tuy còn hạn chế

nhưng vẫn thể hiện tiềm năng nhất định. Tổ chức Seas At Risk nhận định đạo luật có thể mở đường cho việc bảo vệ đại dương hiệu quả nếu được xây dựng với các quy định chặt chẽ và có tính ràng buộc. Ông Jacob Armstrong, Giám đốc chính sách đại dương của WWF, cho rằng cam kết của Ủy ban châu Âu là tín hiệu tích cực, song nhấn mạnh cần làm rõ các mục tiêu cụ thể cũng như bảo đảm nguồn lực công để triển khai các biện pháp bảo vệ đại dương trên thực tế.

Ngành thủy sản châu Âu cũng bày tỏ hy vọng. Ông Esben Sverdrup, Chủ tịch Hiệp hội các tổ chức sản xuất thủy sản EU, cho biết đạo luật có thể giúp sửa đổi những quy định hiện tại còn thiếu hiệu quả, đồng thời mang lại sự ổn định cho ngành nghề này trong tương lai.

Bà Isabelle Le Callennec, nghị sĩ EU thuộc đảng Nhân dân châu Âu, đánh giá hiệp ước thể hiện sự cân bằng giữa bảo vệ môi trường và duy trì một nền kinh tế biển lành mạnh. Tuy nhiên, các nhóm chính trị khác như đảng Xã hội và Dân chủ lại kêu gọi hành động mạnh mẽ hơn để bảo vệ đa dạng sinh học, tạo việc làm và phát triển năng lượng tái tạo ngoài khơi.

Nghị sĩ Xanh Bas Eickhout cho rằng cần có lập trường rõ ràng về những hoạt động sẽ bị loại bỏ, đặc biệt là việc đánh bắt cường độ cao trong các khu bảo tồn, đồng thời chỉ trích thiếu hành động cụ thể trong kế hoạch mới của Ủy ban.

(Theo Politico)

■ Đánh bắt cá bất hợp pháp đe dọa đa dạng sinh học của Mozambique

(vasep.com.vn) Bộ trưởng Bộ Đại dương và Thủy sản Mozambique, Momade Juízo, đã cảnh báo rằng

đánh bắt bất hợp pháp và phá hủy rừng ngập mặn là những yếu tố chính đe dọa đa dạng sinh học của đất nước.

Theo ông, cần phải tăng cường các nỗ lực nhằm bảo tồn đại dương trước vô số mối nguy hiểm đe dọa hệ sinh thái, sự phát triển của nền kinh tế xanh và sự sống còn của con người

Juízo tuyên bố rằng chính phủ Mozambique cam kết tìm ra các giải pháp để đảm bảo tối đa hóa nhiều lợi ích mà đại dương mang lại, trong khuôn khổ các cam kết khu vực và quốc tế về phát triển bền vững.

Các cải cách hiện đang được tiến hành ở cấp độ ngành, nhằm mục đích tăng cường khuôn khổ chính trị, pháp lý và thể chế để cải thiện việc quản lý biển và tăng cường trách nhiệm của cá nhân và tập thể trong việc bảo vệ khoảng 2.700 km bờ biển của Mozambique.

■ Các nhóm hải sản thúc giục Anh phê chuẩn Hiệp định Cape Town

(vasep.com.vn) Ngành Thủy sản Anh thúc giục Chính phủ nước này phê chuẩn Hiệp định Cape Town tại Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc (UN).

Ngành Thủy sản, bao gồm các thành viên của Liên minh Hành động Đạo đức Hải sản (SEA Alliance), Liên minh Hải sản Bền vững và Liên minh Hải sản Bền vững Hồng Kông (HKSSC), đang khẩn trương kêu gọi Chính phủ Anh ưu tiên an toàn cho ngư dân bằng cách phê chuẩn Hiệp định Cape Town của IMO năm 2012 tại Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc lần thứ 3 tại Nice, Pháp, vào tháng 6 này.

Liên hợp quốc công nhận nghề đánh bắt hải sản là một trong những nghề nguy hiểm nhất trên toàn cầu. Trong

khi các nhà bán lẻ và doanh nghiệp hải sản đã tiến hành thẩm định để tìm nguồn cung ứng bền vững, thì các quốc gia có tàu đánh cá đăng ký đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo các hoạt động đánh bắt an toàn, hợp pháp và bền vững.

Các thỏa thuận quốc tế như Hiệp định Cape Town cung cấp khuôn khổ cho hành động tập thể để giải quyết các thách thức toàn cầu. Được Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) thông qua vào năm 2012, thỏa thuận này nhằm mục đích biến mọi tàu đánh cá thương mại lớn (24 mét trở lên) thành nơi làm việc an toàn. Đây là nỗ lực thứ ba của cộng đồng quốc tế nhằm thiết lập các quy định an toàn bắt buộc sau những nỗ lực trước đó vào năm 1977 và 1993. Do đó, ngư dân đã phải chờ gần 50 năm để các biện pháp bảo vệ này có hiệu lực.

Hội nghị Đại dương Liên hợp quốc quy tụ các nguyên thủ quốc gia để đẩy nhanh hành động bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, ủng hộ Mục tiêu Phát triển Bền vững 14.4 của Liên hợp quốc. Đây là cơ hội để Vương quốc Anh thể hiện cam kết đối với sự an toàn của ngư dân bằng cách phê chuẩn Hiệp định Cape Town, một bước đi cũng sẽ củng cố tính minh bạch trong hoạt động đánh bắt cá và chống lại nạn đánh bắt bất hợp pháp.

Các tàu không an toàn thường liên quan đến hoạt động đánh bắt bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU), trong đó người vận hành bỏ qua việc đào tạo, trang thiết bị an toàn và điều kiện làm việc phù hợp. Việc phê chuẩn Hiệp định Cape Town của IMO là điều cần thiết để giải quyết nạn đánh bắt cá IUU cùng với Hiệp định về các biện pháp của cảng quốc gia của FAO và Công ước về công tác đánh bắt cá của ILO C188, hiện đã có hiệu lực.

Các nhà bán lẻ hải sản của Vương quốc Anh và Châu Á - Thái Bình Dương ủng hộ mười Nguyên tắc của

Hiến chương Toàn cầu về Minh bạch trong Nghề cá—một khuôn khổ giải quyết tình trạng thiếu minh bạch trong dữ liệu tàu, hoạt động đánh bắt cá và quản trị. Nguyên tắc 8 đặc biệt kêu gọi phê chuẩn các hiệp ước quốc tế đặt ra các tiêu chuẩn rõ ràng cho tàu cá và hoạt động thương mại, bao gồm Hiệp định Cape Town của IMO.

Liên minh SEA, Liên minh Hải sản Bền vững và Liên minh Hải sản Bền vững Hồng Kông kêu gọi Chính phủ Vương quốc Anh phê chuẩn Hiệp định Cape Town tại Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc sắp tới, đánh dấu một cột mốc lịch sử về an toàn của ngư dân trên toàn thế giới.

(Theo thefishingdaily)

■ Australia phá hủy thêm nhiều tàu đánh cá bất hợp pháp và bắt giữ 27 người Indonesia

(vasep.com.vn) Lực lượng Biên phòng Australia (ABF) vẫn kiên định với quyết tâm giải quyết tình trạng đánh bắt cá bất hợp pháp ở vùng biển có chủ quyền của quốc gia này. Trong nỗ lực thực thi mới nhất, lực lượng này đã phá hủy thêm 03 tàu và bắt giữ 27 người nước ngoài.

Cuộc trấn áp mới nhất diễn ra trong khoảng thời gian 2 ngày vào giữa tháng trước tại vùng biển phía bắc của quốc gia này. Trong vụ việc đầu tiên vào ngày 13/5/2025, các sĩ quan đã phát hiện một tàu của Indonesia chuẩn bị đánh bắt cá bất hợp pháp gần Đảo Cartier. Khi lên tàu, trên tàu có năm thủy thủ đoàn, các sĩ quan đã tìm thấy nhiều loại thiết bị đánh bắt cá. Cả tàu và thiết bị đều bị phá hủy.

Ngày hôm sau, một tàu khác của Indonesia gần Rạn san hô Ashmore đã bị phát hiện và bắt giữ. Trên tàu có 12 thành viên thủy thủ đoàn, sáu con cá rạn san hô, 65 kg muối dùng

để bảo quản sản lượng đánh bắt và nhiều loại thiết bị đánh bắt cá. Trong khi thiết bị đánh bắt và muối bị tịch thu và sản lượng đánh bắt được trả lại đại dương, con tàu đã bị tiêu hủy trên biển theo luật pháp Australia

Cùng ngày, một tàu Indonesia khác đã được phát hiện gần Rạn san hô Scott dẫn đến việc bắt giữ chín thành viên thủy thủ đoàn, phá hủy tàu và tịch thu 150 kg muối và thiết bị đánh cá.

Các vụ bắt giữ và xử lý tàu trên biển vào tháng 5 là những vụ mới nhất khi ABF tăng cường cuộc chiến chống đánh bắt cá bất hợp pháp tại vùng biển của Australia, chủ yếu ở các vùng xa xôi của Tây Australia và Lãnh thổ phía Bắc, nơi có nhiều ngư dân Indonesia thường xuyên lui tới.

Vào tháng 4, ABF đã phá hủy hai tàu của Indonesia và bắt giữ 14 thủy thủ đoàn, những người đã được chuyển đến Darwin để đối mặt với các cáo buộc. Kể từ ngày 1/7 năm ngoái, tổng cộng 143 ngư dân Indonesia đã bị truy tố tại Darwin vì tội đánh bắt bất hợp pháp.

Chuẩn đô đốc Brett Sonter, Tư lệnh Bộ chỉ huy Biên giới Hàng hải của ABF cho biết, Australia không dung thứ cho hành vi đánh bắt cá bất hợp pháp của nước ngoài trong vùng biển của mình và những người bị bắt quả tang vi phạm sẽ phải đối mặt với việc bị truy tố.

Australia khẳng định rằng đánh bắt cá bất hợp pháp đã trở thành mối đe dọa lớn đang gây ra những tác động nghiêm trọng đến hệ sinh thái biển và tài nguyên thiên nhiên của đất nước, đồng thời cũng gây ra những rủi ro đáng kể về an ninh sinh học và kinh tế. Nước này đang quy kết sự gia tăng gần đây trong hoạt động đánh bắt cá bất hợp pháp là do áp lực xã hội và kinh tế mà Indonesia phải đối mặt.

Ngoài việc phá hủy các tàu, chính quyền đang cố gắng giải quyết vấn

đề bằng cách phạt những kẻ vi phạm những khoản tiền phạt lớn và án tù.

(Theo *The Maritime Executive*)

■ Morocco, Mauritania tăng cường quan hệ đối tác để quản lý bền vững nghề cá

(vasep.com.vn) Liên đoàn chủ tàu đánh bắt cá nổi công nghiệp Morocco (COMAIP) và Liên đoàn nghề cá quốc gia Mauritania (FNP) đã thông qua một tuyên bố chung mang tính đột phá, thiết lập quản lý phối hợp các nguồn lợi thủy sản ven biển Đại Tây Dương của Châu Phi, đặc biệt là các loài cá nổi nhỏ.

Sau hai ngày đàm phán tại Dakhla (ngày 2-3/6/2025), cả 2 bên đã đạt được tầm nhìn chung dựa trên các nguyên tắc của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển và Bộ quy tắc ứng xử của FAO về đánh bắt cá có trách

nhiệm. Tiến bộ lớn này trong hợp tác nghề cá dựa trên thỏa thuận đánh bắt và nuôi trồng thủy sản trên biển Morocco-Mauritania năm 2022 và tuyên bố ý định Agadir vào tháng 2/2025.

Chủ tịch COMAIP Mohamed Lamine Hormatallah nhấn mạnh rằng trong khi tuyên bố chung của Agadir thể hiện “tầm nhìn chung về tương lai chung”, thì hiệp định Dakhla “thực hiện tầm nhìn này thông qua các hành động cụ thể”. Thỏa thuận này giải quyết các thách thức quan trọng về bảo tồn đối với các nguồn lợi thủy sản được coi là chiến lược đối với an ninh lương thực, phát triển ven biển và cân bằng sinh thái khu vực.

Chủ tịch FNP Hamadi Baba Hamadi đã nhấn mạnh rằng, việc bảo tồn và khai thác hợp lý các nghề cá này đòi hỏi phải có sự tham vấn và hợp tác để thực hiện các chính sách khai thác đảm bảo tính bền vững của nguồn tài nguyên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

Cuộc họp Dakhla được nhấn mạnh bằng việc thành lập một ủy ban COMAIP-FNP chung có nhiệm vụ tạo điều kiện trao đổi thường xuyên thông tin khoa học, kỹ thuật và kinh tế xã hội liên quan đến các nguồn lợi chung trong khi đề xuất các biện pháp quản lý phối hợp dựa trên tư vấn khoa học độc lập. Ủy ban sẽ hợp tác với các trung tâm nghiên cứu nghề cá của cả hai nước để triển khai các hệ thống giám sát và đánh giá chung.

Hai bên cam kết cùng nhau vận động với các cơ quan có thẩm quyền để tăng cường hợp tác khoa học và kỹ thuật song phương trong việc đánh giá nguồn lợi chung và thông qua các khuôn khổ quản lý thống nhất phù hợp với các khuyến nghị quốc tế, đánh dấu một bước tiến quan trọng hướng tới quản lý nghề cá khu vực bền vững.

(Theo *North Africa Post*)

Nguyễn Hà-Kim Thu



GIÁ TÔM NGUYÊN LIỆU TẠI MỘT SỐ NƯỚC CUNG CẤP
(TUẦN 20-TUẦN 24/2025)

(VASEP tổng hợp, mang tính chất tham khảo)

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại bang Andhra Pradesh (Ấn Độ), tuần 21-24/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24
30	5,03	5,04	5,08	4,96
40	4,09	4,10	4,15	4,03
50	3,74	3,75	3,74	3,62
60	3,51	3,51	3,50	3,39
70	3,22	3,22	3,15	3,04
80	2,98	2,99	2,92	2,80
90	2,75	2,75	2,69	2,57
100	2,63	2,64	2,57	2,45

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Đông Java (Indonesia), tuần 21-24/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24
30	4,84	4,78	4,78	4,87
40	4,53	4,36	4,42	4,56
50	4,24	4,19	4,17	4,19
60	3,99	3,96	3,86	3,88
70	3,75	3,66	3,62	3,57
80	3,23	3,33	3,25	3,45
90	3,04	3,10	3,01	3,02
100	2,91	2,98	2,88	2,90

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Tây Nusa Tenggara (Indonesia), tuần 21-24/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23	Tuần 24
30	4,55	4,59	4,65	4,73
40	4,19	4,22	4,28	4,42
50	3,94	3,98	4,03	4,05
60	3,70	3,73	3,73	3,74
70	3,46	3,49	3,48	3,43
80	3,09	3,12	3,11	3,31
90	2,85	2,87	2,87	2,88
100	2,73	2,75	2,74	2,76

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Ecuador, tuần 20-23/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23
20-30	4,35	4,35	4,35	4,30
30-40	3,55	3,55	3,55	3,45
40-50	3,30	3,30	3,30	3,25
50-60	3,10	3,20	3,20	3,10
60-70	2,90	2,90	2,90	2,80
70-80	2,80	2,75	2,75	2,70
80-100	2,65	2,30	2,30	2,30
100-120	2	2	2	2
120-140	1,70	1,70	1,70	1,70

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Thái Lan, tuần 20-23/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23
60	4,06	4,05	4,05	3,98
70	3,83	3,90	3,90	3,83
80	3,68	3,74	3,74	3,67

Giá tôm chân trắng nguyên liệu tại Quảng Đông (Trung Quốc), tuần 20-23/2025 (USD/kg)				
Cỡ (con/kg)	Tuần 20	Tuần 21	Tuần 22	Tuần 23
40	6,66	6,39	6,39	6,40
60	5,41	5,21	5,28	5,01
80	4,58	4,44	4,38	4,24
100	3,88	3,61	3,61	3,62



GIÁ THỦY SẢN NỘI ĐỊA

GIÁ MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN TẠI ĐỒNG THÁP, TỪ 06/6 – 12/6/2025

Tên mặt hàng	Cỡ	Giá
Cá tra thịt trắng	0,7 - 0,8 kg/con	30.500 - 31.000đ/Kg
Baba	0,9- 1,8 kg/con	130.000 - 180.000đ/Kg
Cá điêu hồng	>300g – 1000g	47.000 - 49.000đ/Kg
Cá chép	> 3kg/con	40.000 – 42.000 đ/Kg
Cá trắm cỏ	1,5-2kg/con	45.000 – 50.000 đ/Kg
Cá lóc nuôi	1 - 1,2 kg/con	37.000 - 39.000đ/Kg
Sặc rằn	5 con/Kg	52.000 - 55.000 đ/Kg
Cá thác lát	>0,5kg	60.000 - 62.000 đ/Kg
Cá trê vàng	6 - 7 con/kg	48.000 - 50.000đ/Kg
Cá rô đầu vuông	4 - 5 con/Kg	36.000 - 38.000đ/Kg
Ếch	3 – 5 con/Kg	42.000 - 45.000 đ/Kg
Lươn		80.000 - 85.000đ/kg
Tôm càng xanh	15 – 25 con/kg	180.000 - 190.000 đ/Kg
Tôm chân trắng	100 con/kg	90.000 - 92.000 đ/Kg
Một số loại giống	Cỡ	Giá
Cá điêu hồng	Giống (cỡ 35 con/Kg)	35.000 - 37.000 đ/kg
Cá lóc	cỡ 1.200 con/Kg	-
Tôm càng xanh	Tôm postlarva(cỡ 80.000 – 90.000 con/Kg)	-
	Tôm toàn đực(cỡ 100.000 con/Kg)	100 - 120 đ/con
Cá tra	bột	1,5 - 1,8 đồng/con
	giống (cỡ 50 - 60 con/Kg)	-
	giống (cỡ 28 - 35 con/Kg)	30.000 - 32.000 đ/kg
	giống (cỡ 85 - 100 con/Kg)	-
Ếch	cỡ 500 con/Kg	450 - 550 đ/con

GIÁ MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN TẠI ĐÀ NẴNG, TỪ 06/6 – 12/6/2025

Mặt hàng	Cỡ	Giá (đồng/Kg)	Mặt hàng	Cỡ	Giá (đồng/Kg)
Cá ngừ vằn		55.000	Mực ống	17 - 24 cm/con	160.000
Cá ngừ mắt to		70.000		>25 cm/con	250.000
Cá hổ	1 - 2 con/kg	110.000	Mực lá	25 - 35 con/kg	320.000
Cá thu	2,5 - 3 con/Kg	180.000	Mực nang		150.000
Cá đồng	4-6 con/kg	90.000	Bạch tuộc		115.000
Cá bò da	> 500 g/con	95.000	Tôm sú	15 con/kg	430.000
Cá cờ		100.000		25 - 30 con/kg	220.000
Cá nục	20 con/kg	30.000		40 con/kg	115.000
Cá cam		90.000	Tôm chân trắng	Tôm sống	165.000
Cá trác	>0,3 kg/con	120.000		80 con/kg	125.000
Cá chuồn		60.000		120 con/kg	90.000
Cá lạt	>1kg/con	80.000	Cá bóp		190.000
	<1kg/con	40.000	Cá chim	>0,5 kg/con	120.000
Cá mối		60.000		<0,5 kg/con	95.000
Cá cơm		35.000	Cá chuồn		65.000

BẢNG GIÁ NGUYÊN LIỆU TẠI PHÚ YÊN, TỪ 06/6 – 12/6/2025					
Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Đơn giá đ/Kg	So sánh với giá tuần trước	Xu hướng nguồn cung
Cá ngừ đại dương	>30Kg/con	Đông lạnh	98.000	0	Có hàng
Tôm hùm	1- < 1,7Kg	Tươi sống	950.000	0	Hàng ít (chủ yếu bán cho nhà hàng)
	<0,7 Kg	Tươi sống	950.000	0	
	>0,7 Kg	Tươi sống	950.000	0	
Tôm hùm xanh	0,2 - 0,3 kg	Tươi sống	700.000	-100.000	Có hàng
Tôm sú (nước mặn)	50 con/ kg	Tươi	220.000	0	Hàng ít (chủ yếu bán lẻ các chợ)
	40 con/kg	Tươi	250.000	0	
	30 con/kg	Tươi	300.000	0	
Tôm thẻ chân trắng	100 con/Kg	Tươi	88.000-116.000	-2.000	Hàng ít

BẢNG GIÁ NGUYÊN LIỆU TẠI KHÁNH HÒA, TỪ 06/6 – 12/6/2025					
Mặt hàng	Quy cách	Giá (1.000 đ/kg)	Mặt hàng	Quy cách	Giá (1.000 đ/kg)
Ghẹ	100-130g/con	340-350	Tôm hùm bông sống	≥ 1kg/con	1.300
	90-100g/con	280-300		0,7-1kg/con	1.200
	60-90g/con	240-260	Cá dầm trắng	0,5kg/con	120-125
	50-60g/con	160-180	Cá cơm sần tươi	7-8 cm	15-16
Mực nang	≥ 500	250-270	Cá cơm trắng	Tươi	14-15
	300-500g/con	230-240	Cá sơn la	0,5kg/con	140-150
	200-300g/con	190-210	Cá sơn đỏ	0,8kg/con	160-170
Mực lá	≥ 500g/con	280-300	Cá sơn thóc	150/200gr/con	60-70
Mực ống	10 -14cm/con	120-140	Cá nục	12-15con/kg	50-60
	14-< 20 cm	160-170	Cá hố	≥ 0,5kg/con	110-120
	≥ 20cm/con	180-200	Mực ống khô	≥ 20cm	1.000
Cá Thu	≥ 2kg	120-130		15-20cm	800-900
	1,5-2kg	80-100	Mực lá khô	≥ 20 cm	1.200
	1- < 1,5kg-con	70-80	Cá hồng đỏ	≥ 0,8 kg	150-160
Cá Mỏ	≥ 0,5	130-140	Cá hồng rốc	≥ 1kg	160-180
Cá đồng Quéo	≥ 0,5kg/con	120-130	Cá chẽm	0,8 - ≥ 1,6kg	160-180
Cá đồng Tía	≥ 0,5kg	120-130	Cá mú cộp sống	0,8kg/con	200-220
Cá ngừ sọc dưa	≥ 1kg	25-28	Cá mú đen sống	0,8-1,3kg/con	160-180
Cá ngừ vây vàng	≥ 8kg/con	60-65	Cá mú chấm	1,5kg/con	160-170
Cá ngừ mắt to	≥ 8k/con	65-70	Cá mú tạp	3kg/con	140-160
Cá cờ kiếm	≥ 10kg/con	60-63	Cá bóp	7kg/con	280-300
Cá cờ gòn	≥ 10kg/con	65-70	Tôm sú	40 con/kg	300-320
Cá ngừ đại dương	Loại I (≥ 50kg/con) mua số	120-130	Tôm chân trắng	60-80con/kg	150-160
Cá ngừ đại dương	(≥ 30kg/con)	110-115	Tôm sú giống	P15	80đ-90đ
			Tôm chân trắng	P12	60đ-70đ

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM
TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP(theo số liệu Hải quan Việt Nam)

STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So sánh cùng kỳ 2024 (%)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So sánh cùng kỳ 2024 (%)
CPTPP		1.035,576	26,5	50	Ai Cập	13,810	50,7
1	Nhật Bản	593,848	17,3	51	Thụy Sĩ	13,794	51,6
2	Australia	112,188	2,5	52	Campuchia	13,201	20,7
3	Anh	109,131	8,9	53	Iraq	12,313	30,4
4	Canada	89,192	9,4	54	Cameroon	9,847	97,6
5	Malaysia	43,962	15,3	55	Indonesia	8,046	60,4
6	Mexico	34,802	4,8	56	Libăng	7,976	20,7
7	Singapore	33,099	7,9	57	Ấn Độ	7,382	76,8
8	New Zealand	7,577	7,7	58	Ukraine	6,317	106,4
9	Chile	6,279	-30,6	59	Jordan	5,647	20,8
10	Peru	4,770	107,0	60	CH Đôminich	4,464	-18,7
11	Brunei	0,727	10,4	61	Puetô Rico	4,392	25,6
TQ&HK		804,600	53,3	62	Bờ Biển Ngà	4,388	28,5
12	Trung Quốc	747,909	59,2	63	Na Uy	4,296	25,3
13	Hồng Kông	56,691	2,9	64	Pakistan	3,963	96,9
14	Mỹ	645,436	21,6	65	Papua New Guinea	3,895	-50,9
EU		390,507	16,0	66	Qatar	3,109	-33,1
15	Hà Lan	74,526	14,8	67	Iran	2,924	40,5
16	Đức	71,872	9,8	68	Costa Rica	2,304	47,5
17	Bỉ	53,648	32,7	69	Panama	2,273	40,3
18	Italy	43,076	31,1	70	Mauritius	2,271	51,5
19	Tây Ban Nha	27,495	17,2	71	Reunion	1,995	-21,5
20	Pháp	20,529	28,8	72	Lybia	1,968	129,4
21	Lithuania	19,468	55,0	73	Kuwait	1,781	20,0
22	Bồ Đào Nha	16,001	62,3	74	Nicaragua	1,704	121,1
23	Đan Mạch	14,347	-12,3	75	Montenegro	1,603	99,4
24	Thụy Điển	11,452	48,7	76	Georgia	1,321	62,6
25	Ba Lan	9,741	-38,6	77	Argentina	1,188	-49,7
26	Rumania	8,862	-14,7	78	Thổ Nhĩ Kỳ	1,186	14,6
27	Hy Lạp	3,668	19,0	79	Guatemala	1,135	23,1
28	Ireland	3,442	53,8	80	Haiti	1,133	222,0
29	Síp	2,975	-15,5	81	Jamaica	1,089	-39,5
30	Phần Lan	2,221	26,1	82	Morocco	1,067	8,4
31	Slovenia	1,994	-3,5	83	Polynesia	1,048	-20,8
32	Hungary	1,667	20,0	84	Syria	1,035	100,3
33	Bulgaria	1,099	-38,6	85	Honduras	0,978	26,8
34	Latvia	0,700	-58,7	86	Algeria	0,977	-38,0
35	Croatia	0,661	-53,4	87	Aruba	0,970	10,8
36	Sec	0,441	-65,1	88	Andorra	0,940	327,4
37	Estonia	0,367	30,1	89	Guam	0,917	-23,7
38	Malta	0,253	-34,6	90	Nam Phi	0,846	22,4
39	Áo	0,003	-95,6	91	Lào	0,828	-50,6
40	Hàn Quốc	291,012	12,2	92	Maldives	0,825	328,7
Các TT khác		613,009	-2,1	93	Martinique	0,798	-27,1
41	Thái Lan	110,382	41,9	94	Guinea	0,755	33,8
42	Nga	71,822	5,0	95	Đông Timo	0,683	-44,0
43	Brazil	70,373	69,3	96	Ecuador	0,672	7,0
44	Đài Loan	57,837	9,3	97	UruGuay	0,588	-28,5
45	Philippines	39,940	15,1	98	Venezuela	0,583	-34,5
46	Arập Xêut	33,442	18,1	99	Belarus	0,547	-33,8
47	Israel	20,206	-51,7	100	Bahrain	0,537	-20,1
48	UAE	16,602	-6,2	48 TT khác		8,291	-92,5
49	Colombia	15,802	-7,1	TỔNG		3.780,140	22,1

**VASEP**

Hiệp Hội Chế Biến và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam
Vietnam Association of Seafood Exporters and Producers

Trụ sở: 218 đường số 6, Lô A, Dự án An Phú – An
Khánh, phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 62810432 - Fax: (84.8) 62810438
VPDD: 10-12 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (84.4) 37715055 - Fax: (84.4) 37715084

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 6 năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Kết quả sơ bộ giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 19 (POR19) của vụ kiện chống bán phá giá tôm Việt Nam tại Hoa Kỳ

Rạng sáng ngày 7/6/2025 (giờ Việt Nam), Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã công bố kết quả sơ bộ đợt rà soát hành chính lần thứ 19 (POR19) đối với lệnh áp thuế chống bán phá giá (CBPG) tôm nước âm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam trong giai đoạn từ 01/02/2023 đến 31/01/2024.

Theo thông báo, DOC xác định Công ty Thông Thuận (bao gồm cả Thông Thuận Cam Ranh) không bán phá giá, với biên độ phá giá là **0%**. Trong khi đó, Công ty STAPIMEX bị áp mức thuế sơ bộ lên tới **35,29%**. Mức thuế này cũng được áp cho **22 doanh nghiệp khác** thuộc nhóm đủ điều kiện hưởng mức thuế riêng biệt nhưng không bị kiểm tra bắt buộc, thay vì áp dụng mức thuế trung bình gia quyền từ hai bị đơn bắt buộc như thông lệ.

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP) và các doanh nghiệp liên quan hết sức **bất ngờ** và **quan ngại sâu sắc** về mức thuế sơ bộ cao đột biến này. Trong suốt 19 năm Việt Nam tham gia các kỳ rà soát hành chính của vụ kiện CBPG tôm tại Hoa Kỳ, chưa từng có doanh nghiệp nào bị áp thuế sơ bộ ở mức hai con số. Điều này gợi nhớ đến trường hợp từng xảy ra ở kỳ POR12, khi DOC cũng áp mức thuế sơ bộ 25,76% cho Công ty FIMEX do lỗi tính toán và sau đó điều chỉnh còn 4,58% trong kết quả cuối cùng. Vì vậy, VASEP và các doanh nghiệp hoàn toàn có đủ cơ sở tin rằng đã **có sự nhầm lẫn, sai sót** trong kết quả lần này.

Công ty STAPIMEX đã chuẩn bị hết sức chu đáo và tự tin với hệ thống sổ sách của mình để có mức thuế thấp nhất. Tuy nhiên, VASEP và các Doanh nghiệp cho rằng đã có sai sót nào đó cả hai phía dẫn đến số liệu bị sai lệch, dẫn đến kết quả sơ bộ lần này cao tới mức khó hiểu. Công ty STAPIMEX sẽ nhanh chóng bổ sung và chúng tôi tin tưởng rằng **kết quả cuối cùng sẽ phản ánh đúng thực tế xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam – không bán phá giá vào thị trường Hoa Kỳ.**

Mặc dù kết quả sơ bộ chưa có hiệu lực ngay và có thể được điều chỉnh trong kết quả cuối cùng (dự kiến công bố vào tháng 12/2025), nhưng thông tin này đã và đang tác động tiêu cực đến tâm lý nhà nhập khẩu Hoa Kỳ, ảnh hưởng đến kế hoạch mua hàng, đơn hàng xuất khẩu và đáng lo ngại hơn là ảnh hưởng đến tâm lý và hoạt động của người nuôi tôm tại Việt Nam.

Năm 2025, trong bối cảnh Chính quyền Trump khởi động chính sách áp thuế đối ứng cao đối với nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, **mức thuế sơ bộ bất thường như hiện nay càng làm trầm trọng thêm thách thức mà ngành tôm Việt Nam đang đối mặt khi tiếp cận thị trường Hoa Kỳ.**

VASEP khẩn thiết đề nghị DOC cân nhắc lại các tính toán trong kết quả sơ bộ, đảm bảo khách quan, công bằng và đúng với thông lệ đã thực hiện trong các kỳ rà soát trước đó, để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp Việt Nam và duy trì sự ổn định trong thương mại thủy sản giữa hai quốc gia.

VASEP – Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam

Thông tin liên hệ: Ms Quế Phương – Phó Tổng Thư ký

Email: quephuong@vasep.com.vn

■ Ecuador trấn áp tội phạm tổng tiền để bảo vệ ngành tôm

(vasep.com.vn) Trong bối cảnh nạn tổng tiền và bạo lực gia tăng đe dọa ngành tôm của nước này, Ecuador đã phát động chiến dịch trấn áp mạnh tay tội phạm có tổ chức, tăng cường an ninh trên các tuyến đường bộ và đường thủy quan trọng đối với một trong những ngành xuất khẩu quan trọng nhất của nước này.

Nỗ lực này được Phòng Nuôi trồng Thủy sản Quốc gia Ecuador (CNA) dẫn đầu, phối hợp với tổ chức ứng phó khẩn cấp và an toàn công cộng do chính phủ điều hành ECU 911, cảnh sát và Bộ Quốc phòng, trong một chiến dịch kết hợp lực lượng quân sự, công nghệ giám sát và cải cách pháp lý.

Sáng kiến này nhằm bảo vệ ngành tôm, ngành duy trì hơn 300.000 việc làm trực tiếp và gián tiếp và đóng góp đáng kể vào tổng sản phẩm quốc nội của đất nước.

Trong những tháng gần đây, các nhóm tội phạm đã leo thang các cuộc tấn công vào các trang trại nuôi tôm, phương tiện vận chuyển và tuyến đường sông, yêu cầu thanh toán bất hợp pháp và đe dọa người lao động. CNA đã gióng lên hồi chuông cảnh báo vào đầu năm nay, thúc đẩy lực lượng an ninh quốc gia và các cơ quan ứng phó khẩn cấp hành động nhanh chóng.

4 tháng đầu năm 2025, chính quyền đã thực hiện 2.347 chiến dịch ở các vùng nông thôn và vùng nước, bắt giữ 1.522 cá nhân có liên quan đến các tội phạm bao gồm cướp có vũ trang, buôn bán ma túy, tổng tiền và tàng trữ vũ khí trái phép.

CNA cho biết nhiều tội phạm này nhắm vào các trang trại nuôi tôm, phương tiện vận chuyển và cộng

đồng ngư dân, đặc biệt là ở những khu vực có nguy cơ cao như Vịnh Guayaquil và quần đảo Jambeli.

(Theo UCN)

■ Tình hình thị trường tôm nước lạnh (C&P) và nguyên vỏ tại châu Âu và toàn cầu

1. Thị trường C&P (tôm nấu chín, lột vỏ) châu Âu ổn định:

- Thị trường C&P đang dần ổn định nhờ sản lượng nguyên liệu thô từ Biển Barents giảm.
- Sản lượng tôm đánh bắt tại Biển Barents năm 2025 khởi đầu chậm so với 2024, kéo theo giá nguyên liệu tăng 5–10% từ tháng 2.
- Giá thành phẩm C&P dự kiến sẽ tăng trong thời gian tới.
- Xuất khẩu tôm C&P của Na Uy tăng nhẹ, nhưng tổng sản lượng xuất khẩu tháng 5/2025 giảm 13% về giá trị và 36% về khối lượng so với cùng kỳ năm ngoái.

2. Thị trường tôm nguyên vỏ sôi động:

- Trung Quốc tăng mạnh nhập khẩu tôm nguyên vỏ, chiếm hơn

70% giá trị xuất khẩu tháng 5 của Na Uy.

- Giá tôm nguyên vỏ tại Trung Quốc tăng lên mức 5–8 USD/kg do áp thuế 25% đối với tôm Canada (phản ứng từ xung đột thương mại).
- Canada bị ảnh hưởng nặng, đang tìm cách tiếp cận thị trường mới như Nhật Bản và châu Âu.
- Greenland và Na Uy hưởng lợi từ nhu cầu tăng tại Trung Quốc và khoảng trống do Canada để lại.

3. Diễn biến nguồn cung:

- Greenland bắt đầu cung cấp trở lại sau mùa băng giá dài; Canada cũng khởi động mùa vụ.
- Sản lượng tại Biển Barents và Greenland giảm nhẹ, khiến tôm lớn hơn, nhiều hàng được ưu tiên cho thị trường tôm nguyên vỏ.
- Tôm đông lạnh hai lần (double frozen) vẫn giữ giá ổn định, trong khi loại đông lạnh một lần (single frozen) tăng giá nhẹ gần đây.

4. Tác động thuế quan và xu hướng thị trường:

- Thuế 25% của Trung Quốc lên hải sản Canada khiến nguồn cung dịch chuyển, làm lợi cho Na Uy và Greenland.



- Một số người mua Trung Quốc đặt cược vào khả năng thuế sớm được dỡ bỏ, mua trước với giá rẻ.
- Canada đang gặp khó vì mất thị phần ở Trung Quốc, song có dấu hiệu nguồn cung trong nước sẽ tăng trong nửa cuối năm.

5. Triển vọng:

- Nhu cầu từ Trung Quốc, Nhật Bản và châu Âu vẫn cao.
- Giá C&P có thể tiếp tục tăng nếu nguồn cung nguyên liệu không cải thiện.
- Thị trường tôm nguyên vỏ được dự báo tiếp tục sôi động, đặc biệt với nhóm kích cỡ lớn.

(Theo UCN)

■ Trung Quốc đẩy mạnh nuôi tôm, Ecuador và Ấn Độ đối mặt thách thức

(vasep.com.vn) Nhu cầu tôm toàn cầu đang tăng, đặc biệt là tại Trung

Quốc. Tuy nhiên, sản lượng nuôi trong nước của Trung Quốc cũng đang tăng nhanh, đặt ra thách thức lớn cho các quốc gia xuất khẩu như Ecuador và Ấn Độ.

Tại Triển lãm Hải sản Toàn cầu 2025, ông William Bland (S&P Global) cho biết tiêu thụ tôm của Trung Quốc tăng 2–3% mỗi năm, đạt 3,1 triệu tấn vào năm 2023 và có thể vượt 4 triệu tấn vào năm 2032. Tuy nhiên, sản lượng nuôi trong nước tăng nhanh hơn, khoảng 5% mỗi năm, dự kiến đạt 3,5 triệu tấn vào 2032. Điều này sẽ khiến nhập khẩu tôm giảm mạnh, từ gần 1 triệu tấn (2023) xuống còn 60.000 tấn vào 2032.

Ecuador – nước cung cấp 73% lượng tôm nhập khẩu của Trung Quốc – là bên bị ảnh hưởng nặng nhất. Sau khi tăng gấp đôi xuất khẩu sang Trung Quốc giai đoạn 2021–2023, Ecuador rơi vào tình trạng dư cung và giá giảm. Giới chức nước này lo ngại phải cắt giảm sản lượng khi thị trường Mỹ đã bão hòa, còn EU tăng trưởng chậm.

Ông Camposano (Chủ tịch CNA,

Ecuador) thừa nhận ngành tôm nước này đã đánh giá thấp mức độ tự cung của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc hiện đang trợ cấp cho ngành tôm nội địa, trong đó công nghệ nuôi tôm nhà kính giúp sản xuất quanh năm, kể cả mùa đông.

Tại Mỹ, nhập khẩu tôm giảm nhẹ năm 2024 do thuế quan và nhu cầu yếu. Ecuador vẫn có lợi thế hơn Ấn Độ về mức thuế (10% so với 24%), nhưng Ấn Độ lại dẫn đầu về sản phẩm giá trị gia tăng nhờ lao động rẻ.

Tuy nhiên, nông dân Ấn Độ đang gặp khó do giá tôm giảm. Giá tại trang trại ở bang Andhra Pradesh giảm 15–20% so với quý trước, trong khi chi phí sản xuất gần chạm mức giá bán, khiến nhiều người cân nhắc chuyển sang nuôi tôm sú.

Cả Ecuador và Ấn Độ đều cần tìm thị trường mới để tiêu thụ sản lượng dư thừa. EU, Trung Đông và Đông Nam Á đang được xem là lựa chọn thay thế khả thi.

(Theo UCN)



Phòng ngừa bệnh TPD trên tôm nuôi

TPD (Translucent Post-larvae Disease) – hay còn gọi là bệnh mờ đục hậu ấu trùng – là bệnh mới nổi trong ngành tôm vài năm gần đây, ảnh hưởng trực tiếp đến giai đoạn hậu ấu trùng, tức là tôm từ PL5 đến PL15, đang được ương trong các bể hoặc ao nhỏ chuẩn bị cho giai đoạn nuôi thương phẩm.

Khi nhiễm bệnh, tôm xuất hiện hiện tượng: Thân sau bị trắng đục, từ phần đuôi lan dần về giữa thân; Tôm yếu, bơi kém, giảm ăn; Sau 1 – 2 ngày, tôm chết rải rác, tỷ lệ chết có thể lên tới 50 - 70% nếu không xử lý kịp

Dấu hiệu nhận biết bệnh TPD trong bể ương:

Phần thân sau (đuôi) của tôm chuyển màu trắng đục, lan dần về phía giữa thân

Tôm bơi yếu, phản xạ chậm, giảm ăn rõ rệt

Tập trung nằm đáy hoặc bơi lơ lửng gần mép bể

Sau 1 – 2 ngày, bắt đầu thấy tôm chết rải rác, khó phục hồi nếu không can thiệp kịp

Hiện tại, vẫn chưa có thuốc đặc trị rõ ràng cho bệnh TPD. Do đó, cách phòng bệnh chủ động ngay từ đầu vẫn là giải pháp bền vững và hiệu quả nhất. Bà con nên thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, từ chuẩn bị bể ương cho đến quản lý sức khỏe tôm trong suốt quá trình nuôi.

Trước tiên, cần xử lý bể ương và nguồn nước thật kỹ lưỡng. Bể nên được làm sạch hoàn toàn và sát trùng bằng các chất như chlorine, vôi hoặc thuốc tím trước mỗi vụ ương. Nguồn nước cấp cũng phải được xử lý kỹ qua hệ thống lọc, ozone hoặc dùng chế phẩm vi sinh phù hợp. Sau khi xử lý, nên ủ nước từ 1 – 2 ngày để ổn định các chỉ số lý hóa trước khi tiến hành thả giống.

Kiên Giang: Cần giải pháp đồng bộ để ngành tôm thâm canh phát triển bền vững

Theo Chi cục Thủy sản - Kiểm ngư tỉnh, những năm gần đây, tỉnh Kiên Giang chú trọng đến phát triển nuôi trồng thủy sản, diện tích và sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng liên tục qua các năm. Đặc biệt, tôm nuôi nước lợ theo hình thức thâm canh tại vùng Tứ giác Long Xuyên.

Giai đoạn 2020-2025, diện tích và sản lượng nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp tăng cao cả về năng suất và sản lượng. Các doanh nghiệp nuôi tôm thâm canh đã đóng góp không nhỏ vào sự thành công của ngành. Sản lượng tôm nuôi của các doanh nghiệp tăng từ 8.693 tấn năm 2020 lên 19.583 tấn năm 2025.

Thực tế cho thấy, các doanh nghiệp và hộ nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đang gặp nhiều khó khăn, thách thức từ biến đổi khí hậu, dịch bệnh, giá cả vật tư đầu vào sản xuất tăng cao, thị trường giá cả không ổn định, cơ sở hạ tầng phát triển chưa đồng bộ; ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhân rộng mô hình còn hạn chế...

Trước những thách thức, khó khăn, cơ quan quản lý nhà nước cần tham mưu UBND tỉnh quan tâm, đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, điện, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản; ban hành các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế khuyến khích người nuôi tôm mở rộng quy mô sản xuất, cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất; tăng cường quản lý chặt chẽ khâu sản xuất và cung ứng giống nhằm giảm rủi ro dịch bệnh; thành lập các vùng nuôi tập trung với sự tham gia liên kết chặt chẽ giữa người nuôi tôm - doanh nghiệp chế biến - nhà khoa học và cơ quan quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, người nuôi tôm cần chủ động cập nhật các công nghệ mới và ứng dụng chuyển đổi số vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, tối ưu hóa chi phí, giá thành sản xuất và tăng khả năng cạnh tranh trước nhu cầu khắt khe từ thị trường quốc tế, sản phẩm phải có nguồn gốc, đảm bảo an toàn thực phẩm...



■ Trà Vinh: Chậm tiến độ thả nuôi tôm thâm canh

Những tháng đầu năm, diện tích thả nuôi thủy sản vùng mặn, lợ ở Trà Vinh tăng so cùng kỳ. Tuy nhiên, môi trường ao nuôi không ổn định, thiệt hại trên tôm vẫn còn rải rác khiến diện tích thả nuôi tôm thâm canh mật độ cao chậm hơn cùng kỳ.

Theo Chi Cục Thống kê Trà Vinh, sản lượng thủy sản tháng 5/2025 ước đạt 21.368 tấn tôm, cá các loại (không bao gồm sản lượng khai thác nội đồng), tăng 1,16% hay tăng 244 tấn so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 9.814 tấn, tăng 6,28% hay tăng 580 tấn; tôm ước đạt 10.113 tấn, giảm 4,55% hay giảm 482 tấn; thủy sản khác ước đạt 1.441 tấn, tăng 11,27% hay tăng 146 tấn.

Sản lượng nuôi trồng tăng chủ yếu ở loại hình nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú,... Những năm gần đây mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm

canh mật độ cao trên địa bàn tỉnh được đầu tư phát triển; phương thức nuôi này năng suất đạt cao, đem lại hiệu quả kinh tế; nuôi tôm thẻ chân trắng mật độ cao tuy nguồn vốn đầu tư lớn nhưng rủi ro thấp nên nhiều hộ đã mạnh dạn đầu tư mở rộng diện tích thả nuôi, từ đó làm cho sản lượng tôm thẻ chân trắng tăng so cùng kỳ.

Tính đến trung tuần tháng 5/2025 đã có 2.975 hộ thả nuôi với 1.475,99 triệu con tôm giống trên diện tích 1.153,34 ha theo hình thức thâm canh mật độ cao.

■ Bến Tre đẩy mạnh nuôi tôm công nghệ cao

Trước đây, nghề nuôi tôm nước lợ ở Bến Tre chủ yếu theo phương thức truyền thống như: tôm rừng, quảng canh, bán thâm canh, thâm canh,... Khoảng 10 năm trở lại đây, người dân bắt đầu chuyển sang nuôi tôm

ứng dụng công nghệ cao với máy móc, trang thiết bị tự động hóa, giúp tăng năng suất, chất lượng và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Hiện, Bến Tre đã có gần 4.000 ha nuôi tôm nước lợ ứng dụng công nghệ cao, năng suất hằng năm đạt 90 nghìn tấn, chiếm 50% sản lượng nuôi tôm nước lợ của tỉnh. Giá trị sản xuất tôm ứng dụng công nghệ cao đạt 10.830 tỷ đồng trên tổng giá trị sản xuất ngành tôm là 18.000 tỷ đồng. Năng suất bình quân nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao đạt 40 đến 60 tấn, đặc biệt có hộ sản xuất đạt 70 đến 80 tấn/ha mặt nước.

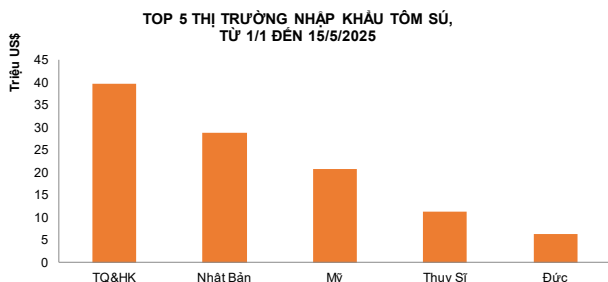
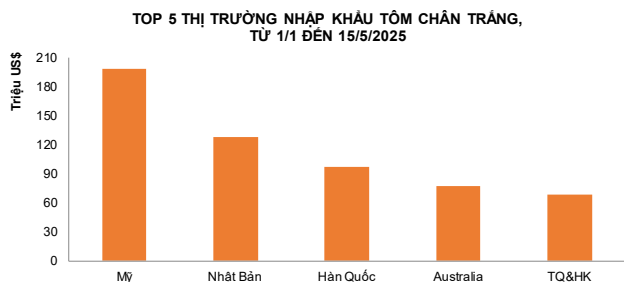
Bên cạnh đó, Bến Tre có 40 cơ sở sản xuất theo hướng trang trại, 19 tổ hợp tác, 10 hợp tác xã nuôi thủy sản ứng dụng công nghệ cao. Hầu hết các công đoạn đều có máy móc, trang thiết bị thông minh hỗ trợ nên giảm được chi phí sản xuất, hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro so với trước đây.

Kim Thu



THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU TÔM VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



STT	THỊ TRƯỜNG	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)	STT	THỊ TRƯỜNG	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)
TQ&HK		437,473	96,5	35	Nga	21,784	33,9
1	Trung Quốc	409,844	109,6	36	Thụy Sĩ	12,564	67,2
2	Hồng Kông	27,629	2,0	37	Philippines	5,378	15,7
CPTPP		414,022	39,1	38	UAE	4,669	6,2
3	Nhật Bản	191,295	19,0	39	Israel	4,383	-31,9
4	Australia	82,469	6,8	40	Arập Xêút	2,917	67,7
5	Anh	73,092	10,7	41	Na Uy	2,353	23,7
6	Canada	49,336	10,2	42	Thái Lan	2,250	137,3
7	Singapore	8,274	20,9	43	Libăng	1,586	22,9
8	New Zealand	4,908	11,3	44	Papua New Guinea	1,501	-70,9
9	Malaysia	4,142	24,4	45	Cămpuchia	1,265	26,6
10	Chile	0,438	88,0	46	Iran	1,180	78,9
11	Brunei	0,067	2.394,3	47	Haiti	1,133	222,0
12	Mỹ	243,661	26,3	48	Puetô Rico	1,034	-18,6
EU		170,322	27,1	49	Polynesia	1,029	-21,1
13	Đức	43,856	35,7	50	Andorra	0,940	327,4
14	Bỉ	36,473	41,9	51	Maldives	0,566	10.832,4
15	Hà Lan	33,276	6,1	52	Qatar	0,516	-70,4
16	Pháp	12,791	45,7	53	Kuwait	0,483	50,5
17	Đan Mạch	9,904	1,6	54	Guam	0,471	-12,6
18	Thụy Điển	7,952	74,7	55	Indonesia	0,465	109,5
19	Italy	5,759	28,9	56	Thổ Nhĩ Kỳ	0,457	46,8
20	Ba Lan	4,735	-2,7	57	Aruba	0,381	-0,8
21	Bồ Đào Nha	3,261	29,5	58	QĐ. Bắc Mariana	0,306	14,7
22	Tây Ban Nha	3,240	133,9	59	Nam Phi	0,291	57,0
23	Ireland	3,054	63,8	60	Mauritius	0,236	10,4
24	Rumania	2,108	-17,2	61	Martinique	0,185	-42,2
25	Lithuania	1,796	64,7	62	Cameroon	0,174	-32,6
26	Síp	0,690	-31,8	63	Fiji	0,146	154,6
27	Hy Lạp	0,580	243,9	64	Jordan	0,128	84,9
28	Bulgaria	0,436	-9,4	65	Gabon	0,127	2,4
29	Hungary	0,197	55,0	66	Ukraine	0,103	13,7
30	Phần Lan	0,100	-46,0	67	Panama	0,070	-27,9
31	Latvia	0,067	-87,6	68	Mayotte	0,053	
32	Croatia	0,044		69	Ghana	0,052	-46,3
33	Hàn Quốc	119,270	11,2	70	Albania	0,040	-53,2
Các TT khác		98,011	-35,4	7 TT khác		0,141	-99,8
34	Đài Loan	26,657	19,4	Tổng		1.482,760	34,1

NHẬP KHẨU TÔM CỦA THỤY SĨ, T1-T3/2025

(Nguồn: ITC)

Top nguồn cung tôm chính cho Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT: nghìn USD)			
Nguồn cung	T1-T3/2024	T1-T3/2025	Tăng, giảm (%)
TG	22.416	26.820	19,6
Việt Nam	7.712	13.004	68,6
Hà Lan	2.144	2.393	11,6
Đức	1.067	2.184	104,7
Đan Mạch	1.450	1.516	4,6
Pháp	1.435	1.156	-19,4
Đảo Greenland	564	659	16,8
Italy	529	702	32,7
Honduras	567	547	-3,5
Ecuador	1.581	1.254	-20,7
Na Uy	1.091	465	-57,4
Bangladesh	394	213	-45,9
Tây Ban Nha	473	414	-12,5
Ấn Độ	1.003	484	-51,7
Bỉ	365	372	1,9
Bồ Đào Nha	475	425	-10,5
Iceland	-	58	-
Mỹ	294	301	2,4
Trung Quốc	15	71	373,3
Australia	24	29	20,8
Thụy Điển	26	28	7,7
Anh	373	57	-84,7
Áo	27	36	33,3

Sản phẩm tôm nhập khẩu chính của Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT : nghìn USD)				
Mã HS	Sản phẩm	T1-T3/2024	T1-T3/2025	Tăng.Giảm (%)
	Tổng NK	22.416	26.820	19,6
030617	Tôm nước ấm đông lạnh	9.881	13.491	36,5
160529	Tôm nước ấm chế biến đóng gói kín khí	7.457	8.332	11,7
160521	Tôm nước ấm chế biến không đóng gói kín khí	1.723	2.152	24,9
030636	Tôm nước lạnh tươi/ sống/ ướp lạnh	553	678	22,6
030615	Tôm hùm Na Uy đông lạnh	963	615	-36,1
030612	Tôm hùm đông lạnh	696	496	-28,7
030632	Tôm hùm tươi/ sống/ ướp lạnh	574	480	-16,4
030616	Tôm nước lạnh đông lạnh	133	156	17,3
030695	Tôm khô/ muối/ hun khói/ ngâm nước muối	196	129	-34,2
030691	Tôm hùm đá và các loại tôm biển khác	40	78	95



Xu hướng tiêu dùng và FTA thúc đẩy cá tra Việt Nam thâm nhập sâu vào Mercosur

Thu Hằng

(vasep.com.vn) Trong bối cảnh XK cá tra sang EU đang chịu áp lực cạnh tranh khốc liệt từ các quy định kỹ thuật và xu hướng tiêu dùng bền vững, thị trường Nam Mỹ nổi lên như một điểm đến tiềm năng thay thế, đặc biệt là khối Mercosur (gồm Brazil, Argentina, Uruguay, Paraguay). Với tiến trình đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam - Mercosur đang được thúc đẩy, triển vọng để biến Mercosur trở thành "EU thứ hai" của cá tra Việt Nam đang ngày càng rõ nét.

Mercosur - Khối kinh tế lớn, tiềm năng rộng mở

Mercosur hiện là khối kinh tế lớn thứ năm thế giới về quy mô dân số với hơn 600 triệu người, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng và nhu cầu tiêu dùng thực phẩm NK ngày càng lớn. Trong bối cảnh người tiêu dùng Nam Mỹ đang ngày càng chú trọng đến dinh dưỡng lành mạnh, protein động vật có nguồn gốc từ thủy sản, đặc biệt là cá thịt trắng, được xem là lựa chọn thay thế hợp lý cho thịt đỏ

- một xu hướng đã và đang phổ biến tại EU trong suốt thập kỷ qua.

Trong số các loại cá thịt trắng, cá tra của Việt Nam đang chiếm ưu thế rõ rệt tại một số quốc gia thuộc khối Mercosur, đặc biệt là Brazil và Colombia - nước quan sát viên của Mercosur. Điều này mở ra cơ hội rất lớn để cá tra Việt Nam mở rộng thị phần tại khu vực này nếu FTA được ký kết.

Brazil hiện là thị trường dẫn đầu khu vực Nam Mỹ về NK cá tra Việt Nam và là thị trường tiêu thụ cá tra Việt Nam nhiều thứ 3 thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Mỹ. Theo số liệu của Hải quan Việt Nam, tính đến ngày 15/5/2025, XK cá tra sang Brazil đạt 70 triệu USD, tăng 70% so với cùng kỳ năm ngoái. Theo số liệu mới nhất, trong quý I/2025, XK thủy sản Việt Nam sang Brazil đạt 48,2 triệu USD, tăng 73%.

Thị hiếu tiêu dùng Nam Mỹ: "Bản sao" đầy tiềm năng của EU

Mercosur có thể trở thành "EU thứ hai" của cá tra Việt Nam do sự tương

đồng về cấu trúc tiêu dùng thủy sản. Người dân đô thị tại Brazil, Colombia hay Argentina đang ngày càng quan tâm đến dinh dưỡng lành mạnh, sử dụng protein động vật có hàm lượng chất béo thấp, giàu Omega-3, dễ chế biến.

Cá tra Việt Nam, với đặc điểm thịt trắng, mềm, ít xương, không mùi tanh và giá thành hợp lý, trở thành lựa chọn tối ưu thay thế cho cá tuyết, cá minh thái NK từ Bắc Mỹ hoặc châu Âu vốn có giá cao. Hơn nữa, các chuỗi siêu thị lớn tại Nam Mỹ đang gia tăng tỷ trọng hàng NK, trong đó cá tra dạng phile đông lạnh hoặc sản phẩm giá trị gia tăng như cá tẩm bột, cá cắt khúc, cá viên... ngày càng được người tiêu dùng chấp nhận.

Xu hướng tiêu dùng này khá tương đồng với hành vi tiêu dùng tại EU - thị trường từng là đầu tàu của cá tra Việt Nam trong suốt một thời gian dài. Điều này lý giải vì sao nhiều chuyên gia trong ngành đánh giá Mercosur là "EU mới" cho ngành cá tra Việt Nam.

FTA Việt Nam - Mercosur: Cú hích chiến lược cho ngành cá tra

Tháng 6/2023, hai bên chính thức tuyên bố khởi động tiến trình nghiên cứu khả thi FTA Việt Nam - Mercosur. Trong bối cảnh thương mại toàn cầu biến động, FTA này không chỉ mang ý nghĩa kinh tế mà còn là bước tiến chiến lược trong tái cấu trúc thị trường XK thủy sản của Việt Nam, với cá tra là ngành hàng được kỳ vọng nhất.

Việc ký kết FTA sẽ giúp gỡ bỏ các rào cản thuế quan vốn vẫn đang áp dụng khá cao tại một số quốc gia Mercosur, đặc biệt là Argentina và Uruguay. Điều này giúp nâng cao khả năng cạnh tranh về giá của cá tra Việt Nam so với các sản phẩm nội địa và các nước XK khác như Trung Quốc, Ấn Độ;

Ngoài ra, Mercosur hiện đang dần nâng cao các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm để tiệm cận với thông lệ quốc tế. Việc sớm xây dựng các cơ chế công nhận lẫn nhau về kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc... sẽ giúp cá tra Việt Nam dễ dàng tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường một cách bền vững;

Hơn thế nữa, FTA sẽ tạo điều kiện để DN hai bên mở rộng hợp tác logistics, phát triển các trung tâm phân phối, kho lạnh, từ đó rút ngắn thời gian giao hàng và giảm chi phí vận chuyển - vốn là một trong những rào cản lớn nhất hiện nay.

Rào cản và hướng khắc phục

Tuy nhiên, để tận dụng hiệu quả thị trường này, các DN XK cá tra Việt Nam cũng cần nhận diện rõ các thách thức. Trước hết là vấn đề logistics: chi phí vận chuyển đường biển đến Nam Mỹ vẫn cao, thời gian giao hàng dài, ảnh hưởng đến độ tươi và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Thêm vào đó, mặc dù tiêu chuẩn kỹ thuật chưa gắt gao như EU hay Mỹ, nhưng các nước Mercosur đang siết dần các quy định về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bao bì sinh thái... DN Việt Nam nếu không chủ động đáp ứng sớm sẽ dễ bị động khi thị trường siết chặt kiểm soát.

Bên cạnh đó, cạnh tranh nội khối cũng cần tính đến. Argentina, Uruguay và cả Chile (nước liên kết) đều có sản phẩm cá nước ngọt, hải sản bản địa. Dù sản lượng không lớn nhưng có lợi thế về khoảng cách địa lý và chi phí.

Để biến Mercosur trở thành EU thứ hai cho cá tra Việt Nam, cần một chiến lược tổng lực, đồng bộ từ chính phủ đến DN:

Đẩy mạnh đàm phán và ký kết FTA Việt Nam - Mercosur trong thời gian sớm nhất, với các ưu đãi thuế đặc biệt dành cho nhóm hàng thủy sản; Tăng cường xúc tiến thương mại,

xây dựng hình ảnh quốc gia cho cá tra Việt Nam tại các hội chợ thực phẩm quốc tế ở Brazil, Argentina, Colombia; Đầu tư phát triển logistics xuyên lục địa, hợp tác với DN bản địa xây dựng chuỗi cung ứng lạnh, trung tâm phân phối; Đổi mới sản phẩm phù hợp thị hiếu; Chuẩn hóa quy trình sản xuất - truy xuất nguồn gốc, áp dụng các chứng nhận ASC, BAP, Halal... để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà NK.

Nam Mỹ đang trỗi dậy mạnh mẽ trong bản đồ thương mại toàn cầu và là một trong những điểm đến hấp dẫn cho ngành thủy sản Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng XK cá tra sang Brazil, Colombia, Argentina... ấn tượng như hiện nay, cộng với sự tương đồng trong cấu trúc tiêu dùng với EU, khối Mercosur hoàn toàn có thể trở thành "EU thứ hai" của cá tra Việt Nam trong tương lai gần.

Cơ hội đang rất rõ ràng, nhưng để chinh phục thị trường này một cách bền vững, cá tra Việt Nam cần đi trước một bước, chủ động trong cải tiến sản phẩm, xây dựng hệ thống phân phối, và quan trọng nhất là đẩy nhanh tiến trình FTA Việt Nam - Mercosur. Nếu làm tốt, ngành hàng cá tra hoàn toàn có thể thu về thêm hàng trăm triệu USD từ thị trường rộng lớn và đang khát nguồn cung protein lành mạnh như cá tra.



CÁ TRA VIỆT NAM: Thích nghi để tồn tại và phát triển giữa bất ổn chính sách Mỹ

Thu Hằng

(vasep.com.vn) Trong bối cảnh bất định về thuế đối ứng từ phía Mỹ, nhiều DN XK cá tra Việt Nam đã có sự chuẩn bị từ trước, không chỉ về mặt kịch bản kinh doanh mà cả về tâm thế thị trường. Mặc dù đối mặt với mức thuế đối ứng, một số chuyên gia và lãnh đạo DN hàng đầu trong ngành tin rằng... người tiêu dùng Mỹ vẫn không quay lưng với cá tra.

Giá cá tra ra sao nếu bị gánh thêm thuế đối ứng

Khi cộng thử thêm thuế, giá thành sản phẩm vẫn dao động quanh mức 50–60 cent/pound – tức là vẫn thấp hơn nhiều so với các loại cá trắng phổ thông như cá tuyết hay cá minh thái. Thực tế này cho thấy cá tra vẫn giữ được lợi thế cạnh tranh về giá, một yếu tố rất quan trọng trong bối cảnh người tiêu dùng Mỹ ngày càng thắt chặt chi tiêu hậu đại dịch và lạm phát cao.

Cá tra là một trong số ít các sản phẩm thủy sản vừa có giá hợp lý, vừa có tính linh hoạt trong chế biến, thích hợp với nhiều phân khúc tiêu dùng từ nhà hàng, bếp ăn công nghiệp cho đến kênh bán lẻ gia đình.

Giá trị thực của cá tra và khả năng thích nghi của thị trường Mỹ

Một điểm đáng lưu ý là cá tra Việt Nam ngày càng có vị trí vững chắc hơn trên bàn ăn của người Mỹ – không chỉ trong cộng đồng người gốc Á mà cả trong các phân khúc tiêu dùng phổ thông. Từ góc độ thị trường, điều này phản ánh mức độ “gắn bó” của cá tra với người tiêu dùng và cho thấy mức giá tăng không phải là rào cản không thể

vượt qua.

Thực tế, trong quá khứ cá tra từng có giá cao hơn hiện nay, và thị trường Mỹ vẫn tiêu thụ tốt. Điều này cho thấy, nếu chuỗi cung ứng được tổ chức linh hoạt và bài bản, mức giá mới sau thuế hoàn toàn có thể được thị trường hấp thụ.

Tất nhiên, rủi ro vẫn hiện hữu. Sự thiếu chắc chắn về chính sách thương mại của Mỹ – đặc biệt trong nhiệm kỳ của ông Trump – khiến việc xây dựng kế hoạch kinh doanh dài hạn gặp nhiều trở ngại. Nhưng ở chiều ngược lại, nếu các DN Việt Nam chủ động về chiến lược thị trường, cá tra vẫn có thể giữ vững vị thế tại Mỹ như đã từng làm trong nhiều biến động trước đây.

Sức bật từ thị trường ngoài Mỹ

Trong khi Mỹ là thị trường lớn và có sức chi phối lớn đến ngành cá tra, không thể không nhắc đến những điểm sáng khác. Thị trường EU được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng nhẹ nhờ các chính sách tài khóa nới lỏng, lạm phát thấp, và đồng EUR tăng giá. Các yếu tố này đều có thể hỗ trợ sức mua thủy sản nhập khẩu, trong đó có cá tra.

Ngoài ra, việc nhiều quốc gia châu Âu giảm hạn ngạch đánh bắt cá trắng, đặc biệt là cá tuyết, sẽ tiếp tục tạo dư địa cho cá tra thay thế. Người tiêu dùng khu vực này vốn đã quen với việc tiêu thụ cá phile đông lạnh, càng dễ chấp nhận sản phẩm cá tra nếu giá và chất lượng ổn định.

Chuỗi cung ứng cá tra: không chỉ là chuyện thuế

Một trong những vấn đề lớn hiện nay không nằm ở giá hay thuế – mà là sự thận trọng trong việc kiểm soát hàng tồn và quản trị rủi ro trong chuỗi cung ứng. Khi những cú sốc chính sách xảy ra quá thường xuyên, các nhà nhập khẩu buộc phải tính đến các kịch bản xấu nhất. Điều này có thể khiến lượng hàng giao dịch thực tế thấp hơn nhu cầu thị trường.

Chính vì vậy, bên cạnh việc kỳ vọng chính sách thuế ổn định hơn, ngành cá tra cần từng bước xây dựng chuỗi giá trị có “sức đề kháng” cao hơn – từ vùng nuôi, chế biến, logistics cho đến hệ thống phân phối quốc tế.

Tái định vị cá tra trong nước – chiến lược cần song hành

Câu chuyện thuế tại Mỹ cũng nhắc lại một bài học cũ nhưng luôn cần thiết: Không nên phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường. Thị trường nội địa, với gần 100 triệu dân, ngày càng trở nên hấp dẫn với thu nhập tăng và thị hiếu ẩm thực thay đổi. Vấn đề nằm ở chỗ cá tra vẫn chưa thật sự tìm được chỗ đứng tương xứng trong nước.

Cá tra có lợi thế lớn về giá, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, việc thiếu nhận diện thương hiệu, bao bì sơ sài và phân phối kém hiệu quả khiến sản phẩm khó cạnh tranh với các loại thịt hoặc hải sản khác trong kênh bán lẻ hiện đại.

Cần một chiến dịch đồng bộ, có sự tham gia của nhà nước, DN và hiệp hội – nhằm đưa cá tra trở lại đúng vị thế của mình: một sản phẩm quốc dân, có thể “đứng vững trong nhà mình” trước khi “chinh chiến” toàn cầu.

■ Giá cá rô phi có xu hướng trái chiều ở miền Nam Trung Quốc

(vasep.com.vn) Giá cá rô phi tại các tỉnh sản xuất chính ở miền Nam Trung Quốc có diễn biến trái chiều trong tuần 24 (9-15/6). Quảng Đông giảm nhẹ, Quảng Tây tăng giá, trong khi Hải Nam duy trì giá ổn định theo tuần.

Mặc dù đơn đặt hàng từ Hoa Kỳ tăng, nhưng mùa thu hoạch cao điểm đang đến gần đang khiến giá chung ở mức tương đối thấp.

Tại Quảng Tây, các nhà chế biến đã tăng giá mua nguyên liệu cho loại cá 500-800 gram lên 8,6 NDT (1,20 USD)/kg, tăng so với mức 8,3 NDT/kg của tuần trước đó.

Ngược lại, giá ở Quảng Đông giảm từ 8,5 NDT/kg xuống còn 8,4 NDT/kg cho loại 500-800g. Giá ở Hải Nam vẫn ổn định ở mức 8,2 NDT/kg cho cùng kích cỡ.

Một giám đốc điều hành tại Quảng Đông cho biết nguồn cung nguyên liệu thô tại địa phương hiện đã đủ và các công ty chế biến không có kế hoạch tăng giá.

Tuy nhiên, các nhà chế biến ở Quảng Tây đang phải đối mặt với tình trạng thiếu nguyên liệu.

Baiyang Group, một công ty niêm yết công khai có trụ sở tại Quảng Tây, đã xác nhận đơn đặt hàng ngày càng tăng từ Hoa Kỳ nhưng lưu ý rằng giá xuất khẩu vẫn tương đối thấp. Để giải quyết tình trạng bất ổn của thị trường, một số công ty, bao gồm cả Baiyang, đang tìm cách mở rộng sang thị trường trong nước.

Nước ấm thúc đẩy tăng trưởng, mùa thu hoạch cao điểm đang đến

“Bắt đầu từ tháng này, nhiệt độ cao đã đến và người nông dân đang dần bắt đầu bán một lượng lớn cá. Chúng tôi sẽ sớm bước vào mùa cao

điểm”, Liu Zhili, Tổng Giám đốc của Hainan Gengift Aqua-Technology, nhà cung cấp cá rô phi bột lớn thứ hai của Trung Quốc.

“Mức giá hiện tại vẫn có lợi cho người nông dân, nhưng nguồn cung cá giống không thể theo kịp”, ông nói thêm, đồng thời nhấn mạnh tình trạng thiếu hụt ở một số nhà cung cấp cá giống như Progift, nhà cung cấp cá bột lớn nhất.

(Theo UCN)

■ Channel Fish, Trident nhận hợp đồng 2 triệu USD từ USDA để cung cấp cá minh thái Alaska

(vasep.com.vn) Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã ký hợp đồng với Channel Fish Processing Co. và Trident Seafoods trị giá gần 2 triệu USD để cung cấp các sản phẩm cá minh thái Alaska và cá tuyết Đại Tây Dương.

Việc trao hợp đồng liên quan đến lời mời thầu do USDA ban hành vào ngày 15/5 cho 722.000 pound sản phẩm cá minh thái Alaska và 900 thùng phi lê cá tuyết Đại Tây Dương đông lạnh để hỗ trợ dinh dưỡng cho trẻ em và các chương trình phân phối thực phẩm trong nước khác.

Theo một trong những hợp đồng có tổng giá trị 1,4 triệu USD, Channel Fish có trụ sở tại Braintree, Massachusetts sẽ cung cấp 900 thùng cá tuyết, trị giá 398 USD/thùng, 38.000 pound các gói 20/2 pound phi lê cá minh thái Alaska đông lạnh và 456.000 pound các gói 20/2 pound cá minh thái Alaska đông lạnh.

Trident Seafoods, có trụ sở tại Seattle, Washington, đã giành được hợp đồng cho số cá minh thái còn lại, bao gồm 152.000 pound các gói 20/2 pound phi lê cá minh thái Alaska đông lạnh và 76.000 pound các gói 20/2 pound thanh cá minh thái Alaska đông lạnh.

Tổng số tiền mà Trident nhận được từ USDA là 530.556 USD.

Tổng giá trị hợp đồng của USDA là 1.974.557 USD.

Giải thưởng mới nhất này từ USDA được trao ngay sau khi Trident và High Liner Foods ký kết các hợp đồng khác có tổng giá trị hơn 2 triệu USD cho các sản phẩm cá minh thái.

Chỉ xét riêng về lượng mua cá minh thái, hợp đồng mới nhất của USDA trị giá 1.616.356 USD đã đưa lượng mua của USDA trong năm tài chính 2025 lên 24.594.000 pound với giá trị 55.452.966 USD. Craig Morris, Tổng giám đốc điều hành của Hiệp hội các nhà sản xuất cá minh thái Alaska chính hiệu, cho rằng đây là khối lượng mua hàng năm cao thứ tư và giá trị mua hàng cao thứ năm từng được ghi nhận.

Trong khi đó, vào ngày 5/6, USDA đã gửi hai thông báo thông báo rằng họ đang tìm kiếm thêm nhà cung cấp cho các gói phi lê cá walleye đông lạnh 40/1 pound, cũng như thêm nhà cung cấp cho các sản phẩm cá ngừ. Thông báo nêu rõ rằng đây không phải là lời chào hàng sản phẩm, mà là cho mục đích nghiên cứu thị trường.

(Theo UCN)

■ Indonesia đầu tư 1,6 triệu USD chuyển đổi ao tôm bỏ hoang thành ao nuôi cá rô phi

(vasep.com.vn) Indonesia đã công bố kế hoạch trị giá 1,6 triệu USD để chuyển đổi 20.000 ha ao nuôi tôm bỏ hoang ở bờ biển phía bắc Java thành các trang trại nuôi cá rô phi năng suất cao.

Indonesia đang khởi động một sáng kiến nuôi trồng thủy sản lớn nhằm chuyển đổi 20.000 ha ao nuôi tôm bỏ hoang dọc bờ biển phía bắc Java thành trang trại nuôi cá rô phi.

Sáng kiến này được hỗ trợ bởi khoản đầu tư 26 tỷ IDR (1,6 triệu USD) của chính phủ.

Nỗ lực này, do Bộ Hàng hải và Thủy sản (KKP) của nước này dẫn đầu, đánh dấu giai đoạn đầu tiên của một chương trình phục hồi rộng lớn hơn nhằm vào các ao nuôi tôm bị suy thoái ở vùng Pantura.

“Chúng tôi đang phục hồi 20.000 ha ao nuôi tôm sú bỏ hoang để nuôi cá rô phi mặn. Sản lượng dự kiến không dưới 1,5 triệu tấn mỗi năm”, Bộ trưởng KKP Sakti Wahyu Trenggono phát biểu tại một cuộc họp báo ở Jakarta.

Ngoài việc tăng sản lượng lương thực, dự án này dự kiến sẽ tạo ra khoảng 68.000 việc làm trên khắp các vùng Bekasi, Karawang, Subang và Indramayu.

Nhìn chung, bờ biển phía bắc Java có hơn 78.000 ha ao nuôi tôm bỏ hoang, nhiều ao trong số đó đã bị xuống cấp nghiêm trọng.

(Theo UCN)

■ Oceana cảnh báo Canada về việc tăng hạn ngạch đánh bắt cá tuyết phương bắc

(vasep.com.vn) Oceana Canada đang cảnh báo chính phủ Canada không nên tăng hạn ngạch đánh bắt cá tuyết phương bắc (*Gadus morhua*) trong năm nay, bất chấp những gợi ý từ các nhóm trong ngành rằng loài cá tuyết Đại Tây Dương mang tính biểu tượng này có thể duy trì sản lượng đánh bắt từ 30.000 đến 50.000 tấn.

Thay vì tăng hạn ngạch, nhóm bảo vệ môi trường cho biết Bộ trưởng Canada phụ trách Bộ Thủy sản và Đại dương (DFO) nên giảm hạn ngạch xuống 33%, xuống còn 12.800 tấn. Con số này thấp hơn so với tổng sản lượng đánh bắt được phép (TAC) là 18.000 tấn vào năm 2024, là nghề cá thương mại chính thức đầu tiên kể từ khi Canada tuyên bố lệnh tạm dừng đánh bắt loài cá này vào năm 1992.

Đánh giá mới nhất về trữ lượng cá của DFO science cho thấy sinh khối cá sinh sản - số lượng cá tuyệt cái trong độ tuổi sinh sản trong hệ thống - đã tăng 67% kể từ năm 2023 và hiện ước tính vào khoảng 542.000 tấn.

“Hiện tại, mọi người đều tập trung vào một năm tăng trưởng này, nhưng khoa học của DFO khẳng định mức tăng này không đáng kể. Cá tuyết không tăng trưởng kể từ năm 2017 và trên thực tế, dự kiến sẽ giảm trở lại vùng nguy cấp”, Rebecca Schijns, nhà khoa học về nghề cá của Oceana cho biết.

Oceana cảnh báo rằng việc tăng hạn ngạch -- thậm chí là 10.000 tấn -- sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng suy giảm của nguồn cá tuyết phương bắc, đặc biệt là khi quần thể cá trích vẫn chỉ bằng một phần nhỏ so với mức lịch sử.

Mùa đánh bắt cá tuyết ở Newfoundland và Labrador thường bắt đầu vào khoảng tuần đầu tiên của tháng 7.

(Theo UCN)



Đưa phụ phẩm nông nghiệp thành mũi nhọn xuất khẩu

Trong ngành cá tra, phụ phẩm chế biến đang trở thành nguồn giá trị gia tăng quan trọng. Đại diện Công ty Cổ phần Vinh Hoàn cho biết, việc sản xuất collagen và gelatin từ da cá giúp doanh nghiệp tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu, vừa tiết giảm chi phí vừa mở rộng sản phẩm ra lĩnh vực thực phẩm chức năng và mỹ phẩm.

TS. Dương Nghĩa Quốc – Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam – cho hay, các phụ phẩm như đầu, xương, da, vây, thịt đỏ, diêm bụng và bao tử hiện được dùng để sản xuất bột cá xuất khẩu sang Trung Quốc, trong khi mỡ cá được chế biến thành thực phẩm hoặc nguyên liệu mỹ phẩm.

Dù chưa được thống kê vào kim ngạch xuất khẩu chính thức, giá trị từ phụ phẩm cá tra có thể đóng góp thêm hàng tỷ USD. Nếu khai thác tối đa, toàn ngành có thể đạt tổng kim ngạch từ 3 – 4 tỷ USD mỗi năm.

Cần Thơ: Lợi nhuận tốt từ nuôi cá tra

Theo Chi cục Thống kê TP Cần Thơ, thời gian qua, hoạt động nuôi trồng thủy sản tiếp tục được duy trì, đảm bảo nguồn cung hàng hóa thủy sản phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

Đến giữa tháng 5/2025, diện tích nuôi trồng thủy sản (không bao gồm diện tích sản xuất giống) ước đạt 3.503 ha, tăng 14,44% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích nuôi cá tra thâm canh, bán thâm canh ước đạt 614 ha, tăng 0,66% so với cùng kỳ năm 2024. Tổng sản lượng thủy sản ước đạt 26.098 tấn, tăng 5,86% so với cùng kỳ, bao gồm nuôi trồng 25.444 tấn, tăng 6% so cùng kỳ và khai thác 654 tấn, tăng 0,62%.

Lũy kế 5 tháng đầu năm 2025, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 91.692 tấn, tăng 6,01% so cùng kỳ, bao gồm: Sản lượng thủy sản nuôi trồng 90.019 tấn, tăng 6,06% và sản lượng thủy sản khai thác 1.673 tấn, tăng 3,53% so cùng kỳ.

Hiện nay, giá bán cá tra nguyên liệu dao động từ 31.000 – 32.000 đồng/kg (kích cỡ 750 – 950 g/con) tăng 500 đồng/kg so cùng kỳ năm trước. Trừ các khoản chi phí, người nuôi thu được lợi nhuận khoảng 6.000 đồng/kg, đây là mức lãi lý tưởng, tạo động lực cho nông dân cải tạo ao, phát triển nuôi trồng,... Bên cạnh đó, giá cá tra giống dao động từ 46.000 – 48.000 đồng/kg.

Thu Hằng



NHẬP KHẨU CÁ THỊT TRẮNG CỦA THỤY SĨ, T1-T3/2025

(Nguồn: ITC)

Top nguồn cung cá thịt trắng chính cho Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT: nghìn USD)			
Nguồn cung	T1-T3/2024	T1-T3/2025	Tăng, giảm (%)
TG	8.297	8.781	5,8
Việt Nam	2.213	2.710	22,5
Trung Quốc	798	1.198	50,1
Na Uy	976	867	-11,2
Bồ Đào Nha	1.349	1.552	15,0
Hà Lan	502	768	53,0
Đức	668	670	0,3
Nam Phi	327	322	-1,5
Đan Mạch	187	218	16,6
Pháp	176	170	-3,4
Indonesia	165	53	-67,9
Italy	90	71	-21,1
Tây Ban Nha	71	44	-38,0
Áo	-	12	-
Anh	17	14	-17,6
Bỉ	20	4	-80,0
Iceland	9	7	-22,2
Liên Bang Nga	634	5	-99,2

Sản phẩm cá thịt trắng nhập khẩu chính của Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT: nghìn USD)				
Mã HS	Sản phẩm	T1-T3/2024	T1-T3/2025	Tăng, giảm (%)
	Tổng NK	8.297	8.781	5,8
030471	Cá tuyết phi lê đông lạnh	1.966	1.863	-5,2
030462	Phi lê cá da trơn đông lạnh	1.698	2.413	42,1
030551	Cá tuyết cod khô	1.143	1.280	12,0
030363	Cá tuyết đông lạnh	870	796	-8,5
030475	Cá minh thái Alaska phi lê đông lạnh	326	623	91,1
030432	Phi lê cá da trơn. cá da tươi ướp lạnh	658	473	-28,1
030474	Phi lê cá hake đông lạnh	373	307	-17,7
030323	Cá rô phi đông lạnh	315	179	-43,2
030461	Phi lê cá rô phi đông lạnh	222	187	-15,8
030251	Cá tuyết cod tươi/ướp lạnh	181	182	0,6
030324	Cá tra. cá da trơn đông lạnh	95	115	21,1
030366	Cá hake đông lạnh	208	181	-13,0

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÁ TRA VIỆT NAM
TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP(theo số liệu Hải quan Việt Nam)

STT	THỊ TRƯỜNG	GT (triệu USD)	So sánh cùng kỳ 2024 (%)	STT	THỊ TRƯỜNG	GT (triệu USD)	So sánh cùng kỳ 2024 (%)
TQ&HK		168,555	-3,4	50	Jordan	3,720	54,7
1	Trung Quốc	157,846	-3,5	51	Hàn Quốc	3,220	22,1
2	Hồng Kông	10,710	-2,6	52	Bờ Biển Ngà	2,800	16,5
CPTPP		124,544	38,4	53	CH Đominich	2,572	-22,7
3	Mexico	23,620	3,7	54	Libăng	2,219	32,4
4	Anh	21,577	-2,1	55	Panama	2,113	51,8
5	Canada	16,980	17,7	56	Israel	1,940	-20,1
6	Malaysia	15,844	30,5	57	Qatar	1,770	0,2
7	Nhật Bản	14,727	2,8	58	Iran	1,708	20,2
8	Australia	12,750	31,1	59	Puetô Rico	1,658	17,7
9	Singapore	12,300	-2,3	60	Cameroon	1,496	9,1
10	Peru	3,654	271,6	61	Montenegro	1,245	64,0
11	Chile	1,779	-6,7	62	Thụy Sĩ	1,169	-22,2
12	New Zealand	1,067	17,8	63	Costa Rica	1,118	54,7
13	Brunei	0,246	22,2	64	Nicaragua	1,014	111,5
14	Mỹ	118,773	0,5	65	Morocco	0,966	36,2
EU		66,873	6,7	66	Argentina	0,956	-31,7
15	Hà Lan	18,910	15,1	67	Kuwait	0,900	-5,3
16	Đức	11,642	-19,6	68	Jamaica	0,736	59,5
17	Tây Ban Nha	7,786	-0,1	69	Papua New Guinea	0,678	-41,5
18	Bỉ	7,391	11,7	70	Ecuador	0,672	7,0
19	Italy	5,418	61,4	71	Algeria	0,480	-10,8
20	Pháp	3,402	26,1	72	Guatemala	0,455	32,7
21	Bồ Đào Nha	2,768	35,8	73	UruGuay	0,452	-36,1
22	Hy Lạp	1,969	28,2	74	Honduras	0,445	-8,6
23	Lithuania	1,766	34,0	75	Bahrain	0,430	-15,3
24	Ba Lan	1,550	-16,6	76	Ukraine	0,423	80,6
25	Thụy Điển	0,756	57,3	77	Lybia	0,383	177,2
26	Rumania	0,701	-24,4	78	Nam Phi	0,370	47,2
27	Hungary	0,510	23,4	79	Bahamas	0,370	52,4
28	Slovenia	0,429	-46,2	80	CH Congo	0,343	132,4
29	Síp	0,365	13,0	81	Oman	0,337	-56,2
30	Croatia	0,344	-29,2	82	Georgia	0,335	-25,2
31	Ireland	0,299	-11,7	83	Aruba	0,312	13,9
32	Bulgaria	0,262	174,9	84	Bangladesh	0,304	240,2
33	Đan Mạch	0,222	3,2	85	Nigeria	0,274	531,8
34	Latvia	0,103	7,0	86	Guinea	0,268	10,1
35	Phần Lan	0,101	0,4	87	Trinidad & Tobago	0,262	-41,3
36	Estonia	0,097	17,4	88	Venezuela	0,244	8,3
37	Malta	0,081	-27,7	89	Cămpuchia	0,233	46,7
Các TT khác		240,180	14,2	90	Senegal	0,212	-71,0
38	Brazil	70,212	69,6	91	Ghana	0,206	35,2
39	Thái Lan	27,546	18,3	92	Na Uy	0,195	48,4
40	Philippines	14,602	31,1	93	Albania	0,175	18,7
41	Colombia	14,281	-11,6	94	Guam	0,174	-10,1
42	Arập Xêut	12,609	-9,0	95	Maldives	0,173	20,2
43	Đài Loan	9,777	25,1	96	Tunisia	0,173	-51,7
44	Âi Cập	9,493	44,1	97	Nepal	0,165	124,9
45	Iraq	9,017	131,9	98	Paraguay	0,126	135,1
46	Nga	8,874	33,3	99	Indonesia	0,121	353,3
47	UAE	8,499	-15,4	100	Lào	0,119	10,7
48	Ấn Độ	6,908	74,9	21 TT khác		1,192	-95,1
49	Pakistan	3,943	96,4	TỔNG		718,924	9,6

CẠNH TRANH GIA TĂNG TẠI THỊ TRƯỜNG CÁ NGỪ TÂY BAN NHA

Nguyễn Hà

(vasep.com.vn) Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, 4 tháng đầu năm 2025 kim ngạch XK cá ngừ sang Tây Ban Nha đạt gần 4 triệu USD, tăng 10%. Tuy nhiên, XK cá ngừ sang Tây Ban Nha có xu hướng tăng trưởng không ổn định và có xu hướng giảm.

Và không chỉ những tháng đầu năm 2025, mà từ năm 2020 trở lại đây XK sang thị trường này cũng không ổn định và kim ngạch XK ngày càng giảm. Chỉ trong 5 năm, giá trị XK sang thị trường này đã giảm 29%.

Theo các DN, ngoài những nguyên nhân nội tại trong nước như hạn chế về nguồn nguyên liệu đánh bắt của đội tàu trong nước, những vướng mắc về thủ tục cấp XNK..., cạnh tranh gia tăng tại thị trường này cũng đang tác động tới XK cá ngừ sang thị trường này.

Theo Thương vụ Việt Nam tại Tây Ban Nha, triển vọng xuất khẩu của Việt Nam sang Tây Ban Nha trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn và thách thức nhiều hơn trước. Nguyên nhân từ bối cảnh sức ép cạnh tranh thị trường ngày càng lớn khi EU và Tây Ban Nha ưu tiên thúc đẩy phê chuẩn Hiệp định FTA giữa EU với Mexico và các nước

khối Mercosur ngay trong năm nay; đã nối lại đàm phán các hiệp định FTA với các nước ASEAN khác như Thái Lan, Indonesia và Philipines, đây đều là những quốc gia mạnh về XK cá ngừ.

Cùng với đó, các FTA của EU - New Zealand, của EU - Khu vực các nước Trung Mỹ (bao gồm Panama, Guatemala, Costa Rica, El Salvador, Honduras, và Nicaragua) và của EU với Chile và Kenya đều sẽ sớm có hiệu lực thực hiện.

Bên cạnh đó, các biện pháp áp thuế bổ sung của chính quyền Trump đối với các hàng hóa nhập khẩu từ EU và Tây Ban Nha sẽ làm hạn chế luồng hàng hóa tái xuất khẩu từ EU và làm giảm cơ hội nhập khẩu hàng hóa dưới dạng nguyên liệu thô phục vụ sản xuất xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Các nước đối thủ chính, nhất là đối với hàng thủy sản, đến từ châu Mỹ La tinh và Bắc Phi - nơi có các ưu thế vượt trội về địa lý, chi phí và thời gian vận chuyển hàng hóa và sẵn có mối quan hệ truyền thống đặc biệt với cộng đồng nói tiếng Tây Ban Nha đông đảo. Điều này khiến hàng thủy sản XK của Việt Nam, trong đó có cá ngừ, sang thị trường này phải cạnh tranh gay gắt.

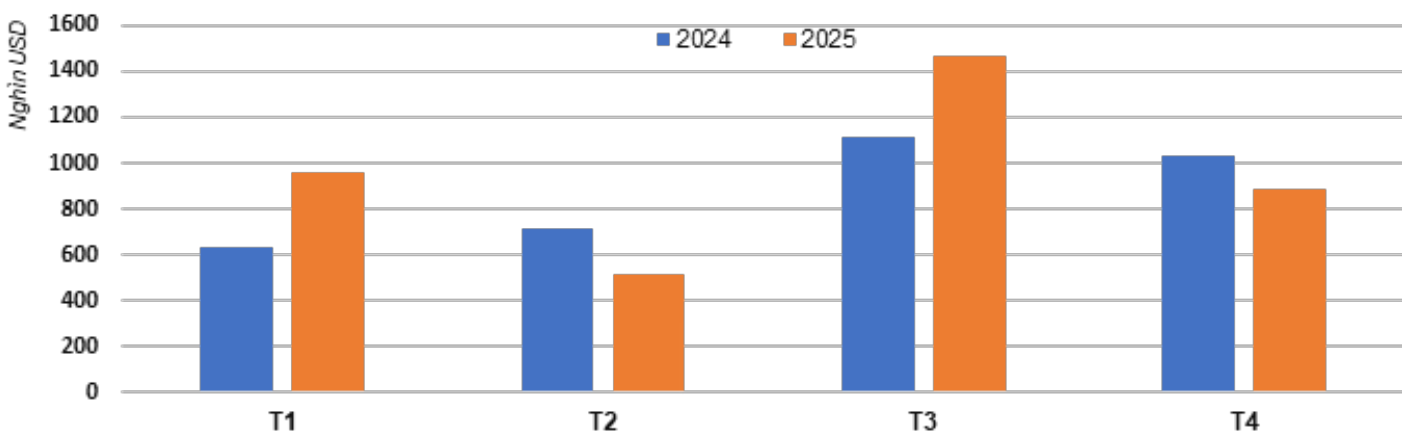
Mặt khác, diễn biến chính sách đáng chú ý là Chính phủ Tây Ban Nha lên kế hoạch ứng phó với đe dọa về thuế quan và tái khởi động thương mại trị giá 14,1 tỷ EUR ứng phó với quyết định tăng thuế đối với các sản phẩm châu Âu của Tổng thống Trump.

Kế hoạch bao gồm 14,1 tỷ EUR để giảm thiểu tác động tiêu cực của chiến tranh thương mại và “xây dựng lá chắn” để bảo vệ nền kinh tế Tây Ban Nha, trong đó 7,4 tỷ EUR khoản tài chính cấp mới và 6,7 tỷ EUR sẽ khai thác sử dụng từ các công cụ hiện hành... cũng tác động tới hàng hoá nhập khẩu vào nước này.

Ngoài ra, việc Tây Ban Nha đưa ra áp dụng một số quy định chính sách đáng lưu ý có tác động đến thương mại quốc tế như các biện pháp khẩn cấp để ứng phó với mối đe dọa thuế quan và tái khởi động thương mại; quy định tiêu chuẩn chất lượng đối với dầu thực vật ăn được; quy định của Liên minh châu Âu về sức khỏe động vật liên quan đến nghĩa vụ giám sát của chủ trang trại...

Do đó, dự kiến XK cá ngừ của Việt Nam sang thị trường này sẽ còn nhiều biến động.

XUẤT KHẨU CÁ NGỪ CỦA VIỆT NAM SANG TÂY BAN NHA, T1 - T4/2024 - 2025



■ Nhập khẩu cá ngừ đóng túi của Mỹ phục hồi trong năm 2025

(vasep.com.vn) Các thương hiệu, thương nhân và nhà bán lẻ của Mỹ đã tăng lượng mua cá ngừ đóng túi từ các nhà chế biến nước ngoài trong quý đầu tiên của năm 2025 lên 1% với mức giá thấp nhất trong 5 năm qua.

Lượng nhập khẩu cá ngừ đóng túi đã tăng lên 15.514 tấn trong quý I/2025, tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái, với mức giá trung bình mỗi tấn là 5.159 USD/tấn. Mức kỷ lục trong 5 năm qua, vì khối lượng chưa bao giờ cao như vậy và giá trị trước đây cũng không thấp như vậy.

Thị trường đã phục hồi sau khi sụt giảm vào năm 2024 so với năm trước. Xu hướng này cũng xảy ra đối với lượng nhập khẩu cá ngừ đóng hộp đã phục hồi 31% trong quý 1 lên 43.024 tấn với mức giá thấp kỷ lục mỗi tấn.

XK cá ngừ vẫn đóng túi cho các nhà bán lẻ và dịch vụ thực phẩm Mỹ của Thái Lan tăng 41% trong giai đoạn này, với mức giá tăng nhẹ, duy trì vị trí hàng đầu của họ trên thị trường Mỹ.

Đáng chú ý, XK cá ngừ của Ecuador sang Mỹ cũng đang tăng trưởng mạnh, trở thành một đối thủ đáng gờm của Thái Lan với mức tăng 68%, đạt gần 6 nghìn tấn, với giá 5.511 USD/tấn, thấp hơn 14% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng vẫn cao hơn 717 USD so với các sản phẩm của Thái Lan. Các nhà chế biến Ecuador có nguồn cung nguyên liệu thô khổng lồ do sản lượng đánh bắt cá ngừ vẫn tại khu vực Đông Thái Bình Dương (EPO) ở mức tốt và nhờ đó họ hạ được giá XK. Nhà máy Galapessa của StarKist ở Guayaquil cũng cung cấp các loại cá ngừ vây vàng cao cấp đắt tiền hơn. Bên cạnh đó, chi phí vận chuyển từ Ecuador đến Mỹ rẻ hơn từ Thái Lan, điều này hẳn đã ảnh hưởng

đến sự thay đổi của họ.

XK cá ngừ vây và cá ngừ vây dài đóng túi của Senegal đã giảm gần một nửa doanh số vào tay khách hàng StarKist, nơi tìm thấy nguồn cung ổn định và rẻ hơn ở Ecuador. Tình trạng thiếu hụt cá ngừ ở Đông Đại Tây Dương trong những năm gần đây khiến các nhà chế biến khó có đủ nguồn cung cho các nhà máy đóng hộp của họ.

Các nhà XK Việt Nam đã giảm một nửa giá trung bình, với doanh số bán chủ yếu cho dịch vụ thực phẩm và một phần nhỏ cho bán lẻ, hầu như không tăng. Indonesia đã xuất khẩu thêm 177 tấn cho Mỹ với mức giá thấp thứ hai, đẩy Philippines ra khỏi vị trí 5 quốc gia xuất khẩu hàng đầu cá ngừ đóng túi cho Mỹ.

(Tin tổng hợp)

■ 6 nước đại diện cho 15% sản lượng đánh bắt cá ngừ toàn cầu tham gia cam kết minh bạch

(vasep.com.vn) Quần đảo Marshall, Papua New Guinea, Palau và Panama đã tham gia Cam kết minh bạch về cá ngừ, cam kết giám sát 100% trên mặt nước các tàu đánh bắt cá ngừ công nghiệp vào năm 2027. Cùng với Belize và Liên bang Micronesia, những quốc gia đã tham gia vào đầu năm nay, theo tổ chức phi chính phủ The Nature Conservancy cho biết các quốc gia này hiện đại diện cho hơn 15% sản lượng đánh bắt cá ngừ toàn cầu.

Cam kết minh bạch về cá ngừ, do The Nature Conservancy khởi xướng vào tháng 4/2024, nhằm mục đích chống lại hoạt động đánh bắt cá ngừ bất hợp pháp và không bền vững thông qua việc giám sát tàu độc lập bằng hệ thống điện tử và người quan sát. Động thái này nhằm cải thiện tính minh bạch của dữ liệu, giảm đánh bắt ngoài ý muốn và đảm bảo quản lý đại dương bền vững hơn.

Thông báo này được đưa ra trước Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc tại Nice, Pháp, nơi các nhà lãnh đạo toàn cầu đang họp để thảo luận về sức khỏe của các đại dương trên thế giới. Kể từ khi ra mắt vào tháng 4/2024, cam kết minh bạch về cá ngừ đã phát triển đáng kể để bao gồm một số nhà bán lẻ và nhà cung cấp lớn nhất. Những người ủng hộ sáng kiến này bao gồm Walmart, Carrefour, Thai Union, Albertsons Companies, Aramark, Culimer USA, Lusamerica Foods, Pacific Island Tuna, Walker's Tuna và Hiệp hội tàu cá ngừ đông lạnh cỡ lớn, còn được gọi là AGAC.

(Theo UCN)

■ Giá cá ngừ vây giảm tại Bangkok, Manta

(vasep.com.vn) Giá cá ngừ vây tại các trung tâm chế biến Bangkok và Manta đã giảm thêm và có thể đã chạm đáy. Tại Bangkok, Thái Lan, các nhà sản xuất đóng hộp đang lo ngại về sự bất ổn về thuế quan của Mỹ và sức cạnh tranh gay gắt của Ecuador, khiến những người mua lớn tại trung tâm chế biến châu Á đang đàm phán giá dưới 1.500 USD/tấn

Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp Cá ngừ Thái Lan, cho biết xuất khẩu cá ngừ của Thái Lan sang Mỹ có thể giảm tới 60% nếu thuế quan có đi có lại của chính quyền Trump được áp dụng ở mức hiện đang được đề xuất, nâng tổng thuế nhập khẩu lên 48,5%.

Xuất khẩu sang Mỹ có thể giảm khoảng 50 - 60% vào năm 2026. Nếu mức thuế 36% vẫn được áp dụng trong thời gian dài, các nhà xuất khẩu Thái Lan sẽ ngày càng khó tiếp cận thị trường Mỹ. Nếu không đạt được thỏa thuận nào trước ngày 9/7 hoặc không được gia hạn, mức thuế quan tương hỗ sẽ tăng, nâng tổng mức thuế lên 48,5%.

Trong bối cảnh này, một số đơn hàng được ký kết ở mức dưới 1.500 USD/

tấn để giao hàng vào tháng 6 tại Bangkok, và cũng có đơn hàng đã đạt được thỏa thuận với mức giá 1.490 USD/tấn. Một số đơn hàng đang trả cao hơn một chút, khoảng 1.520 USD/tấn và lên tới 1.550 USD/tấn.

Mức giá hiện tại khiến các nhà cung cấp khó thúc đẩy các hợp đồng với các nhà máy đóng hộp lớn ở mức 1.500/tấn, nhưng đây vẫn là mục tiêu cho các đợt giao hàng vào tháng 6. Hiện các nhà máy đóng hộp Thái Lan đang "sử dụng thuế quan làm cái cớ để đẩy thị trường xuống trước tình hình đánh bắt kém ở Tây Thái Bình Dương".

Trong khi đó, tại thành phố General Santos, Philippines, giá cá ngừ vẫn không thuộc GSP (chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập) ở mức 1.500 USD/tấn.

Ecuador: Lợi thế cạnh tranh bị xói mòn khi trợ cấp nhiên liệu kết thúc?

Trong khi đó, tại Manta, Ecuador, sản lượng đánh bắt tốt và giá cá ngừ thấp hơn từ nhiều khu vực đã gây áp lực đẩy giá xuống dưới mức 1.650 USD/tấn của tháng trước. Vào giữa tháng 5, giá cá tại trung tâm Mỹ Latinh này ở mức 1.600-1.650 USD/tấn.

Đầu tuần này, chính phủ Ecuador đã chấm dứt trợ cấp nhiên liệu diesel. Động thái này, một phần trong nỗ lực thắt chặt tài chính rộng rãi hơn, đã làm dấy lên mối lo ngại trong toàn ngành công nghiệp địa phương, nơi nhiên liệu chiếm gần 36% chi phí hoạt động.

Tại Ecuador, năm nay có một lượng lớn cá ngừ vây vàng được đánh bắt; đây có thể là một kỷ lục lịch sử. Giá cá ngừ vây vàng tại cảng đã giảm xuống còn khoảng 2.100 USD/tấn đối với cá lớn, cộng thêm 10 (tuỳ kích cỡ)

Chính phủ Ecuador mới đây đã chấm dứt trợ cấp nhiên liệu diesel. Động thái này, một phần trong nỗ lực mở rộng thắt chặt tài chính, đã làm dấy lên mối lo ngại trong toàn ngành công nghiệp địa phương, nơi nhiên liệu chiếm gần 36% chi phí hoạt

động.

Động thái này có thể thúc đẩy các chủ tàu Ecuador từ chối các thỏa thuận mua cá ngừ vây với mức giá dưới 1.600 USD/tấn, và thay vào đó là hỗ trợ giá trong ngắn hạn.

Chính phủ Ecuador cũng đã cam kết tài trợ 42 triệu USD để cải tạo đội tàu nhằm hiện đại hóa đội tàu cũ kỹ của mình, hầu hết trong số đó đã hơn 50 năm tuổi. Tuy nhiên, khoản đầu tư dài hạn này có thể không bù đắp ngay được chi phí tăng do mất trợ cấp nhiên liệu.

Hoạt động đánh bắt ở Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương

Hoạt động đánh bắt cá ở Ấn Độ Dương đã "chậm lại rất nhiều" trong 2 tuần qua, với điều kiện hiện tại giống với thời kỳ đánh bắt ít cá theo truyền thống của tháng 6. Các tàu đánh bắt cá ngừ báo cáo gặp khó khăn trong việc tìm kiếm ngư trường khả thi, sau khi lượng cập cảng tăng vọt trong tháng 5, đặc biệt là tại các cảng ở Mauritius và Seychelles.

Mặc dù sản lượng đánh bắt giảm, giá cá ngừ vẫn ổn định ở mức khoảng 1.300 EUR/tấn, trong khi cá ngừ vây vàng chỉ dưới 2.000 EUR/tấn, được báo cáo là khoảng 1.950 EUR/tấn. Các nhà máy đóng hộp địa phương trong khu vực, bao gồm Seychelles, Mauritius và Diego Suarez, đang tận dụng thời gian này để xử lý lượng hàng tồn kho lớn hiện có và không có đợt dỡ hàng mới nào được báo cáo tại Seychelles trong tuần này.

Việc giá không biến động ngay lập tức là do lượng hàng tồn kho vẫn còn nhiều và sự chậm trễ nhẹ thông thường giữa xu hướng đánh bắt và giá thị trường.

Ở Đại Tây Dương, đặc biệt là vùng biển ngoài khơi Gabon, sản lượng đánh bắt đang ở mức tương đối tốt mặc dù không nhiều. Các tàu Tây Ban Nha đang hoạt động ở Mauritania, Dakar (Senegal) và các khu vực khác.

Giá cá ở Tây Phi vẫn khá ổn định. Giá cá ngừ vây ở Abidjan, Bờ Biển Ngà,

ổn định ở mức khoảng 1.350 EUR/tấn, với người mua biết về các ưu đãi cạnh tranh từ Ấn Độ Dương. Giá cá ngừ vây vàng cho các loại nhỏ hơn (20-40kg) được báo cáo là khoảng 2.250 EUR/tấn, trong khi cá ngừ vây vàng lớn khan hiếm do sản lượng đánh bắt hạn chế gần đây.

Các nhà máy đóng hộp lớn của Tây Ban Nha gây sức ép lên giá cá ngừ vây

Tại Tây Ban Nha, đã có một số hợp đồng cá ngừ vây vàng được ký với giá 2.100 EUR/tấn (giá CIF), cũng có hợp đồng được ký với giá thấp hơn còn 2.050 EUR/tấn.

Hiện tại, các người mua giữ kín thông tin giao dịch để tránh đẩy giá thị trường chung xuống và người bán không muốn công khai mức chiết khấu lớn.

Tuy nhiên, phần lớn các đơn hàng cá ngừ vây vàng ở Tây Ban Nha được giao dịch ở mức 2.250-2.300 EUR/tấn tại Tây Ban Nha và Italy. Hợp đồng thấp nhất được thực hiện là 2.150 EUR/tấn, nhưng hầu hết các hợp đồng ở Tây Ban Nha đều được thực hiện ở mức từ 2.200 EUR/tấn đến 2.300 EUR/tấn.

Giá cá ngừ vây giao tại Tây Ban Nha đã giảm nhẹ xuống dưới mức 1550 EUR/tấn của tháng trước, giao động ở mức 1500 - 1550 EUR/tấn đối với cá từ Đại Tây Dương và từ 1.600-1.655 EUR/tấn đối với cá từ Ấn Độ Dương. Cá từ Ấn Độ Dương thường đắt hơn một chút so với cá từ Đại Tây Dương vì kích thước lớn hơn một chút. Kích thước trung bình của cá ngừ vây từ Ấn Độ Dương lớn hơn cá ngừ Đại Tây Dương nên giá cao hơn một chút.

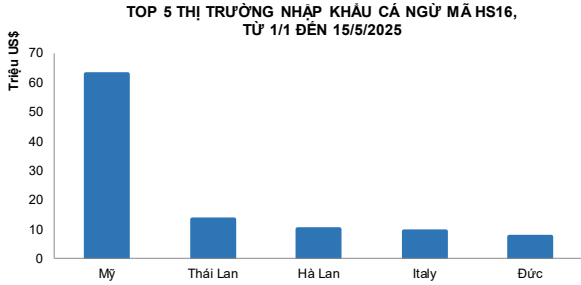
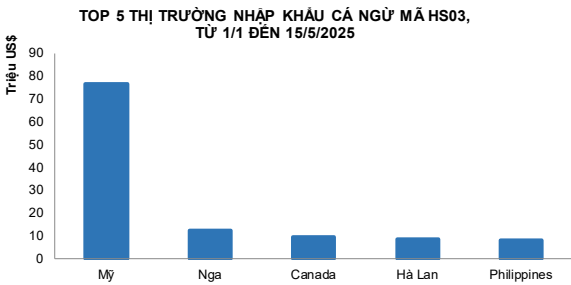
Giá thăn cá ngừ được giao tại Tây Ban Nha từ các nguồn miễn thuế như Papua New Guinea, Philippines hoặc Ecuador hiện vào khoảng 5.500 USD/tấn đối với cá ngừ vây và 6.600 USD/tấn đối với cá ngừ vây vàng.

(Theo UCN)

Nguyễn Hà

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÁ NGŨ VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)
1	Mỹ	139,643	10,2	Các TT khác		79,843	-8,9
EU		80,068	6,6	37	Thái Lan	15,547	204,0
2	Hà Lan	18,597	55,8	38	Nga	13,500	5,2
3	Italy	16,059	28,3	39	Israel	11,856	-60,9
4	Đức	10,094	-29,1	40	Philippines	8,080	8,3
5	Lithuania	6,040	55,3	41	Ai Cập	4,235	64,3
6	Bỉ	4,725	0,3	42	Libăng	3,967	15,1
7	Tây Ban Nha	4,054	5,8	43	Đài Loan	1,884	31,4
8	Rumania	3,500	22,8	44	Arập Xêut	1,733	-41,9
9	Đan Mạch	2,703	-4,0	45	Jordan	1,728	-19,6
10	Thụy Điển	2,474	1,4	46	UAE	1,597	-2,5
11	Phần Lan	2,018	36,9	47	Lybia	1,584	120,2
12	Síp	1,916	-11,9	48	Ukraine	1,489	-28,2
13	Bồ Đào Nha	1,913	392,7	49	Puetô Rico	1,277	67,4
14	Ba Lan	1,435	-74,8	50	Costa Rica	1,045	45,3
15	Slovenia	1,065	23,5	51	Colombia	0,955	44,2
16	Hy Lạp	1,012	-24,4	51	Syria	0,944	82,6
17	Pháp	0,989	114,0	52	CH Đôminich	0,773	-28,1
18	Bulgaria	0,379	-68,8	53	Iraq	0,716	-7,9
19	Latvia	0,363	23,4	54	Thổ Nhĩ Kỳ	0,590	33,7
20	Croatia	0,265	-71,5	55	Đông Timo	0,587	-36,2
21	Estonia	0,196		56	Algeria	0,484	-53,1
22	Malta	0,170	-35,5	57	Reunion	0,411	2,7
23	Sec	0,101	-87,3	58	Serbia	0,337	-15,0
CPTPP		42,744	1,6	59	Indonesia	0,318	77,9
24	Nhật Bản	13,843	14,5	60	Montenegro	0,308	584,7
25	Canada	13,194	5,3	61	Papua New Guinea	0,255	26,1
26	Mexico	6,027	-22,9	62	Albania	0,244	-43,7
27	Chile	3,426	-42,8	63	Mauritius	0,239	91,2
28	Anh	3,032	21,0	64	Kuwait	0,232	
29	Malaysia	1,238	26,3	65	Argentina	0,216	-70,3
30	Australia	0,921	29,5	66	Ấn Độ	0,214	95.943,9
31	Singapore	0,394	61,8	67	Na Uy	0,213	-23,1
32	New Zealand	0,347	-17,7	68	Martinique	0,180	-40,1
33	Peru	0,300	-75,7	69	Georgia	0,176	1.086,7
34	Brunei	0,023	-48,0	70	Aruba	0,166	-19,7
35	Hàn Quốc	5,802	-18,4	24 TT khác		1,766	-62,6
36	TQ&HK	1,306	27,4	Tổng		349,407	2,9

NHẬP KHẨU CÁ NGỪ CỦA THỤY SĨ, T1 – T3/2025
(Nguồn: ITC)

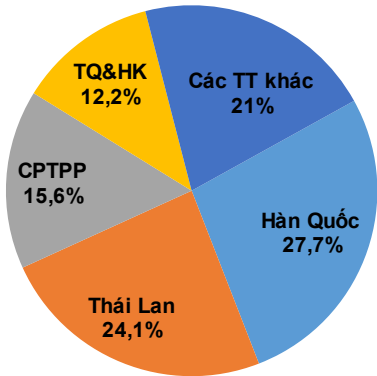
Top nguồn cung cá ngừ chính cho Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT: nghìn USD)			
Nguồn cung	T1 - T3/2024	T1 - T3/2025	Tăng, giảm (%)
TG	16.343	13.481	-18
Thái Lan	7.746	6.198	-20
Italy	2.444	2.179	-11
Tây Ban Nha	1.577	1.004	-36
Ghana	259	560	116
Trung Quốc	971	665	-32
Ecuador	137	363	165
Papua New Guinea	367	386	5
Hàn Quốc	158	305	93
Việt Nam	541	555	3
Pháp	226	226	0
Bồ Đào Nha	259	195	-25
Indonesia	81	120	48
Philippines	422	215	-49
Đức	150	200	33
Áo	38	41	8
Anh	26	49	88
Hà Lan	129	107	-17

Sản phẩm cá ngừ nhập khẩu chính của Thụy Sĩ, T1-T3/2025 (GT: nghìn USD)				
Mã HS	Sản phẩm	T1 - T3/2024	T1 - T3/2025	Tăng, giảm (%)
	Tổng NK	16.343	13.481	-18
160414	Cá ngừ, cá ngừ vằn và cá cam Đại Tây Dương đã được chế biến hoặc bảo quản, nguyên con hoặc cắt miếng (trừ dạng xay nhỏ)	14.164	11.396	-20
030487	Cá ngừ vằn/ sọc dưa phile đông lạnh	1.910	1.729	-9
030239	Cá ngừ đại dương tươi/ ướp lạnh	34	43	26
030232	Cá ngừ vây vàng tươi hoặc ướp lạnh	151	71	-53
030235	Cá ngừ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương tươi/ ướp lạnh	40	44	10
030233	Cá ngừ vằn hoặc cá ngừ sọc dưa tươi/ướp lạnh	1	17	1.600
030234	Cá ngừ mắt to	4	4	0
030342	Cá ngừ vây vàng đông lạnh	22	176	700

THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHẢ CÁ & SURIMI VIỆT NAM TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)

Cơ cấu thị trường NK Chả cá, surimi
từ 1/1-15/5/2025 (GT)



STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)
1	Hàn Quốc	33,411	36,8	TQ&HK			
CPTPP		19,224	20,3	18	Trung Quốc	14,453	31,0
2	Nhật Bản	12,028	38,4	19	Hồng Kông	0,519	48,6
3	Malaysia	3,594	-8,9	20	Mỹ	3,803	-9,8
4	Singapore	2,730	10,5	Các TT khác			
5	Canada	0,434	5,8	21	Thái Lan	29,651	37,2
6	Australia	0,219	-42,0	22	Indonesia	7,028	53,2
7	Anh	0,102	39,5	23	Đài Loan	2,434	23,5
8	Mexico	0,080		24	Philippines	2,019	33,5
9	New Zealand	0,036	1.171,1	25	Nga	0,982	47,0
EU		9,096	44,8	26	Mauritius	0,096	227,2
10	Lithuania	7,440	49,8	27	Thổ Nhĩ Kỳ	0,077	-45,7
11	Tây Ban Nha	0,589	666,9	28	Libăng	0,074	-50,8
12	Italy	0,412	-37,2	29	Colombia	0,056	
13	Pháp	0,312	-22,6	30	Jordan	0,053	2,8
14	Bỉ	0,196	530,7	31	Arập Xêut	0,051	
15	Hà Lan	0,099	51,1	32	Na Uy	0,008	
16	Đức	0,030	-64,2	33	Mongolia	0,006	
17	Thụy Điển	0,018		Tổng		123,048	31,5



Xuất khẩu nghêu tăng trưởng liên tục

Nguyễn Hà

(vasep.com.vn) Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, giá trị XK nghêu của Việt Nam tăng trưởng liên tục trong 4 tháng đầu năm 2025. Tính lũy kế 4 tháng đầu năm 2025, kim ngạch XK nhóm sản phẩm này đạt hơn 37 triệu USD, tăng 44% so với cùng kỳ năm 2024.

XK nhóm sản phẩm này tiếp tục ghi nhận tăng trưởng tốt ở cả thị trường truyền thống và thị trường mới nổi.

Liên minh châu Âu (EU) đang là thị trường NK nhiều nhất nghêu của Việt Nam. Trong đó, Italy tiếp tục dẫn đầu với 10 triệu USD (tính đến 15/5/2025), tăng 39% so với cùng kỳ năm 2024. Tây Ban Nha giữ vị trí thứ

hai với gần 9 triệu USD, mức tương đương so với cùng kỳ năm trước.

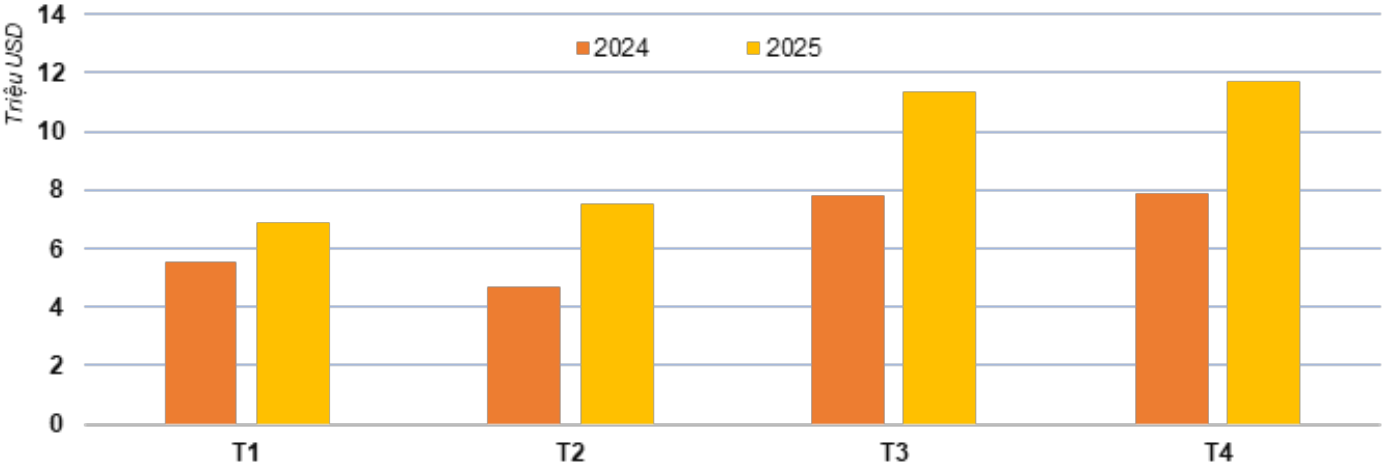
Trong khi, XK sang Trung Quốc đang tăng trưởng phi mã ở mức 3 con số, tăng 381%, trở thành thị trường NK nghêu lớn thứ 3 của Việt Nam với kim ngạch đạt hơn 8 triệu USD. XK sang Mỹ và Hàn Quốc đang tăng trưởng khả quan.

Một số thị trường truyền thống như Hà Lan, Nhật Bản, Anh và Singapore ghi nhận sự sụt giảm, trong đó Hà Lan giảm 56% và Nhật Bản giảm 38%, cho thấy cạnh tranh hoặc thay đổi nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường này.

Hiện tại Việt Nam đang có nhiều vùng nuôi nghêu đạt chứng nhận bền vững như Bến Tre được chứng nhận của Hội đồng Quản lý Biển (MSC), Tiền Giang, Trà Vinh, Nam Định và Ninh Bình được chứng nhận ASC... Các chứng nhận này được xem là “giấy thông hành” để nghêu Việt Nam+ mở rộng ở nhiều thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật, Úc...

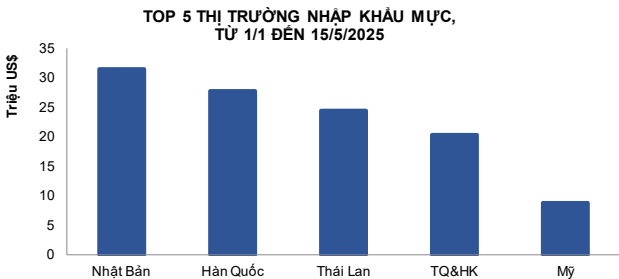
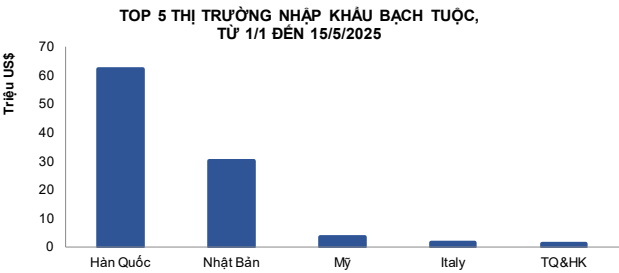
Trong 5 tháng đầu năm 2025, các sản phẩm nghêu Việt Nam đã có mặt tại 49 thị trường trên thế giới. Cùng với những lợi thế về sản xuất trong nước cộng với dư địa lớn về thị trường tiêu thụ, hướng đi bền vững, dự kiến XK mặt hàng này của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan.

XUẤT KHẨU NGHÊU CỦA VIỆT NAM, T1 - T4/2024 - 2025



THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC VIỆT NAM
TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025

Nguồn: VASEP (theo số liệu Hải quan Việt Nam)



STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)	So với cùng kỳ 2024 (%)
1	Hàn Quốc	89,913	8,0	22	Mỹ	12,425	79,2
CPTPP		71,128	22,3	Các TT khác		35,525	32,6
2	Nhật Bản	61,659	22,5	23	Thái Lan	24,703	44,0
3	Malaysia	4,189	5,5	24	Philippines	3,432	187,2
4	Canada	1,530	140,1	25	Đài Loan	2,596	-2,1
5	Australia	1,277	-23,0	26	Arập Xêut	1,307	156,6
6	Anh	0,969	43,8	27	Israel	0,934	-50,1
7	Singapore	0,936	4,3	28	Nga	0,902	-56,1
8	Chile	0,306	-35,9	29	Cămpuchia	0,656	850,8
9	New Zealand	0,176	-9,8	30	Venezuela	0,156	157,1
10	Peru	0,060		31	Libăng	0,123	187,1
11	Mexico	0,026		32	Papua New Guinea	0,121	
TQ và HK		21,377	-4,3	33	Mauritius	0,101	242,6
12	Trung Quốc	19,399	-3,3	34	UAE	0,093	225,6
13	Hồng Kông	1,978	-12,4	35	Reunion	0,081	-12,9
EU		12,454	10,9	36	New Caledoni	0,056	130,8
14	Italy	3,670	8,6	37	Costa Rica	0,055	132,1
15	Tây Ban Nha	3,054	84,1	38	Na Uy	0,035	-30,1
16	Bỉ	1,524	24,2	39	Mongolia	0,031	
17	Hà Lan	1,286	13,2	40	Guam	0,024	165,2
18	Bồ Đào Nha	1,082	16,5	41	QĐ. Bắc Mariana	0,023	247,0
19	Đức	0,868	-13,1	42	Thụy Sĩ	0,018	-29,1
20	Pháp	0,758	-55,6	9 TT khác		0,076	-91,3
21	Lithuania	0,213	245,7	Tổng		242,823	16,4

10 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU MỰC HÀNG ĐẦU TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025					
STT	Thị trường	GT (triệu USD)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)
1	Nhật Bản	31,550	6	Malaysia	4,026
2	Hàn Quốc	27,791	7	Philippines	3,413
3	Thái Lan	24,372	8	Italy	2,246
4	TQ&HK	20,312	9	Đài Loan	2,179
5	Mỹ	8,730	10	Tây Ban Nha	2,041

10 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU BẠCH TUỘC HÀNG ĐẦU TỪ 1/1 ĐẾN 15/5/2025					
STT	Thị trường	GT (triệu USD)	STT	Thị trường	GT (triệu USD)
1	Hàn Quốc	62,122	6	Tây Ban Nha	1,013
2	Nhật Bản	30,109	7	Nga	0,880
3	Mỹ	3,696	8	Hà Lan	0,515
4	Italy	1,424	9	Canada	0,441
5	TQ&HK	1,065	10	Đài Loan	0,417

NHẬP KHẨU MỰC, BẠCH TUỘC CỦA THỤY SĨ, T1 – T3/2025
(Nguồn: ITC)

Top nguồn cung mực, bạch tuộc cho Thụy Sĩ, T1 – T3/2025 (GT: nghìn USD)			
Nguồn cung	T1 - T3/2024	T1 - T3/2025	Tăng, giảm (%)
TG	8.237	8.156	-1
Tây Ban Nha	3.846	3.884	1
Italy	1.901	1.619	-15
Bồ Đào Nha	776	795	2
Pháp	575	635	10
Đức	300	376	25
Ấn Độ	24	83	246
Sri Lanka	151	156	3
Hà Lan	86	57	-34
Bỉ	49	119	143
Chile	0	8	-
Trung Quốc	144	41	-72
Cộng hòa Nam Phi	0	4	-
Mauritania	0	2	-
Morocco	17	39	129

Sản phẩm mực, bạch tuộc nhập khẩu chính của Thụy Sĩ, T1 – T3/2025 (GT: nghìn USD)				
Mã HS	Sản phẩm	T1 – T3/2024	T1 – T3/2025	Tăng, giảm (%)
	Tổng NK	8.237	8.156	-1
030752	Bạch tuộc đông lạnh	2.816	3.012	7
160554	Mực nang, mực ống chế biến	1.216	1.461	20
030743	Mực nang, mực ống đông lạnh	1.604	1.630	2
160555	Bạch tuộc chế biến	1.807	1.150	-36
030742	Mực nang và mực ống sống/ tươi/ ướp lạnh, có vỏ/ không có vỏ	391	408	4
030751	Bạch tuộc sống/ tươi/ ướp lạnh	196	252	29
030759	Bạch tuộc hun khói/ khô/ muối hoặc ngâm nước muối	111	95	-14
030749	Mực nang, mực ống hun khói/ khô/ muối hoặc ngâm nước muối	96	148	54

■ Fuhai Biotech (Trung Quốc) thử nghiệm thức ăn peptide đậu nành thay thế bột cá

(vasep.com.vn) Một thử nghiệm đột phá tại Trung Quốc về peptide đậu nành đã thu hút sự quan tâm của các chuyên gia nuôi trồng thủy sản trong nước và quốc tế bởi nguyên liệu này có khả năng thay thế bột cá với tỷ lệ lên đến 50%.

Đầu năm 2025, Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Jiangsu Fuhai (Fuhai Biotech) đã hoàn thành thử nghiệm kéo dài 80 ngày với thức ăn chứa peptide đậu nành “không bột cá” dành cho cá vượt miệng rộng tại Trung Sơn, tỉnh Quảng Đông. Thử nghiệm đã kết thúc bằng một sự kiện thu hoạch cá, với sự tham dự của hơn 40 chuyên gia đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu và công ty sản xuất thức ăn thủy sản hàng đầu Trung Quốc.

Tiềm năng của peptide đậu nành

Thử nghiệm này mang ý nghĩa toàn cầu, giới thiệu một công thức thức ăn đột phá thay thế bột cá bằng 50% peptide đậu nành. Tỷ lệ thay thế bột cá thông thường chỉ vài phần trăm sẽ không thể thu hút được sự quan tâm rộng rãi đến vậy.

Kết thúc cuộc thử nghiệm, các nhà nghiên cứu đã thưởng thức món cá hấp được chế biến không sử dụng gia vị hay nước sốt. Tất cả đều nhất trí khen ngợi hương vị thơm ngon, kết cấu săn chắc và không có mùi tanh. Các chuyên gia cũng khuyến khích Fuhai Biotech mở rộng các giải pháp của mình để đáp ứng nhu cầu của ngành nuôi trồng thủy sản toàn cầu.

Sản phẩm của Fuhai sở hữu cấu trúc viên nang lipid phủ peptide độc đáo, giúp tăng khả năng tiêu hóa và bảo vệ lipid khỏi quá trình oxy hóa. Với hàm lượng lipid lên đến 20%, nhu cầu phun dầu bên ngoài có thể được

giảm thiểu hoặc loại bỏ hoàn toàn, từ đó hạn chế nguy cơ ôxy hóa dầu trong quá trình bảo quản, đặc biệt là tại các trang trại nuôi trồng khi được áp dụng đúng cách.

Chuyên gia tham dự nhấn mạnh việc thay thế bột cá là khả thi và peptide đậu nành tỷ lệ cao an toàn và hiệu quả. Các thử nghiệm về thức ăn không bột cá của Fuhai Biotech, bao gồm một thử nghiệm quy mô lớn trên Đảo Seagull ở Quảng Châu vào năm 2023 và gần đây tại Trung Sơn, đều cho kết quả tích cực. Cá được nuôi bằng chế độ ăn thay thế có tỷ lệ ăn vào cao, sức khỏe tốt và không có dấu hiệu viêm ruột. Điều này chứng tỏ mức độ sử dụng peptide đậu nành thấp hơn sẽ càng an toàn và dễ áp dụng ở quy mô rộng rãi hơn.

(Theo Weareaquaculture)

■ Cargill rút khỏi mảng thức ăn thủy sản tại Việt Nam sau gần 30 năm

Tập đoàn Cargill vừa quyết định rút khỏi mảng kinh doanh thức ăn thủy sản tại Việt Nam, kết thúc gần 30 năm hiện diện trong lĩnh vực này trên thị trường nước ta.

Theo thông tin từ S&P Global, Cargill - một ‘đại gia’ nông nghiệp Mỹ đã rút khỏi mảng thức ăn thủy sản ở Việt Nam từ đầu tháng 5/2025.

Cargill sẽ đóng cửa hai nhà máy thức ăn thủy sản ở tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Long An, đồng thời đóng cửa trung tâm ứng dụng công nghệ thủy sản tại tỉnh Tiền Giang.

Trước khi rút lui khỏi ngành thức ăn thủy sản, Cargill đã đầu tư khoảng 160 triệu USD ở Việt Nam với 12 nhà máy thức ăn thủy sản và thức ăn gia súc gia cầm, đạt công suất 1,6 triệu tấn/năm.

Số liệu của Cục Thống kê cho thấy sản lượng thủy sản hàng năm (nuôi trồng và đánh bắt) tăng dần qua các

năm. Sản lượng thủy sản nuôi trồng cũng tăng và tỉ trọng ngày càng lớn, từ 53,6% tổng năm 2018 lên 60% tổng năm 2024.

Sản lượng thức ăn thủy sản cũng tăng, nhưng giảm trong 2 năm 2020 và 2021, cũng là 2 năm thực hiện chống dịch Covid-19.

Ngành thức ăn thủy sản ở Việt Nam đang có sự cạnh tranh lớn với nhiều doanh nghiệp nổi tiếng, bao gồm C.P. (Thái Lan), Grobest (Đài Loan, Trung Quốc), Japfa (Indonesia), BioMar (Việt Nam-Úc), Sunjin (Hàn Quốc), CJ (Hàn Quốc), Uni-President (Đài Loan, Trung Quốc), YueHai (Trung Quốc), Tập đoàn Thăng Long (Việt Nam-Trung Quốc).

Một số doanh nghiệp của Việt Nam trên thị trường này là Tập đoàn Sao Mai (HoSE: ASM), Mavin, Greenfeed.

Một số dự án lớn gần đây trong ngành là Tập đoàn Thăng Long khánh thành nhà máy Hải Dương vào tháng 5/2024, nâng tổng công suất năm lên 700.000 tấn; YueHai khởi công xây dựng nhà máy Vĩnh Long tháng 4/2024 với công suất 200.000 tấn/năm.

Trước khi Cargill rời ngành thức ăn thủy sản, một công ty có động thái giảm hoạt động ở Việt Nam là Tong Wei (Trung Quốc) giảm công suất nhà máy Tiền Giang từ 300.000 tấn/năm về 220.000 tấn/năm vào năm 2015.

(Tổng hợp)



■ Nga: Sản lượng khai thác thủy sản vượt 2 triệu tấn vào cuối tháng 5/2025

(vasep.com.vn) Theo cơ quan thủy sản liên bang Rosrybolovstvo, sản lượng đánh bắt thủy sản của Nga đã vượt quá 2 triệu tấn trong 5 tháng đầu năm.

Sản lượng đánh bắt đã đạt 2,039 triệu tấn. Cùng thời điểm này năm ngoái, báo cáo cho biết sản lượng đánh bắt đã đạt 2,18 triệu tấn.

Ở vùng Viễn Đông của nước này, sản lượng đánh bắt năm 2025 đã đạt 1,57 triệu tấn. Ở khu vực phía Bắc, họ đạt 144.400 tấn, bao gồm 87.700 tấn cá tuyết, trong khi sản lượng đánh bắt ở phía Tây đạt hơn 43.000 tấn. Trong khi đó, tổng sản lượng đánh bắt ở vùng đặc quyền kinh tế của các quốc gia khác và vùng biển quốc tế đạt 211.200 tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm ngoái, theo Rosrybolovstvo.

Tính đến ngày 3/6, sản lượng đánh bắt cá minh thái của Nga đạt 1,12 triệu tấn. Một năm trước đó đã nói rằng sản lượng đánh bắt cá minh thái là 1,13 triệu tấn.

Tính đến thời điểm hiện tại, sản lượng đánh bắt cá trích Thái Bình Dương (herring) được báo cáo là 247.800 tấn (giảm so với cùng kỳ năm trước là 261.700 tấn) và sản lượng đánh bắt cá tuyết Thái Bình Dương là 60.800 tấn.

Cơ quan này cho biết, giá trong nước vẫn còn biến động trái chiều khi đưa ra đánh giá chính thức về giá bán buôn trong nước.

Tại các vùng Viễn Đông, giá cá minh thái đã giảm xuống còn 132 RUB (1,62 USD)/kg tính đến ngày 2/6, giảm 4% so với đầu năm.

Giá cá trích Thái Bình Dương được báo cáo ở mức 120 RUB/kg, giảm 20% kể từ đầu năm 2025, và giá cá tuyết Thái Bình Dương lên tới 450 RUB/kg, tăng 28,6% so với đầu năm nay.

Tại các vùng miền Trung của Nga,

giá cá minh thái giảm xuống còn 157 RUB/kg, không đổi so với mức giá trước đó nhưng giảm 1,9% so với ngày 1/1. Giá cá trích Đại Tây Dương được đánh giá ở mức 200 RUB/kg, giảm 7% so với đầu năm.

Tại các vùng Tây Bắc của Nga, giá cá tuyết Đại Tây Dương đạt 540 RUB/kg, tăng 0,9% so với ngày 1/1, trong khi giá cá trích Đại Tây Dương được báo cáo ở mức 187 RUB/kg, giảm 7,9% so với đầu năm 2025.

Các nhà xuất khẩu phía Bắc vẫn nhắm tới EU

Trong khi đó, các nhà xuất khẩu thủy sản Nga từ các khu vực phía Bắc vẫn tiếp tục ưu tiên thị trường EU trong năm tháng đầu năm 2025, vận chuyển 40.400 tấn đến khối này bất chấp các hạn chế thương mại đang diễn ra, các cơ quan nông nghiệp Nga cho biết.

Tổng lượng xuất khẩu thủy sản từ các vùng phía bắc của Nga đạt 50.700 tấn trong 5 tháng đầu năm nay, theo sở liên vùng Severomorskoye của Rosselkhozadzor, cơ quan giám sát nông nghiệp của nước này. EU chiếm khoảng 80% các lô hàng phía bắc này, mặc dù cơ quan này không cung cấp số liệu so sánh theo năm.

Trung Quốc là điểm đến lớn thứ hai cho xuất khẩu hải sản ở miền bắc nước Nga với 6.600 tấn trong giai đoạn năm tháng, bao gồm 61 tấn của Kamchatka sống được vận chuyển bằng đường hàng không. Các khu vực phía Bắc của Nga cũng XK thủy sản sang Hàn Quốc, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất và Uruguay.

Cá đông lạnh chiếm gần ba phần tư tổng khối lượng xuất khẩu hải sản của Nga, trong đó cá minh thái, cá trích và cua là những sản phẩm dẫn đầu.

Hiệu suất xuất khẩu hải sản nói chung của Nga đã giảm so với những năm trước. Tổng kim ngạch xuất khẩu hải sản quốc gia giảm xuống còn 1,9 triệu tấn vào năm 2024, trị giá 4,9 tỷ USD, theo Rosrybolovstvo.

Con số này cho thấy sự sụt giảm đáng kể so với năm 2023, khi Nga xuất khẩu 2,56 triệu tấn thủy sản trị giá 5,8 tỷ USD. Khối lượng năm 2023 tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù giá trị xuất khẩu giảm 5,6% so với năm 2022.

(Theo UCN)

■ Nhật Bản đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản 7,8 tỷ USD vào năm 2030

(vasep.com.vn) Chính phủ Nhật Bản đã sửa đổi chiến lược quốc gia nhằm thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản, đặt mục tiêu xuất khẩu thủy sản mới là 1,1 nghìn tỷ yên (7,8 tỷ USD) vào năm 2030, tăng mạnh so với mức 360,9 tỷ yên vào năm 2024.

Kế hoạch cập nhật, được phê duyệt tại cuộc họp cấp nội các vào ngày 30/5, là một phần của sáng kiến mở rộng xuất khẩu rộng hơn với mục tiêu đạt 5 nghìn tỷ yên trên tất cả các lĩnh vực nông sản - thực phẩm vào cuối thập kỷ này.

Chính phủ cho biết sò điệp, cá cam và cá tráp biển vẫn là những mặt hàng được ưu tiên, và hầu hết đã được thêm vào danh sách các sản phẩm chiến lược.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu có giá trị lớn nhất của Nhật Bản là sò điệp, dự kiến sẽ tăng từ 87,2 tỷ yên vào năm 2024 lên 138,5 tỷ yên vào năm 2030.

Trong tổng số lô hàng sò điệp, dự kiến 30,4 tỷ Yên từ thị trường Hoa Kỳ và 28,7 tỷ Yên từ Trung Quốc. Chính phủ có kế hoạch tiếp tục vận chuyển trực tiếp sò điệp đông lạnh chất lượng cao (tamarei) đến Hoa Kỳ, bỏ qua các trung tâm chế biến của Trung Quốc. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ năm 2024 đạt 20,6 tỷ Yên.

Nhật Bản cũng đã tích cực đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sò điệp của mình kể từ tháng 8/2023, khi Trung Quốc áp đặt lệnh cấm toàn diện đối với việc nhập khẩu thủy sản của Nhật Bản để ứng phó với việc xả nước phóng xạ đã qua xử lý từ Nhà máy điện hạt nhân Fukushima Daiichi ra đại dương.

Nhật Bản và Trung Quốc đã đạt được thỏa thuận mới đây về việc dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu hải sản Nhật Bản của Bắc Kinh, mở ra cánh cửa cho sự tăng trưởng mới trên thị trường Trung Quốc.

Cá đuối vàng nuôi cũng là một trọng tâm lớn khác, với mục tiêu xuất khẩu năm 2030 đạt 73,6 tỷ yên, tăng so với mức 6,9 tỷ yên vào năm 2024.

Trong khi Hoa Kỳ vẫn là điểm đến hàng đầu với mục tiêu đạt 35,9 tỷ Yên vào năm 2030, thì mức tăng trưởng dự kiến sẽ còn mạnh hơn nữa ở Hàn Quốc, nơi chính phủ đặt mục tiêu tăng kim ngạch xuất khẩu từ 7,6 tỷ Yên vào năm 2024 lên 13,6 tỷ Yên vào năm 2030 nhờ nhu cầu về hàng hóa sống tăng.

Đối với cá tráp đỏ nuôi, mục tiêu là tăng gấp ba lần kim ngạch xuất khẩu lên 20,4 tỷ yên vào năm 2030 từ mức 6,9 tỷ yên vào năm 2024, bất chấp những lo ngại về hiện tượng thủy triều đỏ tại các địa điểm nuôi.

Hàn Quốc vẫn là điểm đến chính, với mục tiêu tăng gấp đôi kim ngạch xuất khẩu lên 10 tỷ Yên. Kim ngạch xuất khẩu sang Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng lên 2,7 tỷ Yên vào năm 2030, giảm nhẹ so với mục tiêu trước đó là 3 tỷ Yên vào năm 2025.

Hàu, sản phẩm mới được chỉ định là sản phẩm xuất khẩu chiến lược, dự kiến sẽ tăng trưởng lên 9,3 tỷ yên vào năm 2030 từ mức 6,2 tỷ yên vào năm 2024.

Đài Loan hiện là nước nhập khẩu lớn nhất, mua 2,3 tỷ Yên vào năm ngoái, với mục tiêu là 3,4 tỷ Yên. Hồng Kông

đứng thứ hai với 1,9 tỷ Yên vào năm 2024, mục tiêu đạt 2,9 tỷ Yên.

Nhật Bản sẽ thúc đẩy sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn cung ứng của các nhà bán lẻ địa phương lớn, bao gồm chứng nhận nuôi trồng thủy sản bền vững. Chính phủ cũng đang xem xét thành lập một hiệp hội xuất khẩu hải chuyên dụng để tăng cường các nỗ lực thúc đẩy.

Chiến lược này cũng kêu gọi tăng số lượng cơ sở chế biến thủy sản được chấp thuận để xuất khẩu. Đến năm 2030, Nhật Bản đặt mục tiêu có 840 nhà máy được chứng nhận cho Hoa Kỳ (tăng từ 606 vào năm 2024), 1.250 cho Việt Nam (885), 1.000 cho Trung Quốc (952) và 180 cho EU (128).

(Theo UCN)

■ FAO công bố đánh giá toàn cầu chi tiết về trữ lượng hải sản

(vasep.com.vn) Theo báo cáo được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO) công bố tại Hội nghị Đại dương của Liên hợp quốc, một số nghề cá biển trên thế giới đang phục hồi nhờ sự quản lý dựa trên khoa học, nhưng nhiều nghề cá khác vẫn đang chịu nhiều áp lực.

Báo cáo cho biết điều này cho thấy hiệu quả quản lý có thể đi xa đến đâu và những thành quả đó cần được nhân rộng một cách cấp bách như thế nào.

“Đánh giá tình hình nguồn lợi thủy sản biển thế giới -- 2025” báo cáo về tính bền vững sinh học của 2.570 đàn cá riêng lẻ, tăng đáng kể so với các phiên bản trước của báo cáo. Được hơn 650 chuyên gia từ hơn 200 tổ chức và hơn 90 quốc gia thông tin, báo cáo phân tích xu hướng trên tất cả các khu vực đánh bắt cá biển của FAO và cung cấp bức tranh rõ ràng nhất cho đến nay về tình hình đánh

bắt cá biển toàn cầu.

Báo cáo xác nhận rằng 64,5% tổng trữ lượng thủy sản được khai thác trong phạm vi bền vững về mặt sinh học, với 35,5% trữ lượng được phân loại là khai thác quá mức. Khi được cân nhắc theo mức sản lượng của chúng, 77,2% sản lượng thủy sản trên toàn cầu đến từ trữ lượng bền vững về mặt sinh học, FAO cho biết.

Ở các vùng đánh bắt cá biển được quản lý nghề cá hiệu quả, tỷ lệ bền vững vượt xa mức trung bình toàn cầu. Ví dụ, ở Đông Bắc Thái Bình Dương, 92,7% trữ lượng được đánh bắt bền vững.

“Quản lý hiệu quả vẫn là công cụ mạnh mẽ nhất để bảo tồn nguồn lợi thủy sản. Đánh giá này cung cấp sự hiểu biết toàn diện chưa từng có, cho phép đưa ra quyết định sáng suốt hơn dựa trên dữ liệu”, Qu Dongyu, Tổng giám đốc FAO cho biết. “Báo cáo này cung cấp cho các chính phủ bằng chứng họ cần để định hình chính sách và phối hợp chặt chẽ”.

Cơ quan chứng nhận Hội đồng Quản lý Biển (MSC) hoan nghênh đánh giá toàn cầu mới của FAO là “bước tiến thực sự”.

Trong khi một số khu vực cho thấy sự tiến bộ thực sự, những khu vực khác vẫn chịu áp lực lớn, báo cáo lưu ý. Ở Đông Nam Thái Bình Dương, chỉ có 46% trữ lượng được đánh bắt bền vững, trong khi Đông Trung Đại Tây Dương là 47,4%.

(Theo UCN)

■ Xuất khẩu thủy sản của Anh tăng 13%

(vasep.com.vn) Xuất khẩu thủy sản của Vương quốc Anh đã tăng vọt 13% lên mức kỷ lục 1,98 tỷ bảng Anh (2,67 tỷ USD) vào năm 2024 mặc dù các rào cản liên quan đến Brexit vẫn tiếp tục cản trở thương mại với EU.

Theo Seafish, một cơ quan công của Anh, hiệu suất xuất khẩu thủy sản của Vương quốc Anh vượt xa thương mại hàng hóa nói chung, giảm 4,9% vào năm ngoái, nhấn mạnh khả năng phục hồi của ngành này trước những thách thức của thương mại toàn cầu.

Cá hồi dẫn đầu đợt tăng trưởng xuất khẩu, với các lô hàng tăng vọt 42% lên 947 triệu bảng Anh, được thúc đẩy bởi nhu cầu mạnh mẽ từ EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc. Seafish cho biết sự tăng trưởng này được hỗ trợ bởi tỷ lệ sống sót của cá được cải thiện sau khoản đầu tư phúc lợi trị giá 975 triệu bảng Anh kể từ năm 2018, đẩy tỷ lệ sống sót lên 82,3% - mức cao nhất kể từ năm 2020.

Báo cáo nêu rõ: "Xuất khẩu thủy sản của Vương quốc Anh tiếp tục tăng trưởng vào năm 2024, chủ yếu nhờ vào thành tích xuất khẩu cá hồi và cá thu mạnh mẽ sang các thị trường trọng điểm như EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc".

Các loài cá biển bao gồm cá thu và cá trích cũng có kết quả kinh doanh tốt, với khối lượng xuất khẩu tăng 19%. EU vẫn là điểm đến hàng đầu cho xuất khẩu thủy sản của Vương quốc Anh với 67% thị phần, bất chấp căng thẳng thương mại đang diễn ra.

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu động vật có vỏ giảm 5,1% xuống còn 467,6 triệu bảng Anh, do doanh số bán cua, mực nang và tôm hùm sang EU giảm mạnh, mặc dù doanh số tăng ở thị trường châu Á cũng giúp cải thiện phần nào.

Nhập khẩu tăng

Về phía nhập khẩu, lượng thủy sản mua vào của Anh tăng 1,6% lên 3,8 tỷ bảng Anh, với khối lượng tăng 4,1% lên 1,16 triệu tấn, do nhu cầu tiêu dùng trong nước phục hồi sau nhiều năm khó khăn.

Cá ngừ chiếm ưu thế trong tăng trưởng nhập khẩu, tăng vọt 15% lên 223.200 tấn khi Ecuador nổi lên như một nhà cung cấp chính và Trung

Quốc lần đầu tiên thâm nhập thị trường cá ngừ của Anh với 4% thị phần.

Báo cáo lưu ý rằng "Các loài cá nước ngọt, đặc biệt là cá ngừ, có mức tăng trưởng mạnh nhất, trong khi cá thịt trắng tăng trưởng ít nhưng vẫn là loài có số lượng lớn nhất".

Nhập khẩu tôm nước ấm cũng tăng mạnh, với nguồn cung từ Việt Nam, Ecuador và Honduras tăng mạnh, giúp bù đắp sự sụt giảm từ các nhà cung cấp truyền thống như Ấn Độ.

Rào cản Brexit vẫn tồn tại

Bất chấp những con số tiêu đề tích cực, các rào cản thương mại liên quan đến Brexit vẫn tiếp tục đè nặng lên thương mại Anh-EU. Liên đoàn Thực phẩm và Đồ uống báo cáo rằng xuất khẩu thực phẩm và đồ uống của Anh sang EU giảm trung bình 19,8% từ năm 2020-2024 so với năm 2015-2019.

Chính phủ đã theo đuổi một thỏa thuận vệ sinh và kiểm dịch thực vật mới với EU để nới lỏng những rào cản này, trong khi việc Vương quốc Anh tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương vào năm 2024 cũng mang đến những cơ hội thị trường mới.

Rủi ro thuế quan sắp tới

Nhìn về phía trước, các chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ gây ra rủi ro cho năm 2025. Trong khi Vương quốc Anh đảm bảo được một lợi thế nhỏ so với Na Uy - phải đối mặt với mức thuế 10% so với mức thuế 15% đối với các nhà xuất khẩu Na Uy - Canada vẫn giữ được lợi thế đáng kể với mức thuế quan bằng 0 theo Hiệp định Hoa Kỳ-Mexico-Canada.

Seafish cảnh báo: "Nhìn chung, ngành này phải đối mặt với tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động gia tăng khi các quốc gia điều chỉnh theo bối cảnh thuế quan mới".

(Theo UCN)

Vụ hệ khai thác bạch tuộc tại Maroc bắt đầu vào tháng 7/2025

(vasep.com.vn) Đợt nắng nóng trên biển đã dẫn đến sự gia tăng đột biến của quần thể bạch tuộc ở eo biển Manche.

Bộ Thủy sản Maroc đã công bố gia hạn lệnh cấm đánh bắt bạch tuộc cho toàn bộ bờ biển quốc gia, bao gồm cả các tàu thủ công quy mô nhỏ hoạt động ở phía nam Sidi L'Ghazi cho đến ngày 30/6/2025.

Mùa đánh bắt bị trì hoãn khi giá bạch tuộc tăng vọt lên mức cao, do nhu cầu tăng mạnh từ thị trường trong nước và quốc tế. Một nhà chế biến của Tây Ban Nha gần đây đã niêm yết một khối bạch tuộc đông lạnh trên đất liền có kích thước T3 có nguồn gốc từ khu vực Boujdout/Dakhla, miền nam Maroc, với giá 15,80 EUR/kg. Kích thước T4 có cùng đặc điểm được niêm yết với giá 14,80 EUR/kg.

Việc kéo dài lệnh đóng cửa đánh bắt cá của Morocco nhằm mục đích bảo vệ nguồn lợi bạch tuộc và đảm bảo quản lý bền vững các nguồn tài nguyên biển. Mùa đánh bắt cá mùa đông của quốc gia này đã kết thúc vào cuối tháng 3 và dự kiến sẽ tiếp tục vào tháng 6 hoặc tháng 7.

Trong khi đó, một đợt nắng nóng trên biển đang bao trùm một số khu vực của châu Âu, đặc biệt là xung quanh Quần đảo Anh và Tây Bắc Âu, đã làm tăng số lượng bạch tuộc ở Eo biển Manche.

Đợt nắng nóng đã tạo ra điều kiện lý tưởng cho bạch tuộc, loài có số lượng tăng vọt ở Eo biển Manche. Mặc dù đây là một lợi ích cho ngư dân, nhưng nó lại gây thiệt hại cho ngành đánh bắt động vật thân mềm, vì bạch tuộc ăn cua và các loài khác.

(Theo UCN)

BÁO CÁO

XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM QUÝ I/2025

Ấn phẩm Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam Quý I/2025 là tài liệu chuyên sâu cung cấp bức tranh toàn cảnh về tình hình thương mại thủy sản Việt Nam và thế giới trong 3 tháng đầu năm 2025.

Báo cáo gồm 2 phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh

Dự kiến ra mắt vào cuối tháng 04/2025



Nội dung báo cáo với dung lượng gần 100 trang, 100 biểu đồ + bảng số liệu, bao gồm 6 chương cho từng ngành hàng: Tôm 🦐, Cá tra 🐟, Cá ngừ 🐟, Mực, bạch tuộc 🐙 và một số mặt hàng hải sản khác 🐠...

- ✓ Thống kê sản lượng, diện tích nuôi trồng, khai thác và giá nguyên liệu thủy sản theo từng ngành hàng trong quý I/2025;
- ✓ Tình hình xuất khẩu theo tháng và quý I/2025, giá xuất khẩu và tăng trưởng từng sản phẩm theo từng thị trường chính;
- ✓ Danh sách **Top doanh nghiệp xuất khẩu** theo ngành hàng và thị trường (Mỹ, Nhật, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc...); Top 100 DN XK thủy sản lớn nhất trong quý I/2025
- ✓ Phân tích nhập khẩu thủy sản vào Việt Nam và các thị trường trọng điểm;
- ✓ So sánh năng lực cạnh tranh của Việt Nam với các quốc gia xuất khẩu lớn khác;
- ✓ Nhận định xu hướng, cơ hội - thách thức mới của ngành và **dự báo sản xuất, xuất khẩu quý II và cả năm 2025.**

👉 Đăng ký ngay ấn phẩm thủy sản mới nhất để nắm bắt sâu hơn về ngành thủy sản Việt Nam, từ đó giúp DN phân tích thị trường và có cơ sở xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng giai đoạn trong thời gian tới.

Kế hoạch dự kiến phát hành

Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam năm 2025:

	Tiếng Việt	Tiếng Anh
- Báo cáo Quý I	29/04/2025	12/05/2025
- Báo cáo Quý II	31/07/2025	11/08/2025
- Báo cáo Quý III	31/10/2025	10/11/2025
- Báo cáo Quý IV	31/01/2026	10/02/2026



TRUNG TÂM ĐÀO TẠO & XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VASEP (VASEP.PRO)

Tel: 024 3835 4496 - Ext 212 - Fax: 024 3771 5084

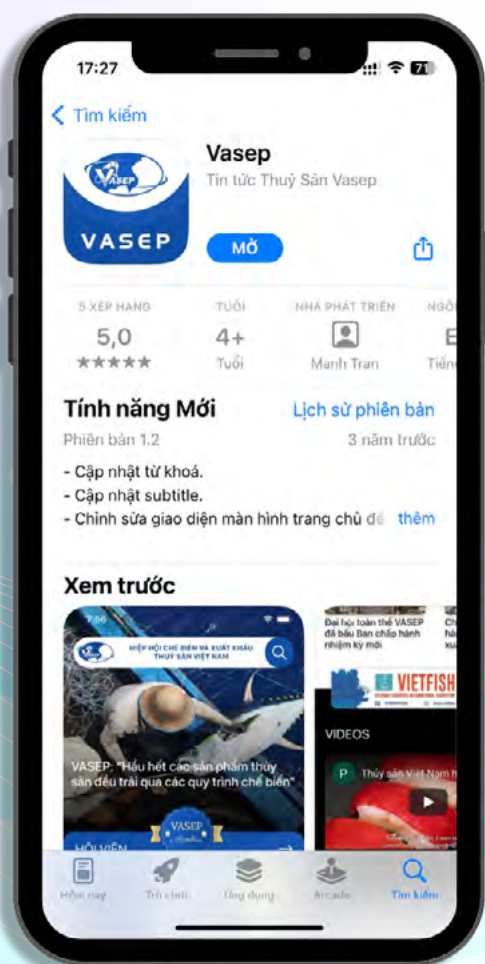
Nguyễn Thu Trang - Mobile: 0868 093 697 - 0906 151 556

www.vasep.com.vn

APP VÀ ZALO VASEP

Tin tức về thủy sản của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)

- Cập nhật báo điện tử của hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam VASEP thuận tiện và dễ dàng hơn với ứng dụng mobile.
- Cung cấp nguồn tin chính thống từ VASEP.
- Mang đến trải nghiệm tốt hơn cho người dùng trên di động thay vì dùng web.
- Thông báo kịp thời khi có tin, bài viết nóng trên hệ thống.



Official Account



Chỉ đạo thực hiện

Tổng Thư ký VASEP Nguyễn Hoài Nam

Chịu trách nhiệm nội dung

Phó Tổng Thư ký VASEP Lê Hằng

Thực hiện bởi VASEP.PRO

Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Công Hoan,
P. Ngọc Khánh Q. Ba Đình - Hà Nội
Tel: (024) 38354496 - Fax: (024) 37715084
Email: vasep.pro@vasep.com.vn
Website: www.vasep.com.vn

Trưởng Ban Biên tập

Phùng Thị Kim Thu
Tel: (024) 37715055 (ext. 203)
Mobile: 0977 859 495
Email: kimthu@vasep.com.vn

Ban Biên tập

Phùng Thị Kim Thu
Lê Thị Bảo Ngọc
Nguyễn Thị Vân Hà
Nguyễn Thị Thu Hằng

Hỗ trợ biên tập

Nguyễn Quang Khải

Dàn trang

Đỗ Anh Đức

PHỤ TRÁCH PHÁT HÀNH:

Nguyễn Thu Trang
Mobile: 0906 151 556 - 0868 093 697
Tel: (024) 38354496 (ext. 212)
Email: nguyentrang@vasep.com.vn

Bản quyền của VASEP

All rights reserved.

*Quotations or copying in whole or part only
by prior agreement with VASEP*



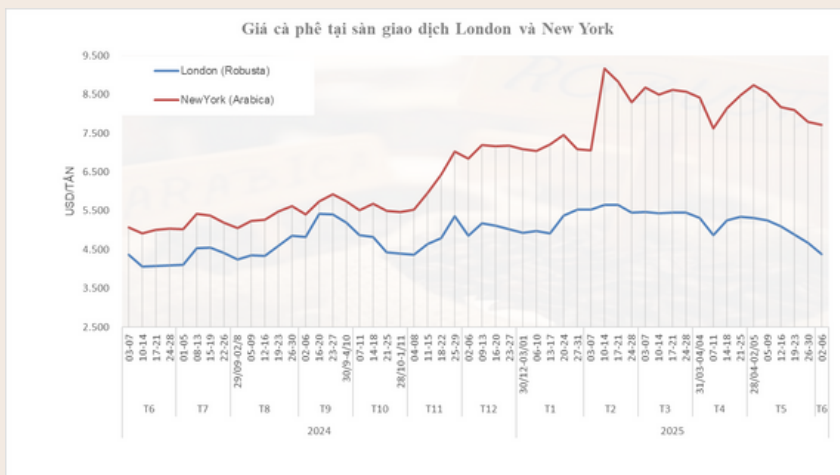
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Trong tuần giá cà phê trên hai sàn giao dịch London và sàn giao dịch New York tiếp tục có xu hướng giảm do lượng tồn kho của ICE tăng
- Tháng 4/2025, xuất khẩu toàn cầu đạt 11,43 triệu bao, giảm 5,50% so với cùng kỳ năm 2024.
- Xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 4/2025 đạt 694.318 bao, tăng 77,44% so với cùng kỳ năm trước (303.011 bao).
- Tính đến ngày 26/5/2025, Brazil đã thu hoạch khoảng 23,4% sản lượng cà phê Robusta trong niên vụ này.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI GIẢM

Trong tuần 02/06/2025 đến 06/06/2025, giá cà phê thế giới giảm so với tuần trước trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 7/2025 tại thị trường London đạt 4.379 USD/tấn, giảm 6,2% so với tuần trước và tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.423 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.318 USD/tấn. [1] Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 7/2025 bình quân đạt 7.713 USD/tấn, giảm 1% so với mức giá tuần trước, và tăng 51,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.931 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.514 USD/tấn.[1]

Nguyên nhân chính của việc sụt giảm được cho là vì lượng cà phê tồn kho của ICE tiếp tục tăng trong tuần này. Lượng cà phê Robusta tồn kho của ICE đã tăng lên mức cao nhất trong 8 tháng là 5.438 lot, tính đến ngày 30 tháng 5. Trong khi đó, lượng Arabica tồn kho đã tăng mức cao nhất trong 4 tháng qua là 892.468 bao tính đến ngày 03/06/2025. [2]

UNGANDA

Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA) báo cáo rằng xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong tháng 4/2025 đạt 694.318 bao, tăng 77,44% so với cùng kỳ năm trước (303.011 bao). Xuất khẩu cà phê Robusta tăng mạnh 104,63%, đạt 594.188 bao, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica giảm nhẹ 0,80%, đạt 100.130 bao trong cùng tháng.[2]

Ngoài ra, UCDA cũng cho biết xuất khẩu lũy kế trong 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/2025 (từ



tháng 10/2024 đến tháng 9/2025) đạt 3.756.292 bao, tăng 27,81% (tương đương 817.294 bao) so với cùng kỳ niên vụ trước.[2]

Uganda – quốc gia sản xuất Robusta hàng đầu châu Phi – được dự báo sẽ sản xuất khoảng 5,85 triệu bao trong niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025 đến tháng 9/2026), với lượng xuất khẩu dự kiến đạt khoảng 5,50 triệu bao, tương đương khoảng 10% tổng xuất khẩu Robusta toàn cầu.[2]

BRAZIL

Theo StoneX và dữ liệu từ thực địa, vụ thu hoạch cà phê Robusta (bao gồm giống Conilon) tại Brazil niên vụ 2025 đang đạt tiến độ nhanh và có khả năng vượt mức dự báo ban đầu. Tính đến ngày 26/5/2025, khoảng 23,4% sản lượng dự kiến đã được thu hoạch. Riêng tại bang Espírito Santo – vùng sản xuất Robusta trọng điểm, hợp tác xã Coaabriel ước tính đã hoàn thành khoảng 25% khối lượng thu hoạch.[4]

Dự báo sản lượng cà phê Robusta tại bang này có thể vượt 17 triệu bao loại 60kg, so với mức 16 triệu bao của vụ mùa 2022. Một số nguồn công và tư nhân đều cho rằng Brazil có thể đạt sản lượng Robusta kỷ lục trong năm nay, bất chấp mưa trái mùa không gây tác động tiêu cực rõ rệt. Ngược lại, thời tiết hiện tại có thể hỗ trợ tích cực cho vụ mùa năm 2026.[4]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ THẾ GIỚI THÁNG 4/2025.

Theo báo cáo tháng 4/2025 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), tổng lượng cà phê xuất khẩu toàn cầu trong tháng đạt 11,43 triệu bao, giảm 5,50% so với cùng kỳ năm 2024

Sự sụt giảm này chủ yếu do lượng xuất khẩu từ Brazil – quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới – giảm mạnh. [5]

Tính lũy kế trong 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2024/2025 (tháng 10/2024 đến tháng 4/2025), xuất khẩu cà phê toàn cầu đạt 78,51 triệu bao, thấp hơn 3,50% so với cùng kỳ năm trước.[5]

Khu vực châu Á ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu tích cực, với Việt Nam, Ấn Độ và Indonesia đạt tổng cộng 4,14 triệu bao, tăng 8,30% so với tháng 4 năm ngoái. [5]

Xuất khẩu từ châu Phi cũng tăng mạnh 30,20%, đạt 1,80 triệu bao. Khu vực Trung Mỹ và Mexico ghi nhận mức tăng 4,10%, đạt 1,78 triệu bao.

Ngược chiều xu thế, khu vực Nam Mỹ chứng kiến sự suy giảm mạnh với tổng xuất khẩu tháng 4 chỉ đạt 3,71 triệu bao, giảm 28,40% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, Brazil đóng góp phần lớn sự sụt giảm với mức giảm 34,10%, chỉ đạt 2,81 triệu bao, do ảnh hưởng của tắc nghẽn hậu cần, tồn kho giảm.[5]

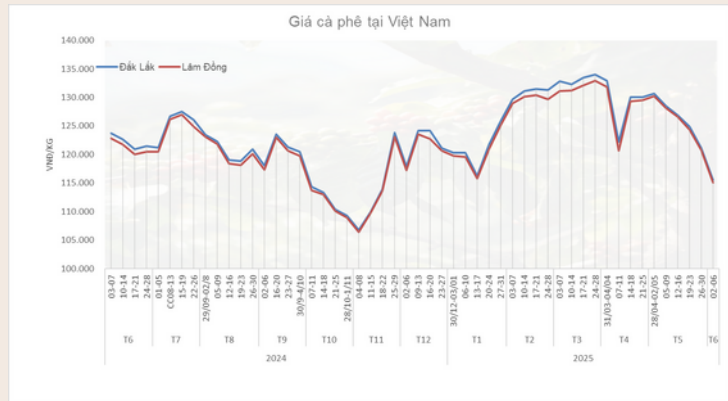




DIỂM TIN

- Giá cà phê trong nước tiếp tục giảm do ảnh hưởng của thị trường cà phê thế giới
- 15 ngày đầu tháng 5 năm 2025, Việt Nam đã xuất khẩu được khoảng 68.400 tấn cà phê nhân, giá trị 373 triệu USD
- 4 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê Excelsa giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến tăng.
- Huyện Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng) triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi giống cà phê với tổng kinh phí gần 373,3 triệu đồng.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ GIẢM TRONG TUẦN

Trong tuần 02/06/2025 đến 06/06/2025, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 115.493 VNĐ/kg, giảm 4,6% so với tuần trước, và giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.433 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 115.020 VNĐ/kg, giảm 4,7% so với tuần trước, và giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.000 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 113.500 VNĐ/kg. [1]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ 4 THÁNG 2025.

4 tháng đầu năm 2025, lượng xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê Excelsa giảm so với cùng kỳ năm 2024, trong khi xuất khẩu cà phê Arabica và cà phê chế biến tăng. Điều đó cho thấy ngành cà phê Việt Nam đang chuyển đổi theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị gia tăng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. [2]

Xuất khẩu cà phê Robusta lớn nhất, chiếm 77,8% tổng trị giá xuất khẩu trong 4 tháng đầu năm 2025, đạt 557,1 nghìn tấn, trị giá 2,95 tỷ USD, giảm 14,4% về lượng nhưng tăng 43,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024 do giá xuất khẩu tăng mạnh. [2]

Xuất khẩu cà phê Arabica đạt 43,7 nghìn tấn, trị giá 284,2 triệu USD, tăng 32,2% về lượng và tăng 190,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. [2]

Đáng chú ý, xuất khẩu cà phê chế biến tăng 61,6% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 558,7 triệu USD.



SƠN LA

Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La hiện có 1.143 ha cà phê được ứng dụng công nghệ cao, tập trung tại 18 bản của các xã: Chiềng Ban, Chiềng Chung, Chiềng Dong. Cây cà phê đang trong giai đoạn ra quả non, là thời điểm sinh trưởng quan trọng quyết định năng suất và chất lượng cuối vụ. Chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn đã chủ động triển khai các biện pháp kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và kiểm soát sâu bệnh hại.[3]

Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Mai Sơn đang phối hợp với các xã để tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn nông dân thực hiện chăm sóc, bón phân theo đúng quy trình và liều lượng phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng của cây. Đồng thời, công tác phòng trừ sâu bệnh được đẩy mạnh, tập trung vào các đối tượng gây hại phổ biến như rệp sáp, mọt đục cành và bệnh khô cành. Biện pháp cắt tỉa cành sâu bệnh, tạo độ thông thoáng nhằm tối ưu hóa quang hợp và dinh dưỡng cho cây cũng được thực hiện đồng bộ.[3]

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

LÂM ĐỒNG

Trong năm 2025, huyện Bảo Lâm (tỉnh Lâm Đồng) triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi giống cà phê với tổng kinh phí gần 373,3 triệu đồng. Chương trình nhằm thay thế 16 ha diện tích cà phê già cỗi, có năng suất và chất lượng thấp bằng giống cà phê ghép Thiện Trường, với tổng số 17.776 cây giống được cung cấp. Chính sách ưu tiên tập trung hỗ trợ cho các hộ nghèo, cận nghèo và hộ đồng bào dân tộc thiểu số, với quy mô hỗ trợ tối đa không vượt quá 1 ha/hộ.[4]

Cây giống cà phê ghép Thiện Trường được sản xuất tại các cơ sở vườn ươm đã công bố tiêu chuẩn chất lượng và được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Lâm Đồng tiếp nhận hồ sơ theo quy định. Các tiêu chuẩn kỹ thuật bao gồm: cây gốc ghép có độ tuổi từ 6 đến 8 tháng, mang 6–7 cặp lá thật, đường kính gốc ghép lớn hơn 3 mm; chồi ghép có chiều cao trên 10 cm; cây được huấn luyện ngoài ánh sáng trực tiếp từ 10 đến 15 ngày; thời gian tối thiểu từ lúc ghép đến khi xuất vườn là 40–45 ngày. Việc triển khai chương trình góp phần tái canh có hiệu quả các

vùng cà phê kém năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phát triển bền vững ngành cà phê địa phương. [4]

ĐẮK NÔNG

Tính đến năm 2024, toàn tỉnh Đắk Nông có khoảng 143.000 ha cà phê, trong đó trên 131.000 ha đang cho thu hoạch. Cà phê là cây trồng chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập của nông dân và kinh tế nông nghiệp địa phương. Tuy nhiên, hơn 30% diện tích cà phê hiện nay đã già cỗi, năng suất thấp, rất cần được tái canh bằng giống mới chất lượng cao.[5]

Tỉnh Đắk Nông đang ghi nhận xu hướng mở rộng diện tích trồng mới cà phê do giá cà phê tăng mạnh, vượt ngưỡng 110.000 đồng/kg. Tuy nhiên, hoạt động trồng mới đang đối mặt với rủi ro lớn từ việc sử dụng giống trôi nổi, không rõ nguồn gốc, xuất phát từ các cơ sở ươm giống nhỏ lẻ, thiếu kiểm soát chất lượng.[5]

Trước thực trạng đó, chính quyền địa phương và ngành nông nghiệp tỉnh đã tăng cường kiểm tra, tuyên truyền, khuyến cáo nông dân chỉ sử dụng giống đã được công nhận như TRS1, TR4, TR11...nhằm đảm bảo chất lượng và năng suất[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/giảm
LÂM ĐỒNG	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Dì Linh	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Lâm Hà	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
Bảo Lộc	117.000	116.000	113.500	113.600	115.000	115.020	-5.700
ĐẮK LẮK	117.433	116.433	113.933	114.033	115.633	115.493	-5.580
Cư M'gar	117.500	116.500	114.000	114.100	115.700	115.560	-5.580
Ea H'leo	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.580
Buôn Hồ	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.580
ĐẮK NÔNG	117.450	116.450	113.950	114.050	115.650	115.510	-5.680
Gia Nghĩa	117.500	116.500	114.000	114.100	115.700	115.560	-5.680
Đắk R'lấp	117.400	116.400	113.900	114.000	115.600	115.460	-5.680
GIA LAI	117.233	116.433	113.633	113.733	115.533	115.313	-5.760
Chư Prông	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-5.760
Pleiku	117.200	116.400	113.600	113.700	115.500	115.280	-5.760
La Grai	117.200	116.400	113.600	113.700	115.500	115.280	-5.760
KON TUM	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-7.000
Đắk Hà	117.300	116.500	113.700	113.800	115.600	115.380	-7.000

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: giacaphe.com
- [3]: [I. & M. Smith \(Pty\) Ltd.](#)
- [4]: reuters.com
- [5]: [Tổ chức cà phê Thế giới](#)

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: [Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương](#)
- [3]: [Báo Sơn La](#)
- [4]: [Báo Lâm Đồng](#)
- [5]: nongnghiepmoitruong.vn



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

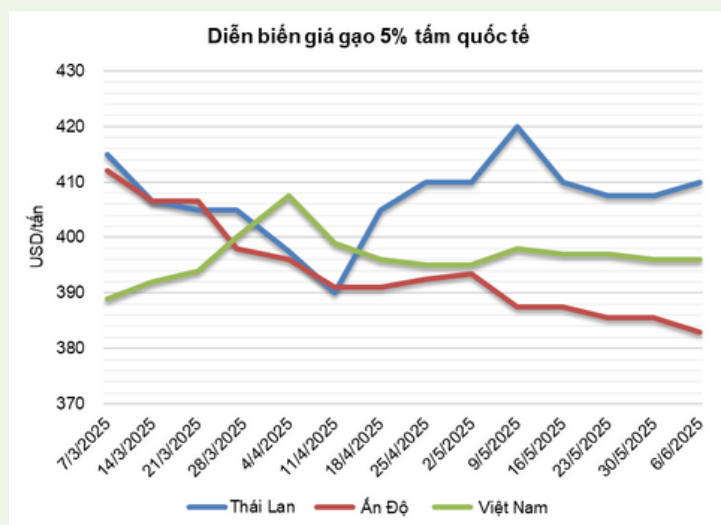
NGÀNH HÀNG LÚA GẠO

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- **Philippines** đang nỗ lực **giảm sự phụ thuộc** vào gạo nhập khẩu từ **Việt Nam**, bằng cách **tìm kiếm nguồn cung mới** từ **Ấn Độ, Thái Lan** và các quốc gia khác;
- **Indonesia** đã đạt mức **dự trữ gạo kỷ lục** với hơn **4 triệu tấn**, mức **cao nhất trong 57 năm qua**;
- **Xuất khẩu gạo** xay xát của **Campuchia** đạt **344.199 tấn** trong **5 tháng đầu năm 2025**, **tăng 13,7%**, với doanh thu **252,3 triệu USD**;
- **Nhật Bản** bắt đầu **xem xét lại chính sách gạo** khi giá gạo tăng gấp đôi trong năm qua, đồng thời **phát hành 610.000 tấn gạo dự trữ** để giảm giá.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá gạo 5% tấm của Thái Lan, Ấn Độ và Việt Nam

Trong tuần từ 02/06/2025-06/06/2025, giá gạo 5% tấm của Thái Lan tăng, Ấn Độ giảm còn Việt Nam không đổi so với tuần trước.

- Giá gạo 5% tấm của Thái Lan đạt 410 USD/tấn, tăng 3 USD/tấn so với tuần trước, do nguồn cung gạo đang ở mức dồi dào;
- Giá gạo 5% tấm của Ấn Độ đạt 383 USD/tấn, giảm 3 USD/tấn so với tuần trước do đồng Rupee mất giá và kì vọng của thị trường về vụ mùa bội thu sắp tới;
- Giá gạo 5% tấm của Việt Nam đạt 396 USD/tấn, không đổi so với tuần trước, do thị trường kém sôi động và nhu cầu yếu. [1]

Philippines

Philippines, quốc gia nhập khẩu gạo lớn nhất thế giới, hiện đang tìm cách đa dạng hóa nguồn cung gạo ngoài Việt Nam, quốc gia hiện chiếm đến 90% tổng lượng gạo nhập khẩu vào Philippines. Mặc dù Việt Nam vẫn là nhà cung cấp chủ yếu, Philippines đã bắt đầu thảo luận với các nhà nhập khẩu tư nhân để tìm nguồn gạo từ các quốc gia khác như Ấn Độ, Pakistan, Campuchia, Myanmar, Indonesia và Thái Lan. Mục tiêu của Philippines là đảm bảo nguồn cung gạo ổn định và giá cả cạnh tranh, giảm thiểu sự phụ thuộc vào Việt Nam nhằm nâng cao an ninh lương thực.

Trong khi đó, giá gạo từ Việt Nam đã tăng mạnh, đạt mức cao nhất trong ba tháng qua do nhu cầu tăng cao từ cả thị trường trong nước và quốc tế. Để kiềm chế lạm phát, Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. đã thực hiện các biện pháp giảm thuế nhập khẩu gạo từ 35% xuống 15% và tuyên bố tình trạng khẩn cấp về an ninh lương thực. Dự báo, lượng gạo nhập khẩu của Philippines sẽ giảm xuống dưới 4,5 triệu tấn vào năm 2025, thấp hơn so với dự báo của USDA là 5,4 triệu tấn. Đồng thời, sản lượng gạo trong nước của Philippines dự kiến đạt kỷ lục 20,46 triệu tấn. [2]

Indonesia

Indonesia đã đạt mức dự trữ gạo kỷ lục với hơn 4 triệu tấn, mức cao nhất trong 57 năm qua. Bộ trưởng Nông nghiệp Indonesia, Andi Amran Sulaiman cho rằng với lượng dự trữ này, Indonesia có thể hoàn thành mục tiêu tự cung cấp gạo sớm hơn dự kiến, thay vì phải chờ đến năm thứ tư của nhiệm kỳ Tổng thống Prabowo Subianto. Chính phủ hiện có kế hoạch phân phối 10 kg gạo mỗi tháng cho 18,3 triệu gia đình nhận trợ cấp trong vòng hai tháng. Phần lớn hỗ trợ sẽ được phân phối đến các khu vực nghèo hoặc không sản xuất gạo như quần đảo Maluku và Papua.

Bên cạnh việc phân phối trợ cấp gạo, ông Sulaiman cũng cho biết rằng chỉ số tỷ lệ trao đổi của nông dân (NTP) vào tháng 05/2025 đã tăng lên 121, vượt qua mục tiêu 110 và cao hơn so với cùng tháng năm ngoái, là 116. NTP là tỷ lệ giữa chỉ số giá mà nông dân nhận được và chỉ số giá mà nông dân phải chi trả. Nó được sử dụng như một chỉ số về sức mua của nông dân. Chỉ số trên 100 cho thấy nông dân đang ở trong tình trạng thặng dư, giúp bảo vệ mức giá ổn định cho cả nông dân và người tiêu dùng. Chính phủ hy vọng chiến lược này sẽ duy trì giá tốt cho nông dân mà không làm ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận lương thực của người tiêu dùng. [3]



Campuchia

Trong 5 tháng đầu năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu 344.199 tấn gạo xay xát, tăng 13,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt kim ngạch 252,3 triệu USD, tăng 15% so với năm trước. Gạo của Campuchia được phân phối sang 63 thị trường, bao gồm các thị trường lớn như châu Âu, Trung Quốc, ASEAN và nhiều khu vực khác. Liên đoàn Gạo Campuchia (CRF) cho biết, các loại gạo xuất khẩu gồm gạo thơm, gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ. Campuchia cũng đã thu về hơn 740 triệu USD từ thương mại lúa xuyên biên giới, với sản lượng lúa giao dịch đạt 3,1 triệu tấn trong 5 tháng đầu năm. CRF đặt mục tiêu xuất khẩu ít nhất 1 triệu tấn gạo trong năm 2025, nhờ vào sự hỗ trợ từ các chính phủ và các thỏa thuận hợp tác quốc tế.

Liên đoàn Gạo Campuchia cam kết sẽ tiếp tục thúc đẩy sự phát triển của ngành xuất khẩu gạo, đồng thời nhận được sự hỗ trợ từ chính phủ Philippines trong chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu gạo. Các thỏa thuận hợp tác nông nghiệp với Indonesia và Philippines dự kiến sẽ giúp mở rộng hơn nữa các cơ hội xuất khẩu và tăng trưởng bền vững cho ngành gạo Campuchia trong tương lai. [4]

Nhật Bản

Nhật Bản đã bắt đầu xem xét lại chính sách gạo sau khi giá gạo tăng vọt, ảnh hưởng đến người tiêu dùng, với mục tiêu tăng sản lượng và đảm bảo nguồn cung ổn định. Chính phủ đã quyết định phát hành gạo từ dự trữ quốc gia để giảm giá, với tổng cộng 610.000 tấn gạo. Gạo sẽ được bán trực tiếp cho các nhà bán lẻ thay vì qua đầu giá, vốn trước đây bị chỉ trích vì giữ giá cao. Thủ tướng Ishiba cam kết đảm bảo nguồn cung gạo ổn định và thảo luận về các biện pháp để cải cách ngành nông nghiệp, bao gồm cả việc tăng cường hỗ trợ cho nông dân và tạo ra một mạng lưới an toàn để giảm thiểu tác động của biến động giá. Chính phủ cũng cam kết cải thiện cơ chế hỗ trợ nhằm duy trì ổn định trong ngành sản xuất lúa gạo.

Bên cạnh đó, Bộ trưởng Nông nghiệp Nhật Bản, Shinjiro Koizumi cho rằng chính phủ cần xem xét lại chính sách xuất khẩu gạo và cơ chế hỗ trợ cho nông dân, đồng thời đảm bảo cung cấp gạo với giá hợp lý cho người tiêu dùng, thúc đẩy sản lượng gạo nội địa để giảm bớt tình trạng thiếu hụt và giảm giá trong thị trường gạo Nhật Bản. [5]

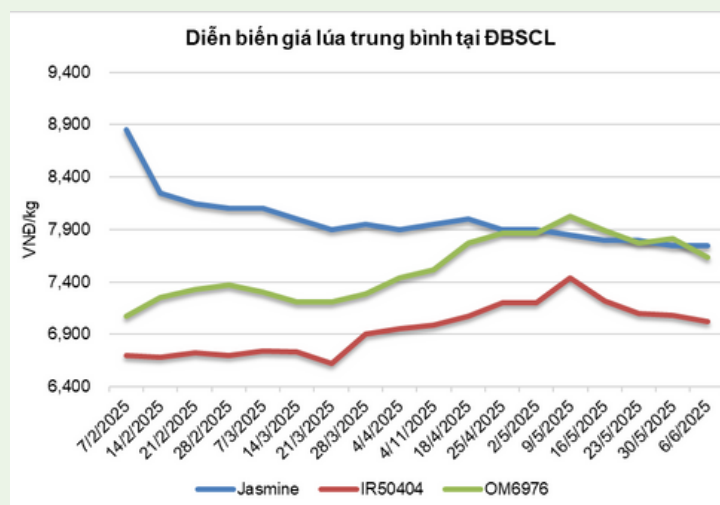




ĐIỂM TIN

- Việt Nam xuất khẩu lô 500 tấn "Gạo Việt xanh, phát thải thấp" đầu tiên sang Nhật Bản, đánh dấu bước tiến lớn trong sản xuất gạo bền vững;
- Đến cuối tháng 05/2025, các tỉnh trên cả nước đang tích cực thu hoạch lúa vụ Đông - Xuân, cũng như tăng cường phòng chống sinh vật gây hại và chủ động triển khai kế hoạch gieo cấy cho vụ Hè - Thu 2025;
- Mô hình tưới ngập khô xen kẽ tại Nghệ An đã mở rộng lên 20.029 ha sau hơn 1 năm triển khai, giúp giảm hơn 50% lượng phát thải khí nhà kính, tiết kiệm nước, nâng cao năng suất;
- Tỉnh Hậu Giang triển khai Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao với diện tích 28.000 ha, thu hút hơn 50 hợp tác xã tham gia.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá gạo trong nước

Trong tuần từ ngày 02/06/2025-06/06/2025, giá lúa khô Jasmine không đổi, còn IR50404 và OM6976 giảm so với tuần trước.

- Giá lúa Jasmine (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt mức 7.750 VNĐ/kg, không đổi so với tuần trước.
- Giá lúa IR50404 (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt 7.020 VNĐ/kg, giảm 60 VNĐ/kg so với tuần trước.
- Giá lúa OM6976 (khô) trung bình tại một số tỉnh ĐBSCL đạt 7.638 VNĐ/kg, giảm 175 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

Xuất khẩu gạo phát thải thấp

Vào ngày 05/06/2025, Hiệp hội Ngành hàng lúa gạo Việt Nam (VIETRISA) và Công ty Trung An đã tổ chức sự kiện xuất khẩu lô gạo "Gạo Việt xanh, phát thải thấp" đầu tiên sang Nhật Bản tại Cần Thơ. Đây là một phần trong Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, giảm phát thải được triển khai tại vùng ĐBSCL đến năm 2030. Dự án nhận được sự hỗ trợ từ các bộ ban ngành và tổ chức quốc tế như IRRI và Tổ chức Phát triển Hà Lan. Trong tổng số 19.200 tấn gạo được chứng nhận, lô hàng xuất khẩu đầu tiên là 500 tấn của Trung An. Sự kiện này minh chứng cho sự tiên phong của Việt Nam trong việc sản xuất gạo giảm phát thải, với sự hỗ trợ chặt chẽ từ các đối tác và chính sách đổi mới sản xuất bền vững.

Công ty Trung An đã đạt được nhiều thành tựu thông qua hợp tác với Tập đoàn Murase của Nhật Bản, thúc đẩy việc sản xuất và xuất khẩu gạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn phát thải thấp. Điều này khẳng định vị thế của Việt Nam trong thị trường quốc tế về nông nghiệp bền vững, đồng thời mở ra nhiều cơ hội hợp tác và nâng cao chất lượng lúa gạo đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu. Việc triển khai dự án không chỉ cải thiện sản xuất mà còn tạo động lực cho sự phát triển bền vững của ngành lúa gạo Việt Nam. [2]



Bảo vệ sản xuất lúa Hè - Thu

Các tỉnh trên cả nước đang tích cực chuẩn bị cho vụ lúa Hè - Thu sau khi thu hoạch vụ Đông - Xuân 2024/25. Tính đến cuối tháng 05/2025, các tỉnh Bắc Bộ đã gieo cấy hơn 700 nghìn ha lúa, các tỉnh Bắc Trung Bộ thu hoạch được khoảng 158 nghìn ha trong tổng số hơn 346 nghìn ha lúa Đông - Xuân. Khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã hoàn thành thu hoạch lúa Đông - Xuân, đồng thời triển khai gieo trồng lúa Hè - Thu sớm. Tại Nam Bộ, diện tích lúa Hè - Thu đã xuống giống gần 1,272 triệu ha, đạt khoảng 83% kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, tình trạng sinh vật gây hại lúa vẫn đang diễn biến phức tạp, đặc biệt là các sâu bệnh như đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ, và rầy hại lúa.

Trong vụ Mùa 2025, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật khuyến cáo các tỉnh mở rộng diện tích lúa ngắn ngày và năng suất cao, đồng thời cần đảm bảo tiến độ thu hoạch. Các tỉnh Bắc Trung Bộ cần thu hoạch trước ngày 05/09, còn Đồng bằng sông Hồng và Trung du miền núi phía Bắc cần hoàn tất thu hoạch trước 25/09 để tạo đất cho vụ đông sớm. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cần rà soát diện tích gieo trồng, chuẩn bị các biện pháp ứng phó hạn hán và đảm bảo tiến độ sản xuất lúa Hè - Thu. [3]



Nghệ An

Mô hình canh tác lúa áp dụng phương pháp tưới ngập khô xen kẽ đã được triển khai tại Nghệ An và đã mở rộng lên hơn 20.000 ha sau một năm, giúp giảm hơn 50% phát thải khí nhà kính, tiết kiệm nước tưới, nâng cao năng suất và tạo cơ hội cho nông dân gia tăng thu nhập từ tín chỉ carbon. Mô hình này đã được triển khai thí điểm tại 5 huyện từ vụ Xuân năm 2024 và sau đó mở rộng ra thêm hai huyện, nâng tổng diện tích lên 20.029 ha. Kỹ thuật tưới này không chỉ có lợi về môi trường mà còn giúp giảm chi phí bơm tưới và hạn chế sâu bệnh, đồng thời tạo ra chuỗi giá trị mới cho ngành lúa gạo với các hợp đồng tiêu thụ dài hạn. Các hợp tác với các doanh nghiệp như Công ty Gạo TH đang được xúc tiến để xuất khẩu gạo giảm phát thải ra các thị trường quốc tế.

Ngoài hiệu quả về môi trường và kinh tế, mô hình còn giúp cải thiện chất lượng đất, bảo tồn nguồn tài nguyên và thay đổi tập quán canh tác truyền thống, hướng tới canh tác bền vững. Mặc dù có những kết quả tích cực, dự án vẫn đối mặt với một số thách thức như thiếu đồng bộ trong hệ thống thủy lợi và nhận thức của một số nông dân, cần tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền và đào tạo.[4]

Hậu Giang

Năm 2025, tỉnh Hậu Giang đăng ký triển khai Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao và phát thải thấp, gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, với diện tích ban đầu là 28.000 ha. Đề án tập trung triển khai tại 6 huyện, thị xã, thành phố trọng điểm trồng lúa, gồm TP. Vị Thanh, thị xã Long Mỹ, huyện Vị Thủy, Châu Thành A, Long Mỹ và Phụng Hiệp. Đến giai đoạn 2026-2030, tỉnh dự kiến mở rộng thêm các đơn vị cấp xã tham gia, đồng thời tăng cường số lượng hợp tác xã tham gia, từ hơn 50 hợp tác xã trong giai đoạn hiện tại. Tỉnh đã lồng ghép các chương trình đào tạo, tập huấn cho nông dân và hợp tác xã, đồng thời thành lập 51 tổ khuyến nông cộng đồng với 562 thành viên, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật và thông tin thị trường.

Các hợp tác xã tham gia Đề án được hỗ trợ về máy móc hiện đại, giống lúa chất lượng cao, phân hữu cơ và tham gia vào mô hình cơ giới hóa trong sản xuất lúa. Các hợp tác xã còn được tạo cơ hội gia tăng thu nhập từ việc tham gia vào thị trường tín chỉ carbon, đồng thời giúp nông dân cải thiện tập quán sản xuất theo hướng canh tác bền vững. [5]



Nguồn tham khảo quốc tế

[1]: <https://www.livemint.com/market/commodities/asia-rice-indian-rates-fall-to-two-year-low-on-robust-rains-weaker-rupee-11749173511222.html>

[2]: <https://agrospectrumindia.com/2025/06/03/to-diversify-rice-imports-philippines-turns-to-india-and-thailand.html>

[3]: [https://en.antaranews.com/news/357569/indonesias-rice-reserves-hit-record-high-over-4-million-tons-stored#:~:text=jakarta%20\(ANTARA\)%20%2D%20Agriculture%20Minister,by%20Indonesia%20in%2057%20years.l](https://en.antaranews.com/news/357569/indonesias-rice-reserves-hit-record-high-over-4-million-tons-stored#:~:text=jakarta%20(ANTARA)%20%2D%20Agriculture%20Minister,by%20Indonesia%20in%2057%20years.l)

[4]: <https://www.khmertimeskh.com/501695191/cambodias-milled-rice-exports-up-13-7-percent-in-first-five-months/>

[5]: <https://english.kyodonews.net/news/2025/06/9fc3a400ae33-japan-begins-debate-on-rice-policy-review-as-prices-soar.html>

Nguồn tham khảo trong nước

[1]: Cộng tác viên tại ĐBSCL

[2]: <https://baohinhphu.vn/xuat-khau-gao-viet-xanh-phat-thai-thap-dau-tien-sang-nhat-ban-102250605104612472.htm>

[3]: <https://nhandan.vn/bao-dam-an-toan-san-xuat-lua-he-thu-post884172.html>

[4]: <https://vneconomy.vn/hon-20-000-ha-lua-o-nghe-an-ap-dung-cong-nghe-canh-tac-moi-ky-vong-huong-toi-gao-xanh-xuat-khau.htm>

[5]: <https://nongnghiepmoitruong.vn/hau-giang-co-hon-50-hop-tac-xa-tham-gia-de-an-1-trieu-ha-lua-d755989.html>

PHỤ LỤC: GIÁ LÚA GẠO TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG TUẦN

Mặt hàng	Tỉnh	Giá tuần này (VNĐ/kg)	Thay đổi so với tuần trước (VNĐ/kg)
Lúa Jasmine (khô)	Cần Thơ	8400	0
	Tiền Giang	7100	0
Lúa IR50404 (khô)	Cần Thơ	6900	-100
	Hậu Giang	8000	-300
	Tiền Giang	6600	+100
Lúa OM6976 (khô)	Hậu Giang	8100	-700
	Đồng Tháp	7200	0
	Trà Vinh	7400	0



ISPAE

AGREINFOS

Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

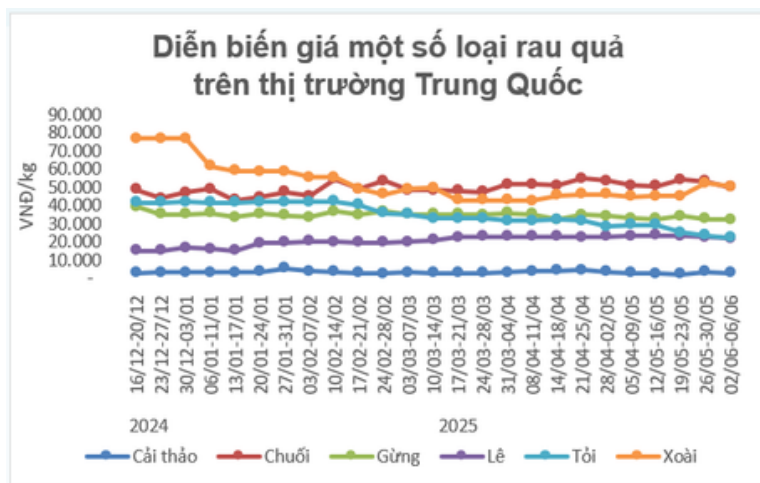
NGÀNH HÀNG RAU QUẢ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Tại thị trường Trung Quốc, giá chuối, gừng, lê, tỏi, cải thảo, xoài đều giảm so với tuần trước;
- Vân Nam dẫn đầu Trung Quốc về nhập khẩu sầu riêng;
- Malaysia triển khai hệ thống giám sát và truy xuất nguồn gốc để bảo vệ vùng trồng sầu riêng;
- Malaysia tổ chức Lễ hội Sầu riêng và Trái cây Penang từ 23/6 đến 20/7;
- Giá trái cây tại Thái Lan giảm mạnh;
- Philippines đã tiếp cận được thị trường sầu riêng tươi Ai Cập;
- Ấn Độ mở rộng trồng việt quất ở năm tiểu bang hướng tới thị trường toàn cầu.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: AGROINFO tổng hợp

Diễn biến giá một số loại nông sản trên thị trường Trung Quốc

- Giá cải thảo trung bình đạt 2.782 VNĐ/kg, giảm 665 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá chuối trung bình đạt 49.733 VNĐ/kg, giảm 3.400 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá gừng trung bình đạt 31.967 VNĐ/kg, giảm 497 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá lê trung bình đạt 21.867 VNĐ/kg, giảm 528 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá tỏi trung bình đạt 22.119 VNĐ/kg, giảm 1.306 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá xoài trung bình đạt 50.138 VNĐ/kg, giảm 1.863 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

(Tỷ giá tạm tính theo Tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước VN từ 05/06-11/06/2025: 1 CNY= 3.477,8 VNĐ)

Trung Quốc

Ngày 28/5/2025, Trung tâm giao thương trái cây Nam Á – Đông Nam Á tại Côn Minh (Trung Quốc) chính thức khai trương, gắn với tuyến đường sắt Trung – Lào. Từ tháng 4/2024 đến nay, trung tâm đã phân phối hơn 9.000 container sầu riêng và măng cụt, với tổng giá trị trên 72 tỷ NDT (khoảng 9,9 tỷ USD). Tính đến tháng 4/2025, tỉnh Vân Nam nhập khẩu 39.000 tấn sầu riêng, trị giá 15,5 tỷ NDT (khoảng 2,13 tỷ USD), chiếm 38,4% cả nước, vượt Quảng Đông để trở thành tỉnh nhập khẩu sầu riêng lớn nhất Trung Quốc. Cửa khẩu Mò Hãn – đặc biệt qua đường sắt – hiện xử lý hơn 200 container/ngày, chiếm khoảng 1/3 lượng sầu riêng Thái Lan xuất sang Trung Quốc, là tuyến nhập khẩu sầu riêng đường bộ lớn nhất. Khu logistics Côn Minh hiện có hơn 130 doanh nghiệp hoạt động, với doanh thu khoảng 30 tỷ NDT (khoảng 4,1 tỷ USD). [2]

Malaysia

Malaysia triển khai hệ thống giám sát, truy xuất nguồn gốc để bảo vệ vùng trồng sầu riêng

Từ ngày 1/6, bang Penang (Malaysia) triển khai hệ thống giám sát và truy xuất nguồn gốc thông minh để giám sát toàn diện các loại sầu riêng được trồng tại địa phương, đặc biệt là từ Balik Pulau. Hệ thống này sẽ giúp giải quyết vấn đề gian lận và đánh tráo nguồn gốc sầu riêng Penang. Mỗi quả sầu riêng sẽ được gắn mã QR cho phép truy xuất nguồn gốc từ trang trại đến người tiêu dùng. Hiện tại, khoảng 60 nông dân đã đồng ý tham gia hệ thống gắn thẻ thông minh, cùng

với 20 trang trại lớn đã hoàn tất đăng ký. Chính quyền bang cũng đang xem xét áp dụng hệ thống gắn thẻ này như một yêu cầu bắt buộc để bảo vệ danh tiếng của sầu riêng địa phương và hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường. [3]

Malaysia tổ chức Lễ hội Sầu riêng và Trái cây Penang từ 23/6 đến 20/7

Lễ hội Sầu riêng và Trái cây Penang (Malaysia) sẽ diễn ra từ ngày 23/6 đến 20/7 tại Persiaran Queensbay, Bayan Lepas. Sự kiện được tổ chức nhằm quảng bá giá trị và chất lượng đặc sắc của các loại trái cây địa phương, đặc biệt là sầu riêng – loại quả nổi tiếng của vùng. Đây là cơ hội tiếp thị trực tiếp giúp các nông hộ nhỏ tiếp cận người tiêu dùng, qua đó tăng doanh thu và cải thiện thu nhập. Đồng thời, lễ hội cũng góp phần thúc đẩy du lịch nông nghiệp, từng bước xây dựng Penang trở thành điểm đến hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế yêu thích trải nghiệm nông nghiệp. [4]

Thái Lan

Giá trái cây tại Thái Lan năm nay sụt giảm mạnh do nguồn cung tăng cao và một số giống cây kém chất lượng. Theo ông Wittayakorn Maneenetr – Tổng cục trưởng Cục Thương mại Nội địa Thái Lan, việc nhiều loại trái cây như sầu riêng, măng cụt, chôm chôm, xoài và vải cùng vào mùa đã dẫn đến tình trạng dư thừa trên thị trường nội địa. Thêm vào đó, sự cạnh tranh từ trái cây nhập khẩu khiến áp lực tiêu thụ tăng lên. Do đặc



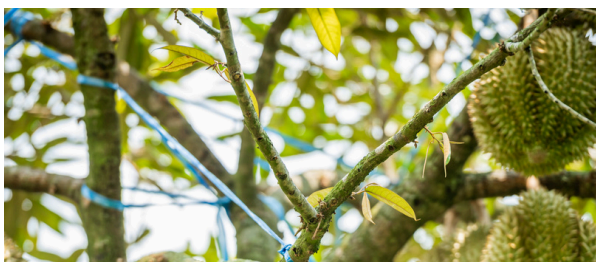
tính dễ hư hỏng và thời gian bảo quản ngắn (chỉ 7–10 ngày sau thu hoạch), trái cây khó tiêu thụ kịp, kéo giá xuống thấp. Các nhà vườn nhỏ lẻ gặp khó trong việc duy trì chất lượng ổn định và chưa đáp ứng tốt các yêu cầu thị trường. Việc mở rộng diện tích canh tác ra ngoài các vùng truyền thống mà thiếu kiểm soát chất lượng cũng làm tình hình thêm nghiêm trọng. Hiện tại, khoảng 70–80% sản lượng trái cây Thái Lan được định hướng xuất khẩu sang các thị trường như Trung Quốc, Đông Nam Á, Hàn Quốc, Nhật Bản và EU. [5]

Philippines

Philippines đã chính thức đạt được quyền tiếp cận thị trường Ai Cập cho sầu riêng tươi sau gần hai năm đàm phán. Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) cho biết đây là kết quả của sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và hệ thống kiểm dịch thực vật đáng tin cậy.

Các nhà xuất khẩu Philippines cần đảm bảo đối tác Ai Cập có giấy phép nhập khẩu qua hệ thống điện tử, và BPI sẽ chỉ cấp giấy chứng nhận kiểm dịch khi đầy đủ thủ tục xuất – nhập khẩu.

Việc mở cửa thị trường này là một phần trong chiến lược mở rộng và đa dạng hóa xuất khẩu nông sản của Philippines. Bên cạnh đó, Ai Cập được xem là cửa ngõ chiến lược vào thị trường Trung Đông và Bắc Phi – khu vực đang có nhu cầu cao về trái cây nhiệt đới. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu nông sản Philippines sang Ai Cập đã tăng gần gấp đôi, đạt 2,88 triệu USD, chủ yếu nhờ các sản phẩm từ dừa. [6]



Ấn Độ

Ấn Độ đang mở rộng canh tác việt quất tại năm bang gồm Maharashtra, Karnataka, Himachal Pradesh, Tamil Nadu và Uttarakhand – những nơi có khí hậu và đất đai phù hợp. Hiện sản lượng việt quất dao động từ 2.000–3.000 tấn/năm, thu hoạch chủ yếu từ tháng 3 đến tháng 5. Maharashtra dẫn đầu về sản lượng nhờ áp dụng công nghệ canh tác hiện đại. Các bang khác như Karnataka, Himachal Pradesh, Tamil Nadu và Uttarakhand cũng phát triển mạnh. Mục tiêu mở rộng không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa, mà còn hướng tới xuất khẩu sang Trung Đông và Đông Nam Á, đánh dấu bước tiến quan trọng của Ấn Độ trong ngành việt quất toàn cầu. [7]

Hungary

Tháng 4–5/2025, Hungary chịu sương giá nghiêm trọng với nhiệt độ xuống -8°C, khiến sản lượng anh đào chua giảm còn khoảng 35.000 tấn, thấp hơn nhiều so với mức trung bình 60.000–70.000 tấn. Các giống chín sớm như Meteor và Érdi thiệt hại đến 80–100%, ảnh hưởng nặng đến ngành chế biến. Bệnh nấm và rụng quả tiếp diễn khiến sản lượng sụt giảm. Tình trạng thiếu hụt và giá tăng lan rộng sang nhiều nước Đông Âu và Thổ Nhĩ Kỳ. [8]



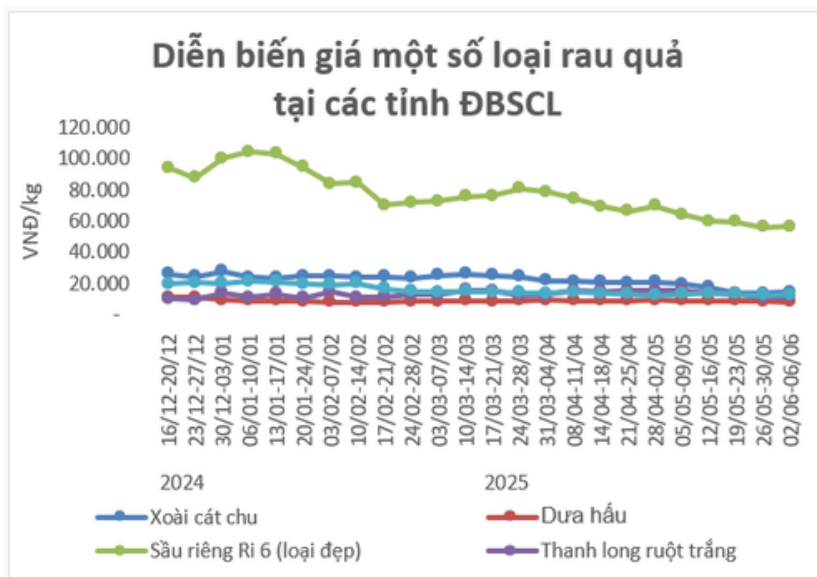
Nguồn tham khảo:

- [1]: <http://www.xinfadi.com.cn/priceDetail.html>
- [2]: Guojiguoshu.com
- [3]: Vietnambiz.vn
- [4]: Vietnambiz.vn
- [5]: Vietnambiz.vn
- [6]: Vietnambiz.vn
- [7]: Freshplaza.com
- [8]: Freshplaza.com



THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

ĐIỂM TIN



Diễn biến giá một số loại nông sản tại thị trường trong nước

- Giá xoài Cát Chu trung bình đạt 14.333 VNĐ/kg, tăng 667 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá dưa hấu trung bình đạt 8.167 VNĐ/kg, giảm 83 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá sầu riêng Ri 6 (loại đẹp) trung bình đạt 56.500 VNĐ/kg, tăng 500 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá thanh long ruột trắng trung bình đạt 11.333 VNĐ/kg, tăng 333 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]
- Giá cà chua trung bình đạt 12.750 VNĐ/kg, tăng 500 VNĐ/kg so với tuần trước. [1]

- Giá dưa hấu giảm; giá xoài Cát Chu, sầu riêng Ri6 (loại đẹp), thanh long ruột trắng, cà chua tăng so với tuần trước;
- Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 07/06/2025, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 396 xe, trong đó có 192 xe chờ hoa quả và 83 xe chứa xác định mặt hàng;
- Xuất khẩu rau quả vẫn có thể đạt 8 tỷ USD trong năm nay;
- Lô sầu riêng đông lạnh đầu tiên được xuất khẩu;
- Thủ tướng chỉ đạo vấn đề xuất khẩu sầu riêng, giao công an điều tra việc gian lận;
- Khai mở mùa vải thiều Thanh Hà 2025, hướng tới thị trường toàn cầu;
- Sầu đục củ hoành hành vùng nguyên liệu khoai lang Vĩnh Long.

Tình hình xuất khẩu rau quả qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 07/06/2025, tổng số phương tiện chở hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 396 xe, trong đó xe chở hoa quả là 192 xe, mặt hàng khác là 121 xe và 93 xe chưa xác định mặt hàng. Cụ thể: (i) tồn 290 xe tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, trong đó có 97 xe hoa quả và 83 xe chưa xác định mặt hàng; (ii) tồn 87 xe đường chuyên dụng vận chuyển hàng hóa Tân Thanh - khu vực mốc 1088/2-1089), trong đó có 85 xe hoa quả; (iii) tồn 19 xe tại cửa khẩu song phương Chi Ma, trong đó có 10 xe hoa quả; (iv) không có xe tồn lỗi thông quan Cốc Nam (khu vực mốc 1104-1105, cửa khẩu phụ Na Hình và cửa khẩu phụ Nà Nưa. [2]

Lô sầu riêng đông lạnh đầu tiên được xuất khẩu

Ngày 3/6/2025, lô sầu riêng đông lạnh đầu tiên của Việt Nam với trọng lượng hơn 22 tấn, có nguồn gốc từ tỉnh Lâm Đồng, đã chính thức được xuất khẩu sang Trung Quốc qua cửa khẩu cầu Bắc Luân II.

Trái sầu riêng được xử lý bằng công nghệ làm lạnh nhanh đến âm 18 độ C bằng nitơ lỏng, giúp kéo dài thời hạn sử dụng, thuận lợi cho vận chuyển đường dài và bảo quản lâu dài.

Trước đó, ngày 28/5, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam đã hội đàm với Tổng cục trưởng Hải quan Trung Quốc để tháo gỡ các khó khăn trong xuất khẩu nông, lâm, thủy sản, đặc biệt là mặt hàng sầu riêng. Tính đến nay, hai nước đã ký kết 28 thỏa thuận liên quan đến nhập khẩu nông sản. Sầu riêng đông lạnh hiện đang được người tiêu dùng và doanh nghiệp chế biến thực phẩm tại Trung Quốc ưa chuộng, mở ra hướng phát triển mới cho nông sản Việt trên thị trường quốc tế. [3]



Xuất khẩu rau quả vẫn có thể đạt 8 tỷ USD trong năm nay

Trong 5 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu rau quả của Việt Nam đạt hơn 2,1 tỷ USD, giảm 17% so với cùng kỳ do sâu riêng, thanh long và mít sụt giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do Trung Quốc siết chặt kiểm soát chất lượng, đặc biệt với các chất cadimi và vàng O, khiến nhiều lô hàng bị ách tắc. Trong khi đó, một số mặt hàng như xoài, chuối và dứa vẫn tăng trưởng tốt. Dù gặp khó khăn, việc Trung Quốc cấp thêm nhiều mã vùng trồng và đóng gói sầu riêng mở ra hy vọng phục hồi xuất khẩu trong Quý II. Nếu sớm tháo gỡ các nút thắt, đặc biệt về kiểm nghiệm chất cấm và mở rộng thị trường, mục tiêu 8 tỷ USD xuất khẩu rau quả trong năm 2025 vẫn có thể đạt được. [4]

Thủ tướng chỉ đạo vấn đề xuất khẩu sầu riêng, giao công an điều tra việc gian lận

Ngày 23/5/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 71 chỉ đạo khẩn cấp nhằm thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu sầu riêng bền vững sau khi xảy ra nhiều vụ lô hàng bị trả về do vi phạm quy định an toàn thực phẩm. Công điện yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Bộ Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện quy định quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và quy trình sản xuất an toàn; Bộ Công an điều tra, xử lý nghiêm các hành vi gian lận. Đồng thời, Thủ tướng giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, phát triển thương hiệu sầu riêng quốc gia, xúc tiến thương mại mở rộng thị trường; chỉ đạo đàm phán với Trung Quốc nhằm thống nhất kiểm dịch, thủ tục thông quan. Các địa phương được yêu cầu quản lý chặt vùng trồng, không để tăng nóng diện tích gây mất cân đối cung - cầu, đồng thời kiểm tra định kỳ đảm bảo tuân thủ quy định xuất khẩu.

Công điện cũng nhấn mạnh ưu tiên thông quan, bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng và tăng tỷ trọng sản phẩm chất lượng cao, chế biến sâu nhằm nâng cao giá trị xuất khẩu. [5]

Khai mở mùa vải thiều Thanh Hà 2025, hướng tới thị trường toàn cầu

Sáng 30/5/2025, tỉnh Hải Dương tổ chức lễ khai mạc mùa vải thiều Thanh Hà với mục tiêu đẩy mạnh tiêu thụ trong nước và mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Năm nay, toàn tỉnh có khoảng 8.800 ha vải thiều, sản lượng dự kiến đạt 60.000 tấn, trong đó huyện Thanh Hà chiếm 38.000 tấn. Nhờ thời tiết thuận lợi, chất lượng vải được đánh giá cao, đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

Hải Dương hiện có 68 vùng sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP, 198 mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu sang nhiều thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, EU, Australia. Nhiều doanh nghiệp đã ký kết bao tiêu sản phẩm và phối hợp giám sát chất lượng chặt chẽ. Song song với xuất khẩu, tỉnh cũng đẩy mạnh tiêu thụ nội địa qua hệ thống phân phối, sàn thương mại điện tử và hoạt động du lịch trải nghiệm vườn vải. Chính quyền cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để nâng cao thương hiệu và giá trị của vải thiều Thanh Hà. [6]

Queen Farm - Trang trại sầu riêng công nghệ cao lớn nhất tỉnh Bình Phước

Queen Farm (huyện Bù Đăng) là trang trại sầu riêng công nghệ cao lớn nhất tỉnh Bình Phước, quy mô 55 ha với gần 10.000 cây (Musang King, Ri6) cùng mít và vú sữa.

Trang trại áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt Israel dài 75 km, mạng IoT và camera giám sát, đạt chứng nhận GlobalGAP và ISO 9001:2000; canh tác hữu cơ, không thuốc trừ cỏ, đồng thời cải tạo đất trồng cao su cũ, nâng pH từ 4,3 lên 5,5–6.

Nhờ quản lý số hóa, chỉ 13 công nhân vận hành toàn bộ mô hình, tiết kiệm chi phí và giảm sâu bệnh. Queen Farm đã có mã vùng trồng, cơ sở đóng gói và kho lạnh, hướng tới xuất khẩu sầu riêng chất lượng cao và phát triển du lịch nông nghiệp xanh. [7]

Sâu đục củ hoành hành vùng nguyên liệu khoai lang Vĩnh Long

Theo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Bình Tân (Vĩnh Long), trong đợt xuống giống gần nhất, nông dân toàn huyện đã trồng thêm 171 ha khoai lang, nâng tổng diện tích lên 881 ha, tăng 334 ha so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, thời tiết không thuận lợi khiến nhiều diện tích khoai bị bệnh héo dây, héo củ và thối củ. Đồng thời, sâu bệnh cũng phát triển mạnh, đặc biệt là sâu đục củ. Chất lượng khoai kém khiến giá bán thấp.

Chính quyền địa phương đã tổ chức tập huấn kỹ thuật, khuyến khích nông dân tham gia hợp tác xã, ứng dụng kỹ thuật và trồng rải vụ để giảm thiệt hại và ổn định sản xuất. [8]



Nguồn tham khảo:

- [1]: CTV tại ĐBSCL, Sơn La và Hà Nội
- [2]: <https://langsontrade.vn/thong-tin-xuat-nhap-khau-lang-son/tong-hop/>
- [3]: Vtv.vn
- [4]: Daibieunhandan.vn
- [5]: Vietnamnet.vn
- [6]: Nongnghiepmoitruong.vn
- [7]: Nongnghiepmoitruong.vn
- [8]: Nongnghiepmoitruong.vn

PHỤ LỤC: GIÁ RAU QUẢ TẠI MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TRONG TUẦN

ĐVT: VNĐ/kg

Loại HH/Địa phương	Giá tuần trước	Giá tuần này	Thay đổi so với tuần trước
Xoài Cát Chu	13.667	14.333	667
Đồng Tháp	8.000	12.000	4.000
Tiền Giang	15.000	13.000	-2.000
Vĩnh Long	18.000	18.000	
Dưa hấu	8.250	8.167	-83
Cần Thơ	7.000	7.000	
Đồng Tháp	8.000	8.000	
Tiền Giang	12.500	12.000	-500
Vĩnh Long	7.000	7.000	
Bến Tre	7.000	7.000	
Hậu Giang	8.000	8.000	
Sầu riêng Ri 6 -loại đẹp	56.000	56.500	500
Cần Thơ	70.000	70.000	-
Đồng Tháp	50.000	55.000	5.000
Tiền Giang	64.000	59.000	-5.000
Vĩnh Long	40.000	42.000	2.000
Thanh long ruột trắng	11.000	11.333	333
Long An	4.000	6.000	2.000
Tiền Giang	21.000	20.000	-1.000
Vĩnh Long	8.000	8.000	
Cà chua	12.250	12.750	500
Cà Mau	12.500	14.000	1.500
Tiền Giang	12.000	11.500	-500

Nguồn: CTV Agroinfo